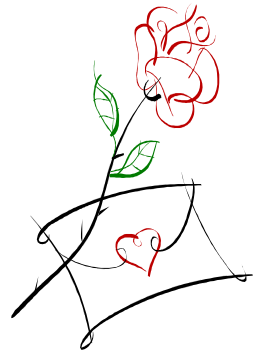


Lá Thư Tòa soạn



Chàng quý độc giả thân mến,

Hai chữ Vu Lan như hằng thức nhắc chúng ta phải luôn nhớ đến cội nguồn. Dù sống trong xã hội thời đại nào không ai có thể quên được cội nguồn. Bởi cội nguồn là gốc rễ của con người: gốc rễ của dòng huyết thống và gốc rễ của truyền thống tâm linh. Thiếu hai gốc rễ này thì làm người không còn có ý nghĩa giá trị gì nữa. Bởi phẩm chất giá trị luân lý đạo đức của con người không còn. Vì thế, hướng về cội nguồn cũng chính là hướng về lẽ sống đạo đức cao thượng để xây dựng nếp sống con người và cuộc đời càng tăng thêm giá trị thiêng liêng cao đẹp.

Từ ngàn xưa, hiếu đạo luôn là nền tảng vững chắc để xây dựng đạo đức nhân bản. Có đạo đức nhân bản thì con người mới có thể yêu thương và tình người mới thắt chặt thắm đượm nhau hơn. Thiếu đi chất liệu đạo đức thì phẩm chất tình thương sẽ không còn. Hiếu đạo là cột trụ nhằm giữ vững giềng mối đạo đức gia đình và xã hội. Vì thế, bất luận thời đại nào đối với dân tộc Việt Nam thì, hiếu đạo vẫn luôn được coi trọng và đặt lên hàng đầu.

Vu Lan ngoài ý nghĩa thức nhắc chúng ta nhớ về cội nguồn tổ tiên, ông bà, cha mẹ ra, nó còn mang một ý nghĩa sâu xa hơn là mỗi người chúng ta hãy tự quán chiếu nhìn kỹ lại chính mình, hầu để nhận diện và chuyển hóa đổi mới thân tâm theo chiều hướng thánh thiện giác ngộ giải thoát. Đặt định trên cơ sở phẩm chất đạo đức để từ đó chúng ta nỗ lực hành thiện lợi mình, lợi người.

Bao mùa Vu Lan qua những sinh hoạt Phật

sự tại Tổ Đình Phước Huệ vẫn luôn tích cực nỗ lực duy trì theo nhịp điệu thời gian mà tinh cần phát triển tu học. Một trong những Phật sự đáng kể nhất trong việc phát huy tinh thần tu học, nhằm nâng cao phẩm hạnh giới đức, là luôn duy trì truyền thống an cư kiết hạ. Suốt thời gian hơn hai thập niên qua, từ khi cố Đại lão Hòa thượng Tông trưởng còn sinh tiền, mãi cho đến hôm nay, không năm nào mà ở Tổ Đình không có tổ chức những mùa an cư kiết đông cho chư Tăng, Ni quy tụ tu học. Không những chỉ có những Tăng, Ni trong tông môn không thôi, mà còn có những Tăng Ni từ các nơi khác đến. Như trong mùa an cư năm nay có hai vị đến từ Na Uy xin tham dự an cư 3 tháng. Ngoài ra, còn có một vài vị hiện đang du học ở nước ngoài, nhưng hằng năm cứ đến mùa an cư kiết đông, các vị đó đều trở về Tổ Đình để hòa mình cùng với đại chúng tu học. Như trường hợp Sư Cô Phước Hỷ chẳng hạn. Năm nào Sư Cô cũng từ Đài Loan về Tổ Đình phát nguyện an cư 3 tháng. Đó là nét son tinh tấn thật đáng kể mà họ đã ý thức trong vai trò trách nhiệm bốn phận của mình.

Ngoài việc tổ chức an cư hằng năm ra, Tổ Đình còn có tổ chức các khóa tu học ngắn hạn khác như khóa tu xuất gia ngắn hạn ba tuần trong mùa holiday hoặc trong các ngày lễ vía v.v... Đặc biệt trong ngày lễ vía Bồ tát Quán Thế Âm 19/6/Âm lịch năm nay, Tổ Đình có tổ chức khóa tu học 3 ngày từ ngày 22/7 - 24/7/2016, tức nhằm các ngày 19/6 - 21/6 Âm lịch năm Bính Thân. Ngoài ra còn có khóa tu Tịnh nghiệp 3 ngày vào dịp cuối năm và mỗi chủ nhật hằng tuần

đều có thọ Bát quan trai giới. Số lượng quý liên hữu Phật tử về chùa thọ bát ngày càng đông đảo hơn so với trước kia.

Trên đây là một vài nét chính sinh hoạt tu học thường xuyên tại Tổ Đình, ngoài ra, còn có những hoạt động Phật sự khác trong các lĩnh vực như : văn hóa, giáo dục, hoằng pháp và xã hội. Một trong những sinh hoạt về lĩnh vực văn hóa, từ trước tới nay Tổ Đình luôn duy trì thờ Đắc San Phước Huệ. Hằng năm tờ báo đã được phát hành vào những kỳ đại lễ đặc biệt như: Phật đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán. Sở dĩ tờ báo được duy trì sống còn cho đến ngày nay, âu cũng nhờ sự nhiệt tâm đóng góp về tịnh tài cũng như bài vở của chư Tôn đức Tăng Ni và quý Phật tử, nhất là quý vị trong Ban biên tập cũng như vị cộng tác viên và sự ủng hộ của quý độc giả. Chúng tôi xem đây như là một món quà tinh thần kính gửi đến quý

độc giả qua những kỳ Đại lễ.

Trong niềm hoài vọng hướng về mùa Vu Lan Thắng Hội Phật lịch 2560, Dương lịch 2016, với bao tâm thành tri ân và báo ân, trong ý hướng tìm lại nguồn sống đích thực chân giá trị cao đẹp của con người, để nâng cao phẩm chất hiếu đạo cho đúng nghĩa trọn vẹn con người, tòa soạn xin chân thành kính quý độc giả thân thương cùng gia quyến, một mùa Vu lan mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp nhất, trong niềm vui tràn đầy hạnh phúc với tất cả tâm thành trong ý hướng xây dựng thật chặt tình người và niềm hiếu hạnh cao vời muôn thuở.

Trân Trọng

Ban Biên Tập

Tổ Đình Phước Huệ

Thiệp Mời

Tham dự Đại lễ Vu Lan Thắng Hội Pl 2560

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời: Quý Đồng hương Phật tử
Đến tham dự Đại lễ Vu Lan Thắng Hội Pl.2560
được tổ chức tại Tổ đình Phước Huệ

365 Victoria Street Wetherill Park NSW 2164 - Điện thoại: (02) 9725 2324

Trong hai ngày:

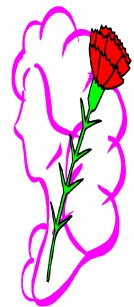
- **Thứ Bảy 13/08/16** - **Khóa lễ Vu lan báo hiếu tại Đại Tòng Lâm PG** vào lúc 10 giờ sáng
 - Lễ Truyền Tam quy - Ngũ giới vào lúc 15:00 tại Tổ đình
 - **Lễ Dâng sớ cầu siêu Vu lan** vào lúc 18:30 giờ tối
- **Chủ Nhật 14/08/16** - **Đại lễ Vu lan Thắng Hội** vào lúc 10 giờ 30 sáng
 - Lễ Cài hoa hồng - Văn nghệ Vu lan lúc 13:30

Sự hiện diện của Quý vị sẽ góp phần vào việc duy trì đạo hiếu truyền thống lâu đời của tổ tiên chúng ta.

Kính chúc quý vị hiếu tâm kiên cố, phước quả viên thành.

Trân trọng

Ban Tổ Chức





THE VIETNAMESE BUDDHIST PHUOC HUE TEMPLE

TỔ ĐÌNH PHƯỚC HUỆ

365 Victoria Street, Wetherill Park N.S.W. 2164 Australia
Tel: (02) 9725 2324 Fax: (02) 9725 5385 Email: phuochue@phuochue.org

THÔNG BẠCH ĐẠI LỄ VU LAN PHẬT LỊCH 2560

Kính gửi : Chư Tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni,
Quý đồng hương Phật tử,

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa quý liệt vị,

Mỗi năm vào tiết trung nguyên, ngày rằm tháng bảy âm lịch, toàn thể Phật tử và hàng hiếu tử khắp mọi nơi đều long trọng cử hành pháp hội Vu Lan, cúng dường Tam Bảo và hiện tiền Sư Tăng, hồi hướng phước báo cầu nguyện cho cha mẹ và lục thân quyến thuộc hiện đời an vui, phước thọ tăng long, người quá vãng siêu sanh tịnh vực.

Vu Lan là ngày lễ trọng đại thể hiện đức từ tế của hàng thánh giả, bộc chúng trung tôn và lòng hiếu đạo của những người con hiếu thuận.

Vu Lan là phương pháp cứu khổ, là một hành pháp của Tứ vô lượng tâm - Từ, Bi, Hỷ, Xả. Do đó hàng hiếu tử, chúng ta ngoài việc báo đáp công ơn sanh thành dưỡng dục, chúng ta nên hướng về những người đang sống trong nỗi bất hạnh và các loài cần sự chia sẻ, cứu giúp, bằng tất cả sự chơn thành và phương tiện có thể có được.

Đây chính là thắng hạnh của Vu Lan bồn, ngày pháp hội thù thắng hằng năm vào tiết trung nguyên được trân trọng cung kính mệnh danh là Vu lan thắng hội, mùa Vu lan, mùa báo hiếu, mùa xá tội vong nhân...

Kính mong toàn thể hoan hỷ hướng về mùa Vu Lan báo hiếu bằng tấm lòng thành kính, trang nghiêm ba nghiệp.

Trong giờ phút trang nghiêm cung tiến thắng hội Vu Lan, toàn thể pháp chúng dành một phút thành kính tưởng niệm đức Tông trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học Phái, Khai Tổ Phật giáo Việt Nam tại Úc Châu, Thượng nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại Sư.

Kính nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, quý đồng hương Phật tử thân tâm thường an lạc, mùa Vu lan báo hiếu thù thắng.

Trân trọng

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái

Tông trưởng

Hòa thượng Thích Phước Bồn

HIẾU ĐẠO

Là Nền Tảng Đạo Đức Nhân Bản



Cứ mỗi độ Vu Lan về gọi nhắc người ta nhớ đến cội nguồn. Hai chữ "cội nguồn" tự nó đã nói lên tính chất thiêng liêng đạo đức cao thượng của con người. Vì sự có mặt của con người, dù sống trong thời đại nào, văn minh hay lạc hậu, tiến bộ hay thoái hóa, không ai lại không có cội nguồn huyết thống. Cội nguồn huyết thống đó là tổ tiên ông bà cha mẹ của chúng ta. Sự di truyền này đã có từ khi con người xuất hiện trên hành tinh này. Đó là tất cả những gì mà con người được thừa hưởng một gia sản truyền đạt quý báu. Cho nên sự tiếp nối luân lưu trong dòng huyết thống phải là sự tiếp nối trong vòng tay yêu thương đạo đức tình người. Đạo đức của con người được thể hiện trong nếp sống thăng hoa cao đẹp. Giá trị của con người được đánh giá cao đẹp là nhờ vào tính chất đạo đức nhân bản này. Thiếu hay mất đi tính chất đạo đức hướng thượng thì xã hội loài người sẽ không còn có giá trị gì nữa. Sở dĩ người ta gọi thế giới loài vật là vì chúng nó thiếu tính chất đạo đức tình thương không như xã hội loài người. Vì tính chất đạo đức của con người khác xa loài cầm thú. Bởi bản chất của con người là không hiếu sát, bất bạo động và luôn thể hiện tình thương. Tình thương là nền tảng để xây dựng xã hội loài người. Thiếu vắng đi yếu tố này thì xã hội loài người sẽ trở thành một xã hội không hơn gì thế giới loài vật. Vì bản chất của loài vật là chúng luôn bạo động theo bản năng của chúng. Chúng không có đạo đức và tình yêu thương đồng loại. Bởi trí năng hiểu biết phân biệt của chúng rất hạn hẹp. Sự hiểu biết của chúng làm sao có thể so sánh với loài người? Trí tuệ của loài người là một thứ trí tuệ siêu đẳng. Vượt hơn tất cả những loài hạ đẳng khác. Đó là một trí năng nếu con người khéo biết khám phá và chuyển hóa tu tập thì sẽ trở nên các bậc Hiền Thánh.

Bởi tính chất "Hiếu Đạo" quan trọng như thế,

cho nên từ ngàn xưa, đôi với nền văn hóa dân tộc Việt Nam, hiếu đạo luôn được dân ta đề cao và làm nền tảng cho nội sinh hoạt hướng thượng "Đạo Đức" tốt đẹp. Đức "*hiếu sinh và hiếu hóa*", luôn là định hướng chỉ đạo cho nếp sống thăng hoa trong mọi tư tưởng và hành động. Có thể nói, hiếu đạo là nguồn sống thiêng liêng, là chất keo gắn bó trong mối tương quan mật thiết giữa gia đình và xã hội. Nếu gia đình mất đi chất keo Đạo Đức thương yêu gắn bó hòa ái này, thì mái ấm gia đình chắc chắn sẽ bị mất gốc, lỏng lẻo và không khéo sẽ đi đến tai hại đổ vỡ. Và từ đó, nó sẽ dẫn đến hậu quả gây nên tình trạng bất an hệ lụy cho xã hội.

Có biết bao gia đình đã và đang lâm vào hoàn cảnh tang thương bi đát, chỉ vì những thành viên trong gia đình thiếu "*hiếu biết, cảm thông, thương yêu và nhường nhịn*" lẫn nhau. Từ đó, gây nên những mâu thuẫn, xung đột bất hòa và mỗi người trở thành là một ốc đảo khép kín. Tuy sống chung trong một gia đình mà nguồn yêu thương cảm thông như bị héo mòn khô kiệt. Mỗi cá nhân luôn sống trong nỗi uất hận, dồn nén những nội kết phiền muộn, bức xúc, bất an. Họ không thiết lập được truyền thông với nhau. Đã thế, thì thử hỏi làm sao mà có thể hóa giải những gút mắc nội kết cho được! Đến một lúc nào đó, không còn chịu đựng được nữa, thì nỗi căm tức oán hận kia sẽ bùng nổ dữ dội. Có biết bao thảm cảnh xung đột bạo hành sát hại lẫn nhau trong gia đình. Một ông chồng vũ phu đã chém người vợ nhiều nhát dao và bàn tay gàn bị đứt lìa. Câu chuyện xảy ra tại Hà Nội theo lời thuật lại trên trang mạng xã hội. Đó là một trong muôn ngàn thảm nạn khổ đau không sao kể xiết.

Cứ nhìn vào thực trạng của xã hội loài người hiện nay, chúng ta thấy một sự phản ảnh rất trung thực trong sự mất gốc đạo đức nhân bản này. Phải chăng, đó cũng là hậu quả của một

nền giáo dục đặt định quá thiên trọng đề cao chủ nghĩa cá nhân và nhất là quá đặt nặng hướng ngoại về khoa học kỹ thuật vật chất, mà xem nhẹ coi thường yếu tố đạo đức tinh thần. Nhất là đối với thế hệ trẻ ngày nay, phần lớn, phải thành thật mà nói, dường như chúng đã đánh mất niềm tin định hướng đạo đức làm người. Chúng không còn tin tưởng vào thế hệ người lớn, nhất là đối với các bậc phụ huynh, những người có trách nhiệm hướng dẫn giáo dục, gần như là cha mẹ của chúng. Chúng đã chứng kiến đời sống của cha mẹ không có hạnh phúc. Trong gia đình vợ chồng thường hay rầy rà cãi vã kinh chống thù hận với nhau. Từ đó, chúng đi tìm một lối sống riêng không còn thắt chặt mối dây liên hệ mật thiết gia đình. Đó là hậu quả dẫn chúng đi vào con đường tội phạm sa đọa và rồi tạo thành một mối nguy nan khôn đốn lớn lao cho xã hội.

Bức tranh xã hội hiện nay càng ngày càng đen tối gần như tuyệt vọng. Giới trẻ đã thực sự nổi loạn. Chúng nổi loạn từ trong gia đình, trường học, và lan lây rộng ra ngoài xã hội. Biết bao vụ thảm sát vô cớ mà không cần biết đến nguyên nhân từ đâu. Và cũng không cần biết đến đối tượng sát hại đó là ai. Nghĩa là chúng nổi cơn thịnh nộ lôi đình chém giết người loạn xạ như một tên cuồng vọng điên khùng. Chúng bắt chước hậu quả và xem thường luật pháp. Trường hợp này thật đau đớn thay! lại xảy ra ở những nước mệnh danh là văn minh tiên bộ vượt bậc trong mọi lĩnh vực. Điển hình như trường hợp xảy ra trước đây ở Nhật Bản. Một thanh niên 25 tuổi, tên là Tomohiro Kato đã lái chiếc xe vận tải nhẹ ủi càn vào đám đông và rồi cậu ta nhảy ra khỏi xe, đung ai chém giết nấy. Hậu quả gây ra một thảm trạng bi ai khốc liệt trong phút chốc có bảy người chết và mười người bị trọng thương. Thật là một thảm cảnh giết người quá tàn nhẫn khủng khiếp. Đó là chúng tôi chỉ nêu ra điển hình một trong những trường hợp đã gây ra thảm nạn đau thương như thế. Và còn biết bao những thảm nạn khác mà hằng ngày đã và đang xảy ra nhìn thấy trên trang mạng hoặc báo chí mà chóng mặt. Như những trường hợp vừa mới xảy ra mà báo chí đã đăng tải về các vụ đâm máu chém giết người một cách dã man tàn bạo. Vào ngày 17/7/ tại Hà Nội, vì can đánh nhau mà năm bô

lão đã bị đám thanh niên côn đồ chém trọng thương. Tất cả phải đưa vào bệnh viện để điều trị. Tại Hưng Yên vào ngày 19/7/ vì nghi vợ ngoại tình mà người chồng là anh Nguyễn Văn Ban đã dùng dao đâm vợ tử vong tại chỗ. Vào ngày 27/7/ tại Đồng Tháp 4 thanh niên hãm hiếp hại đời một nữ tiếp viên 18 tuổi. Tuy được công an sở tại giải cứu kịp thời, nhưng vết thương lòng và nỗi đau đốn tui nhục cùng cực của cô gái này làm sao có thể xóa hết được? Tại Bình Định người vợ mang thai 5 tháng, tự tử vì nghi chồng ngoại tình. Còn và còn không biết bao nhiêu những chuyện hung ác bạo động tang thương xảy ra hằng ngày. Hầu hết các nước trên khắp thế giới hiện nay không có một nước nào mà người dân được sống yên ổn, vì những việc bạo hành nổi loạn và có biết bao nạn phạm pháp xảy ra như: buôn bán ma túy, mại dâm, buôn người, trộm cướp, hãm hiếp, khủng bố v.v... hiện đã và đang lộng hành tràn ngập khắp nơi. Thậm chí, các nhà tù dường như sẽ không còn đủ sức để dung chứa các tội phạm nữa. Thế giới đã cực lực cảnh báo lên án về mối hiểm họa này.

Có khi nào chúng ta tự hỏi, sự nổi loạn gần như mất hết như tính này là do đâu? Câu hỏi này, hẳn trong mỗi người chúng ta đều có sẵn câu trả lời rồi vậy. Theo Phật giáo, tuy sự việc xảy ra có rất nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính yếu vẫn là thiếu sự giáo dục nâng cao giá trị phẩm chất đạo đức làm người của đời sống tinh thần cho giới trẻ từ trong gia đình cũng như ở nơi học đường.

Chúng ta đừng quên rằng, tinh thần mới là yếu tố quan trọng để xây dựng hạnh phúc gia đình và xã hội. Sống trong một xã hội mà lòng người đảo điên, thác loạn, tinh thần đạo đức suy vi, không được giáo dục nâng cao, thì tránh sao khỏi những thảm cảnh tang thương nhiều nhưong tàn hại gây ra bao nỗi khổ đau tang tóc cho nhau! Đứng trước những tình trạng đau thương gần như hết phương cứu chữa này, thiết nghĩ, chúng ta cũng không nên đổ trút mọi tội lỗi cho ai, mà đây là hậu quả tất cả chúng ta đều phải có trách nhiệm gánh chịu. Nói cách khác, là do môi trường xã hội tạo nên mà đạo Phật gọi đó là một cộng nghiệp. Nghĩa là nghiệp chung hay cộng biểu của xã hội loài người.

Vu Lan về thức nhắc mỗi người chúng ta nên tự quán chiếu sâu vào tâm thức, kiểm nghiệm lại thật kỹ ở nơi ba nghiệp: "Thân, Ngữ, Ý" của mình, để hướng sâu vào cội nguồn tâm linh, tìm lại chân giá trị con "Người" thật của chính mình. Có thể thì cõi lòng của chúng ta mới thật sự rộng mở bao dung trong tinh thần tương kính yêu thương và thật tâm hàn gắn lại những vết thương lòng, mà vì vô minh vọng động làm mất đi niềm hạnh phúc yêu thương đầm ấm cho nhau. Đó là mỗi người hãy cương quyết hùng tráng vươn lên để tự chuyển hóa cứu khổ lấy đời mình, gia đình và xã hội. Vì ý nghĩa của hai chữ Vu Lan là cứu cái "khổ bị treo ngược". Treo ngược là hậu quả của đời sống tinh thần điên đảo mê vọng, nổi loạn, gây tạo nhiều nghiệp ác. Mỗi người chúng ta ít nhiều gì không ai lại không bị vướng mắc cái quả khổ bị treo ngược này.

Tưởng niệm Vu Lan cũng là dịp để chúng ta hướng về niềm đau chung của nhơn loại ở những nơi, mà đồng loại hiện còn chịu quá nhiều đau khổ, bởi những bom đạn chiến tranh và bao nhiêu những thiên tai nhơn tai họa hại. Không một trận thiên tai hay nhơn tai nào mà không có những sinh mạng tử vong. Như một trận nhơn tai ở Pháp và Đức vừa qua. Những tên khủng bố đã gây ra một thảm cảnh những

người vô tội chết một cách rất thảm thương. Đó là hậu quả của những con người đã mất hết lương tâm lương tri tình người. Đạo đức đối với họ chỉ là một con số không rỗng tuếch. Họ không có một chút tình thương đồng loại. Trước mắt họ chỉ là những kẻ thù cần phải hạ sát, tiêu diệt.

Muốn xây dựng đạo đức trước tiên, chúng ta phải xây dựng nơi tâm thức của con người. Vì tâm là chủ động tạo nghiệp. Trong Kinh Pháp Cú Đức Phật có dạy: "Trong các pháp tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác tất cả, Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, thì sự khổ sẽ kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe". Ngược lại, "nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động thì hạnh phúc sẽ kéo đến như bóng theo hình".

Thiết nghĩ, mỗi người chúng ta nên tư duy chín chắn qua lời Phật dạy trên để hằng chuyển hóa tu tập gây tạo nhiều nghiệp lành. Có thể thì đạo đức tình người mới có thể thắt chặt thắt đùm nhau hơn, và từ đó xã hội mới có được cuộc sống an bình tiến bộ về mặt luân lý đạo đức vậy.

Thanh Trì

Trong lòng chẳng thấy chút vui tươi,
Nhìn về quê mẹ còn đau khổ,
Dân chúng làm than khóc chẳng cười
Ai đã xui nên thảm cảnh đây?
Ngư dân bị giết, cá phơi thây.
Núi rừng biển đảo Tàu xâm chiếm,
Tiếng khóc nông dân mất ruộng cày.

Bốn chục năm rồi xa cách quê,
Ra đi tôi chẳng hẹn ngày về.
Nghĩa trang mồ mẹ không còn nữa,
Càng nghĩ lòng tôi thêm tái tê!

Hôm nay ngày báo hiếu Vu Lan,
Thành kính đến chùa dâng nén nhang.
Cầu nguyện mẹ cha sớm giải thoát,
Sanh về Cực lạc ở Tây phang.

Đông Minh



*Tháng bảy Vu lan lại trở về,
Tôi ngồi nhớ Mẹ thấy buồn ghê!
Trời chiều ảm đạm mưa ngâu đổ,
Tiếng quạ kêu nghe quá nã nề!*

*Từng giọt mưa buồn rơi dưới trăng,
Đêm thu mưa lạnh nhện buồn giăng.
Côn trùng tấu nhạc nghe buồn bã,
Cuộc sống mẹ tôi quá nhọc nhằn.*

*Mẹ đã cho tôi sữa ngọt lành,
Bao năm cực khổ mẹ gầy xanh.
Giờ đây mẹ đã không còn nữa,
Hoa cỏ héo tàn nhà vắng tanh!*

*Mẹ ơi! Giờ mẹ đã đi đâu?
Để lại cho con một nỗi sầu.
Sớm tối đi về không có mẹ,
Lòng buồn chông chất suốt đêm thâu!
Tôi bỏ nước đi đến xứ người,*

Vu Lan

nhớ Mẹ

hiền

Cảm nghĩ về ngày báo hiếu Vu Lan



Văn Thân

Mùa thu thì thuộc về hành kim và kim thì khắc mộc, cho nên vào mùa này cây cỏ héo tàn xơ xác. Gió thu hiu hắt lay nhẹ vào cành khiến những chiếc lá vàng rơi rụng đầy đường gọi lên một nỗi buồn mênh mông xa vắng. Nhà thơ Lưu Trọng Lư trong bài Tiếng Thu đã viết lên những lời đầy cảm xúc như sau:

*“Em không nghe mùa thu,
Dưới trăng mờ thỏn thớt.
Em không nghe rạo rục,
Hình ảnh kẻ chinh phu,
Trong lòng người chinh phụ?”*

Mùa thu còn được gọi là mùa tang tóc, bởi vì vào mùa này các vua thường đem binh đánh nhau để mở rộng biên cương gây ra thảm cảnh chiến tranh chết chóc, người lính phải da ngựa bọc thây và đám dân đen vô tội cũng bị mất mạng trở thành những oan hồn phiêu bạt khổ sở, không nơi nương tựa, không người cúng bái, chẳng chút khói hương, không ai siêu độ buồn bã thê lương. Bà Đoàn Thị Điểm đã tả nỗi thống khổ của người lính chiến bỏ mình nơi trận địa trong Chinh phụ ngâm khúc như sau:

*“Hồn tử sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh phu trăng dãi dãi soi.
Chinh phu tử sĩ mấy người,
Nào ai mặc mặt nào ai gọi hồn.”*

Trong thơ Đường Liễu Trung Dong cũng đã diễn tả tâm trạng buồn khổ của người lính chiến ở nơi biên cương mong ước ngày thanh bình trở về thăm lại vợ con cha mẹ nhưng những ước mơ đó đôi khi trở thành vô vọng trong bài Chinh nhân oán như sau:

*“Hết Kim Hà lại Ngọc Môn Quan,
Đao ngựa sớm buông trở lại làng,
Tuyết trắng mờ xanh xuân lại đến,
Hắc sơn muôn dặm bọc sông Hoàng.”*

Hơn nữa, mùa thu còn là mùa của tử tội. Hằng năm cứ đến mùa này các vua, quan thường

đem các tử tội ra hành hình và các tử tội phút chốc thành quỷ không đầu, kêu khóc thâu đêm, khiến cho những người có dịp qua nơi đây không khỏi buồn ngùi thương xót, cụ Nguyễn Du trong bài tế thập loại chúng sanh cho thấy cảnh đầu thu tháng bảy thật là buồn bã thê lương! Đòi người chẳng mấy chốc trở thành nắm xương khô trắng xóa, hồn phách dật dờ đói khát thê như những chiếc lá vàng rơi rụng bên đường mặc cho gió bay toả về nơi vô định:

*“Nương lửa đã không nơi nương tựa,
Hồn mờ cõi lẩn lữa mấy năm.
Còn chi ai khá ai hèn,
Còn chi mà nói kẻ hiền người ngu.”*

Chính ngày đầu thu rằm tháng bảy chư tăng ni ở các chùa làm lễ Tự tứ hoàn tất mùa an cư kiết hạ trong ba tháng. Ngày này còn được gọi là ngày chư Phật hoan hỷ, bởi vì chư Phật trong mười phương thấy các đệ tử tu hành tinh tấn, giới luật tinh nghiêm, được đạo cao đức trọng, có đủ năng lực siêu độ các vong linh, oan hồn, uổng tử, đang chịu khổ nơi cõi âm như một thi sĩ đã viết:

*“Chư Tăng trọn chín mươi ngày,
Kiết tường bảo tọa trải bày tâm can.
Bao nhiêu nghiệp hải chường san,
Đây ngày Tự tứ sạch ngàn ác duyên.”*

Có sạch hết các chường duyên ác nghiệp, trí huệ mới bừng khai, lòng từ bi mở rộng phát Bồ đề tâm cứu độ mọi loài, siêu bạt các vong hồn trong cõi u minh và các nạn quỷ đói khát. Do đó, khi ngài Mục Liên đến cầu xin Phật chỉ cho cách cứu mẹ là bà Thanh đề đang làm quỷ đói khổ sở. Đức Phật khuyên tôn giả Mục Liên nhân ngày Tự tứ của chúng tăng mà sắm sửa các thức ăn và đồ dùng cần thiết để cúng dường chư tăng và nhờ sức chú nguyện của chúng tăng mà mẹ ngài Mục Liên thoát kiếp

ngạ quỷ sanh về cõi trời hưởng phước và các loài khác ở địa ngục cũng nhờ đó mà siêu thoát. Vì vậy ngày này còn được gọi là ngày Xá tội vong nhân:

“Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân.”

Từ đây mở ra một kỷ nguyên Vu lan hiếu hạnh cho người Phật tử biết lắng lòng cầu nguyện báo ân cha mẹ ông bà, tổ tiên và tất cả mọi người, đồng bào dân tộc. Lắng lòng để xoá bỏ hận thù, tranh chấp tị hiềm, tha thứ lỗi lầm cho nhau dù đã đi vào cõi chết hay vẫn còn sống ở đời. Có lắng lòng mới phát khởi tâm từ bi thương xót mọi loài mọi vật và thương người cũng chính là thương mình, nên tổ tiên ta đã nhắc nhở con cháu qua câu ca dao như sau:

“Bầu ơi! Thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.”

Hơn nữa, ngày báo hiếu Vu lan không chỉ ăn chay, đến chùa cầu nguyện cho cha mẹ, thân bằng quyến thuộc mà còn mang nhiều ý nghĩa sâu xa nhất là làm tất cả điều lành, tránh xa tất cả điều ác, để hồi hướng cho vong linh. Điều lành nhỏ nhất là ăn chay, tránh giết hại các sinh vật và điều thiện lớn nhất là đem của cải mình có ra bố thí giúp đỡ kẻ nghèo khó, cô nhi, quả phụ, người già yếu bệnh tật, ở các bệnh viện và các tội phạm đang ở tù cực khổ, thiếu thốn mọi thứ. Ngoài ra, ngày Vu lan báo hiếu còn là ngày để con cháu sám hối những lỗi lầm đã gây ra trong đời sống hằng ngày như nặng lời với cha mẹ, làm cha mẹ buồn rầu khổ sở, hoặc không nuôi dưỡng cha mẹ ở tuổi già được đầy đủ, cũng như lúc ốm đau. Cha mẹ là những người sanh dưỡng ta được khôn lớn nên người. Dù ai kia có quyền cao chức trọng hay người cùng đinh phiêu bạt, gặp tiết thu về chắc không khỏi chạnh lòng bùi ngùi nhớ đến mẹ cha, hồi tưởng tới thân bằng, quyến thuộc bạn bè xa gần, nghĩ nhớ nơi chôn nhau cắt rún mà đau buồn rơi lệ:

“Tôi đã lang thang sống xứ người,

Mỗi lần thu đến lệ tuôn rơi.

Tôi nghe trong gió lời ru mẹ,

Ân hận giờ đây mẹ mất rồi!”

Có ân hận gì đi nữa thì mẹ đã không còn, không làm sao tìm được, cho nên công ơn của cha mẹ nuôi con còn cao cả hơn trời xanh biển

rộng thật khó mà đền đáp cho được:

“Lên non mới biết non cao,

Nuôi con mới biết công lao mẫu từ.”

Là đệ tử Phật phải lo làm tròn hiếu đạo, Mẹ đã mang nặng đẻ đau, suốt ba năm trời nuôi con cực khổ, thân xác mẹ cũng do đó gầy mòn dơ bẩn và cha đổ mồ hôi nước mắt làm việc vất vả kiếm từng chén cơm manh áo để nuôi con được khôn lớn học hành nên người. Những ngày con bệnh nặng bỏ ăn mê sảng, mẹ phải thức suốt đêm ôm con vào lòng chăm sóc thuốc thang cho con mau mạnh. Cảnh một bà mẹ ẵm con chạy giặc bị thương sắp chết, ráng cố sức kéo đứa con một tuổi vào lòng cho bú hy vọng con mình sẽ gặp người cứu và gần đó một người cha dùng thân mình đỡ đạn cho con nhưng rồi cả hai ôm nhau đều chết. Trong kinh Báo Phụ Mẫu Ân đức Phật dạy: Như người muốn báo ân cha mẹ, hai vai công cha mẹ đi giáp núi Tu di đến trăm ngàn kiếp cũng không đền đáp được:

“Vị có người ân sâu dốc trả,

Công mẹ cha tất cả hai vai.

Giáp vòng hòn núi Tu di,

Đến trăm ngàn kiếp ân kia chưa đền.”

Công ơn cha mẹ thật sâu nặng nên đức Phật luôn nhắc nhở các đệ tử phải hiếu thảo với cha mẹ, bởi hiếu đứng đầu trong muôn hạnh lành. Ngài còn dạy ra đời không gặp Phật thờ cha mẹ tức là thờ Phật. Vì vậy, chính bản thân Ngài cũng đã bày tỏ tấm lòng hiếu thảo với vua cha một cách chân thành tha thiết. Sau khi thành đạo, Ngài trở về hoàng cung thăm viếng hoàng tộc, an ủi chăm sóc phụ vương đang lâm trọng bệnh và thuyết pháp cho vua cha nghe giác ngộ được đạo lý vô thường. Khi phụ hoàng mất, Ngài cũng đã đưa vai khiêng quan tài vua cha đến nơi an nghỉ cuối cùng. Tôn giả Mục Liên cũng đã bật khóc khi nhìn thấy mẹ mình làm loài quỷ đói khổ sở nên đã bán hết tài sản của mình sắm có để cúng dường trai tăng siêu độ cho mẹ. Một nhà thơ đã cảm phục tấm gương hiếu hạnh của tôn giả Mục Liên mà tự trách mình chưa làm được gì để báo ân cha mẹ, chỉ biết khóc than:

“Đôi mắt long lanh lệ ướt đầm,

Khấp tìm từ mẫu cõi xa xăm.

Nỗi niềm nuôi dưỡng bao năm tháng,

*Phụ đức sanh thành biết mấy năm.
Tác dạ báo đền ơn nghĩa nặng,
Tấm lòng mong nguyện hiếu tình thâm.
Vì chân Phật dạy Vu lan hội,
Luống để cho ai những khóc thầm.”*

Đức Khổng Tử cũng đã dạy: “ Thiên kinh vạn điển hiếu nghĩa vi tiên.” Nghĩa là dù có học rộng chức lớn quyền cao đi nữa, cũng phải lấy hiếu đạo làm đầu. Hiếu thảo không phải chỉ đối với ông bà cha mẹ, mà còn phải đối với các bậc thầy, trưởng thượng, bởi vì họ đã dạy ta học hành nên người. Hiếu đạo là nguồn sống tinh thần mang lại nhiều hạnh phúc cho gia đình và là nền tảng đạo đức cho cả một dân tộc. Một dân tộc có đạo đức hiếu đạo thì nền văn hóa lành mạnh, văn minh tiến bộ, xã hội an bình, quốc gia cường thịnh, nhà nhà cơm no áo ấm, không còn cảnh man trá hận thù, bất công áp bức, đâm chém nhau, vợ khinh chồng, con khinh cha như xã hội ta dưới chế độ cộng sản hiện nay, đó là:

*“Nhà kia lỗi đạo con khinh bố,
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.”*

Xưa ở Trung Hoa vua Thuần có hiếu với cha, nên được vua Nghiêu nhường ngôi và gả hai người con gái cho ông. Vua Thuần dùng đức trị dân nên nhà nhà không cần khoá cửa, ngoài đường của rơi không ai thềm lượm không có cảnh chém giết cướp giựt, tham nhũng, con ông cháu cha tác oai tác quái, hiếp đáp dân nghèo. Ngày nay nhiều người học theo Âu Mỹ có bằng cấp cao, có địa vị lớn chỉ biết tôn thờ chủ nghĩa ngoại lai duy vật, hoặc sùng bái các đấng thần linh siêu hình mà không hề nghĩ đến công ơn cha mẹ đã sinh dưỡng mình nên người. Bọn người này còn thua cả loài cầm thú. Một con quạ già không bay đi kiếm ăn được, đàn con của nó tha mỗi về nuôi cho đến ngày nó chết mới thôi. Những kẻ bất hiếu thì thường bất nhân, bất nghĩa, bất tín, bất trung, luôn làm hại kẻ khác để thu lợi cho nên tốt nhất là tránh xa họ.

Chúng ta là đệ tử Phật phải thể hiện lòng hiếu đạo đối với cha mẹ dù ở hoàn cảnh khó khăn nào cũng phải nuôi dưỡng cha mẹ ở tuổi già yếu hoặc lúc ốm đau. Nhất là khi cha mẹ qua đời phải lo thờ cúng và đến chùa nhờ tăng ni

siêu độ. Mùa Báo hiếu Vu lan là mùa biểu hiện tình thương của con cái đối với cha mẹ và sự cảm thông giữa người sống và kẻ chết, giữa cõi âm và cõi dương. Một thi sĩ đã viết lên những lời thấm thía khi nghĩ tới mẹ mình như sau:

*“Đây bát cơm đầy nặng ước mong,
Mẹ ơi! Đây ngọc với đây lòng.
Đây tình còn nặng trong tha thiết,
Ân nghĩa sanh thành chưa trả xong.”*



Vô Đệ

*Đi! Đi! Đi giữa trời và đất
Hít thở khí lành sớm tinh sương
Từng bước chân chậm rãi nhẹ nhàng
Đường muôn ngã tâm quy một hướng.*

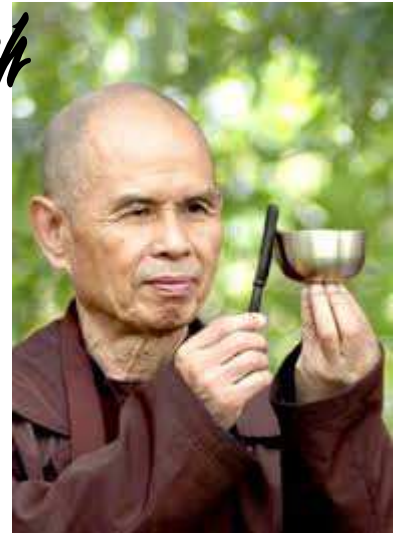
*Đứng! Đứng! Đứng giữa trời và đất
Gió thổi, chim hót, hương sắc ngời
Tịnh sáu căn bốn bề tĩnh lặng
Gió ngừng, chim bật, hương sắc tàn.*

*Ngồi! Ngồi! Ngồi giữa trời và đất
Quán hơi thở, quán Phật Di Đà
Niệm tiếp niệm rõ ràng miên mật
Sen cực lạc nở sáng ta bà.*

*Nằm! Nằm! Nằm giữa trời và đất
Lắng nghe lời biển ru thăm thì
Ngủ đi! Bình yên không mộng寐
Đời phù vân lo nghĩ mà chi.*

Trí Lạc

Trò chuyện với Thiền sư Thích Nhất Hạnh quanh bài Bông Hồng Cài Áo



Chúc Phúc - Quảng Kiến -
Nguyệt San Giác Ngộ 2008

Được biết, sau khi tác phẩm ra đời, Thiền sư đã phát động phong trào cài hoa hồng để tưởng niệm về công ơn mẹ. Xin Thiền sư cho biết lần đầu tiên phong trào này được phát động là vào mùa Vu Lan năm nào, tại đâu? Thiền sư có gặp sự trở ngại nào chẳng khi đưa ra một nét văn hóa tuy đẹp đẽ song cũng rất mới lạ này?

Tôi không hề có ý định phát động phong trào Cài Hoa Hồng để tưởng niệm về công ơn mẹ. Phong trào ấy tự động phát khởi một cách tự nhiên mà thôi. Điều đó cũng làm cho tôi ngạc nhiên. Hồi đó, năm 1962, sau chín tháng nghiên cứu về khoa Tử Giáo Tôn Giáo tại Princeton University, tôi về nghỉ hè tại Camp Ockanickon ở Medford thuộc tiểu bang New Jersey, Hoa Kỳ. Ban ngày tôi chơi và nói chuyện với thanh thiếu niên về Văn Hóa Việt Nam và đi chèo thuyền trên hồ, ban đêm tôi viết văn. Tôi đã viết đoạn văn Bông Hồng Cài Áo trong một căn lều gỗ người trẻ dành cho tôi. Viết xong tôi gửi cho các vị đệ tử của tôi trong đoàn Sinh Viên Phật Tử Sài Gòn do tôi hướng dẫn.

Bài này gửi qua chị Trương thị Nhiên. Chị Nhiên và đoàn Sinh Viên Phật Tử đọc xong rất cảm động nên quyết định đem chia sẻ cho mọi người. Họ bàn nhau chép tay ba trăm bản làm quà tặng cho những bạn bè của họ trong các phân khoa Đại Học Sài Gòn. Mỗi bản chép tay đều có gắn thêm một chiếc hoa màu hồng cho người còn mẹ hay màu trắng cho người mất mẹ. Rằm tháng bảy năm ấy họ họp nhau lại tại Chùa Xá Lợi, làm Lễ Bông Hồng Cài Áo lần đầu tiên. Anh Tôn Thất Chiểu, một thành viên của đoàn Sinh Viên Phật Tử đã gửi cho Hòa

Thượng Thích Đức Tâm, hồi đó đang làm chủ bút cho nguyệt san Liên Hoa của Giáo Hội Tăng Già Trung Phần. Tập San Liên Hoa đã đăng nguyên bài dưới tựa đề là Nhìn Kỳ Mẹ. Hòa Thượng Trí Thủ, bổn sư của Hòa Thượng Đức Tâm, đọc được đoạn văn trên nguyệt san Liên Hoa đã khóc vì cảm động.

Sau đó Bông Hồng Cài Áo được in ra nhiều lần, một số các chùa bắt đầu tổ chức Lễ Bông Hồng Cài Áo. Từ đó, Lễ Bông Hồng Cài Áo đã trở thành một truyền thống. Tôi không nghĩ là đã có những trở ngại trong khi phong trào được lan rộng. Năm 1964, nhà xuất bản Lá Bối ra mắt độc giả bằng quyển Bông Hồng Cài Áo, in khổ ốm dài để có thể bỏ vào bì thư gửi tặng bạn bè trong ngày Vu Lan. Quyển sách nhỏ này đã phải tái bản nhiều lần. Năm 1965 đoàn Cải Lương Thanh Nga đã dựng và trình diễn vở tuồng Bông Hồng Cài Áo và có mời tôi tham dự.

Tại trong nước cũng như tại ngoại quốc, đoạn văn Bông Hồng Cài Áo đã được dịch và in ra nhiều thứ tiếng trong đó có tiếng Anh, Pháp, Đức, Hà Lan, Trung Hoa, Nga, Thái Lan và tiếng Lào.

Theo Thiền sư, giữa Ngày lễ của Mẹ trong văn hóa Nhật và ngày Vu Lan Báo hiếu trong văn hóa Việt Nam có những nét tương đồng và khác biệt nào?

Lễ Bông Hồng Cài Áo tổ chức tại Làng Mai mỗi mùa Hè kể từ năm 1983 đã làm theo tinh thần Việt Nam, khác truyền thống Nhật. Lễ

này không những để vinh danh người Mẹ mà cũng để tưởng nhớ và vinh danh người Cha nữa. Mỗi người được cài hai chiếc hoa hồng, một dành cho Mẹ và một dành cho Cha. Chiếc hoa dành cho Cha nằm hơi cao lên một chút để phân biệt với hoa cho Mẹ. Và anh sẽ cài một hoa hồng cho Cha khi Cha còn sống, một hoa hồng cho Mẹ khi Mẹ còn sống.

Không ít người thắc mắc tại sao Thiên sư lại chọn hoa hồng mà không phải là loài hoa nào khác? Phải chăng đơn thuần chỉ vì hoa hồng là loài hoa biểu trưng cho tình yêu?

Mình nên hiểu chữ hồng trong bông hồng là đỏ. Cài hoa hồng thì cài hoa hồng đỏ. Cài hoa khác như hoa cẩm chướng thì cẩm chướng màu cũng đỏ, không nhất thiết là phải có hoa hồng (rose). Và khi Mẹ không còn, Cha không còn thì được cài hoa trắng. Các đệ tử người Hoa của tôi khi làm lễ Bông Hồng Cài Áo đầu tiên tại Đài Loan năm 1995 thì họ dùng hoa cẩm chướng màu đỏ và trắng cho buổi Lễ Cài Hoa tưởng nhớ Mẹ Cha. Mẹ Cha còn thì cài hoa cẩm chướng màu hồng. Mẹ Cha mất thì cài hoa cẩm chướng màu trắng. Bất cứ hoa gì cũng được kể cả hoa lan.

Nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ đã phổ nhạc thành công ca khúc Bông Hồng Cài Áo từ bài văn của Thiên sư, góp phần đưa nghi thức cài hoa hồng vào sâu trong đời sống văn hóa dân tộc. Xin cho Thiên sư cho biết cảm nhận của mình khi nghe bài hát ấy - lần đầu tiên cũng như bây giờ?

Phạm Thế Mỹ làm Bài Bông Hồng Cài Áo rất dễ dàng và tự nhiên như thở vào thở ra, tự nhiên như bước chân đi dạo, tự nhiên như khi nâng chén trà lên uống. Tôi không thấy tôi và nhạc sĩ là hai người khác nhau khi nghe ca khúc Bông Hồng Cài Áo, trước kia cũng vậy và bây giờ cũng vậy.

Là một người rất quan tâm đến giới trẻ Việt Nam nói riêng và giới trẻ trên toàn thế giới nói chung, Thiên sư có nhắn nhủ điều gì với các bạn trẻ nhân mùa Vu lan năm nay?

Ngày Lễ Bông Hồng Cài Áo không phải là chỉ

để tưởng nhớ công ơn Mẹ Cha. Các bạn phải biết thực tập nhìn sâu, tức là thực tập thiền quán trong ngày ấy. Phải thấy được những tài năng, đức hạnh và nét đẹp nào mà mình đã tiếp nhận từ Cha và từ Mẹ. Rồi thấy được Cha và Mẹ không phải là những thực tại có ngoài mình mà đang có ngay trong mình. Mình là sự tiếp nối của Cha, mình là sự tiếp nối của Mẹ. Và mình mang Mẹ mang Cha đi về tương lai. Phải biết mỉm cười cho Mẹ, thở cho Cha và bước đi cho cả hai. Sự tiếp nối đẹp đẽ của Cha Mẹ nơi mình là biểu hiện cụ thể nhất cho lòng Hiếu.

Nếu bạn lỡ có những khó khăn với Cha hay Mẹ thì đừng nghĩ cạn là Mẹ không thương, Cha không thương. Có thể những vụng về trong quá khứ về phía Cha Mẹ đã tạo ra những lớp khổ đau đè nặng và làm khuất lấp tình thương ấy. Mình biết nếu có gì xảy ra cho mình thì Cha Mẹ sẽ khóc hết nước mắt.. Và nếu có gì xảy ra cho Mẹ hay cho Cha thì mình cũng sẽ khóc hết nước mắt. Phải thấy rằng các vị đã có nhiều khổ đau và khó khăn mà chưa đủ khả năng chuyển hóa nên đã tự làm khổ mình và làm khổ lây đến các con. Mình cũng vậy. Mình đã khổ đau vì hiểu lầm, vì bực tức, và do đó đã lỡ nói những lời không dễ thương, có những phản ứng không đẹp đẽ với Cha và với Mẹ. Bên nào cũng chịu một phần trách nhiệm.

Thấy được cái khổ của Cha, của Mẹ, mình tìm cách giúp Cha và giúp Mẹ. Mình phải biết nói lời hối lỗi đã không giúp được Mẹ Cha mà còn làm cho Cha Mẹ khổ đau thêm. Sử dụng pháp lắng nghe và ái ngữ để tái lập được truyền thông, để dựng lại thâm tình, đó là điều mình có thể làm được. Tôi có nhiều vị đệ tử đã làm được việc đó, người Việt cũng như người ngoại quốc.

Có những người trẻ dại dột đã đi tự tử. Đó là một hành động tuyệt vọng, nhưng cũng là một hành động trừng phạt. Trừng phạt người đã làm mình khổ, trong trường hợp này, đó là những vị sinh thành ra mình. Ta sinh ra đời để thương yêu, không phải để trừng phạt. Chết như thế là một sự thất bại. Nếu bạn là Phật tử,

bạn phải biết giáo pháp đức Thế Tôn có công năng chuyển rác thành hoa, biến phiền não thành bồ đề, dựng lại tình thân từ xác chết hận thù. Cha Mẹ là Bụt đó, đừng đi tìm Bụt nơi nào khác. Ngày hôm nay bạn nói được câu gì, làm được cử chỉ gì để Mẹ vui, để Cha vui thì làm ngay đi, đừng để tới ngày mai, sợ rằng muộn quá. Đọc Bông Hồng Cài Áo để nhớ điều đó. Tôi chúc bạn một ngày Vu Lan thật ngọt ngào, thật hạnh phúc, thực tập thành công.

Nếu bạn được cài bông trắng, nên quán chiếu là Cha hoặc Mẹ vẫn còn trong bạn và có mặt trong từng tế bào của cơ thể bạn. Đưa bàn tay lên nhìn, bạn sẽ thấy bàn tay ấy của bạn mà cũng là bàn tay của Cha, của Mẹ. Trong bàn



*M*ột ngày, ta cất tiếng khóc vào đời
Khóc nghiệp báo gieo trồng từ muôn kiếp
Khóc đời này sẽ khổ đau đầy dẫy
Khóc đời sau biết trôi dạt nơi nào.

*Khóc thanh xuân như hoa nở chóng tàn
Khóc kẻ ghét phải chung đụng mỗi ngày
Khóc người thương sao chẳng được gần nhau
Khóc mong cầu chẳng bao giờ toại ý.*

*Khóc thân bệnh trăm kha mâm tử biệt
Khóc si mê làm lạc quên lối về
Khóc mạng sống mỏng manh từng hơi thở
Năm mò hoang là chặng cuối cuộc đời.*

*Một ngày, ta nhắm mắt xuôi hai tay
Thế là hết một cuộc đời vinh nhục
Kẻ ghét người thương chỉ là ràng buộc
Thâm tâm rã rời chua ngọt đắng cay.*

tay bạn, có bàn tay của Cha, của Mẹ. Bạn hãy đưa bàn tay ấy đặt lên trán và sẽ thấy, đó là bàn tay của Mẹ hay của Cha đang đặt trên trán bạn. Thật là nhiệm màu.

Ta hãy tôn vinh Mẹ, tôn vinh Cha trong trái tim. Bụt dạy: Vào thời không có Bụt ra đời thì thờ Cha thờ Mẹ cũng là thờ Bụt. Đây là điều tôi muốn nói với các bạn trẻ ở Việt Nam cũng như trên thế giới.

Thiện Hỷ suu tâm



Sanh Tử

*Lúc còn sống gắng xây dựng vun bồi
Chạy đuổi, tham đắm, tranh giành, chiếm đoạt
Khư khư giữ cho đó là của mình
Ôm thật chặt một lâu đài trên cát.*

*Bây giờ thì của cải thuộc về người
Cả tâm thân cũng trả về tứ đại
Chỉ còn lại những hạt giống thiện ác
Đợi đời sau đủ duyên sẽ nảy mầm.*

*Đời nếu vui thì sao ta lại khóc
Đời nếu vui sao ta lại đảo điên
An vui nào giữa xô xao phố chợ
Tâm cuồng si vọng tưởng chốn bình yên.*

*Sanh tử, tử sanh một dòng sinh mệnh
Dài lê thê trong vòng xoáy luân hồi
Người khôn biết quay đầu bơi ngược sóng
Đến bờ giác tự tại mãi ngàn sau.*

Trí Lạc



Bồ tát Quán Thế Âm trong tâm thức người Việt

Lê Văn

Là người Việt Nam không ai lại không biết đến danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm. Bởi hạnh nguyện sâu rộng của Bồ Tát Quán Thế Âm là cứu khổ ban vui. Ngay nơi danh hiệu của Ngài cũng đã nói rõ điều đó. Quán Thế Âm hay còn gọi là Quán Tự Tại, danh xưng này có nghĩa là quán sát tiếng kêu than đau khổ của người đời mà Ngài hiện thân cứu độ. Sự thị hiện ứng hóa thân cứu độ của Ngài tới lui tự tại thành thoi không có bị thứ gì ràng buộc, nên gọi là Quán Tự Tại. Có thể nói Quán Thế Âm là nhân địa tu hành của Ngài; còn Quán Tự Tại là quả chứng của Ngài. Có người vì không hiểu nên tưởng lầm là có hai vị Bồ Tát khác nhau.

Truy nguyên về nguồn gốc xa xưa, theo Kinh Bi Hoa, thì Ngài là một vị hoàng tử con trai đầu lòng của vua Vô Tránh Niệm. Vua Vô Tránh Niệm là vị Chuyển Luân Vương trong thời đức Phật Bảo Tạng. Nhờ sự khuyến tấn của vị đại thần Bảo Hải mà vua Vô Tránh Niệm bỏ ngôi báu đi xuất gia. Sau khi xuất gia nhà vua phát 48 điều đại nguyện trước đức Phật Bảo Tạng và kết quả thành Phật hiệu là A Di Đà. Thái tử Bất Tuần cũng nhờ sự khuyến tấn của đại thần Bảo Hải theo cha xuất gia và đối trước đức Phật Bảo Tạng phát ra bản nguyện đại bi thương xót cứu độ tất cả các loài chúng sinh bị khổ não. Thái tử Bất Tuần được đức Phật thọ ký thành Bồ tát hiệu là Quán Thế Âm. Vị hoàng tử thứ hai là Nima cũng được thọ ký thành Bồ tát Đại Thế Chí.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát Quán Thế Âm đối trước đức Phật Thích Ca mà tường

thuật lại nhân địa sở tu chứng của mình. Ngài nói: "*Bạch đức Thế Tôn! Con nhớ cách đây hằng hà sa số kiếp về trước có đức Phật ra đời hiệu là Quán Thế Âm; từ đức Phật kia, tôi phát tâm Bồ đề. Đức Phật kia dạy tôi, do nghe nghĩ về tu, mà vào Tam ma đề.*

Ban đầu, ở trong tánh nghe vào được dòng viên thông, không còn tướng sở văn nữa. Trần tướng đã vắng lặng, hai tướng động tĩnh rõ thật không sinh. Như vậy thêm lần, các tướng năng văn sở văn đều hết. Không dừng lại nơi chỗ dứt hết năng văn, sở văn mà tiến lên nữa, thì năng giác sở giác đều không. Không giác tốt bậc viên mãn, các tướng năng không sở không đều diệt. Sinh diệt đã diệt thì bản tính tịch diệt hiện tiền. Bỗng nhiên, vượt ngoài thế gian và xuất thế gian sáng suốt cùng khắp mười phương, được hai cái thù thắng: một là trên hợp với bản giác diệu tâm thập phương chư Phật, cùng với chư Phật Như Lai đồng một từ lực; hai là, dưới hợp với tất cả chúng sinh lực đạo mười phương cùng với chúng sinh đồng một bi nguyện".

Phải nói, Bồ Tát Quán Thế Âm rất có nhân duyên với chúng sinh ở cõi Ta bà này. Sự ứng thân hóa độ của Ngài đã được ghi rõ trong Phẩm Phổ Môn của Kinh Pháp Hoa. Chính vì thế, mà hầu hết các nước theo Đại thừa Phật giáo đều có tôn thờ Ngài. Có rất nhiều hình tượng được tôn thờ trong các chùa thuộc hệ phái Phật giáo Bắc Tông. Riêng đối với người Việt Nam, đại đa số đều tin tưởng và niệm danh hiệu Ngài. Mỗi khi lâm khổ nạn thì người ta hết lòng hướng về Ngài để niệm danh hiệu Ngài cầu mong Ngài hiện thân cứu khổ. Trong 12 điều đại nguyện của Ngài không nguyện nào mà Ngài không nghĩ đến việc cứu khổ chúng sinh. Bởi ai cũng biết Ngài là một vị Bồ tát đầy lòng đại bi vị tha cứu khổ, cứu nạn.

Bài viết này, chúng tôi không dám có cái tham vọng là nghiên cứu tìm hiểu sâu xa qua nhiều khía cạnh của vị Bồ tát trọng đại này. Nhất là phần tín ngưỡng chung của các quốc gia theo Phật giáo Phát Triển xưa và nay. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn trình bày một vài nét đơn sơ về sự tin tưởng đối với Bồ tát Quán Thế Âm trong tâm thức của người Việt Nam. Vì Đức Bồ tát Quán Thế Âm rất gần gũi thân thiết với đại đa số quần chúng Việt Nam. Thậm chí họ xem Đức Bồ tát Quán Thế Âm như là một bà Mẹ Hiền luôn gần gũi hộ độ cho họ. Bởi thế, nên họ thường gọi Ngài là Mẹ Hiền hay Phật Bà Quan Âm.

Theo lệ thường, các chùa theo hệ phái Phật giáo Bắc tông đều có tổ chức ba kỳ lễ vía trong năm để tưởng niệm ân đức lớn lao của Ngài. Đó là những ngày trong các tháng 19 tháng 2, 19 tháng 6 và 19 tháng 9 âm lịch. Cứ mỗi kỳ thiết lễ tưởng niệm như thế, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên hết lòng hướng vọng về Ngài bằng tất cả tâm thành để cúng dường và nhất là noi theo hạnh nguyện đại từ đại bi cứu khổ rộng lớn của Ngài để phát đại bi tâm làm lợi ích chúng sinh.

I. Bồ Tát Quán Thế Âm trong nền văn học Việt Nam

Đối với nền văn học mang tính dân gian nước ta, không ai còn lạ gì truyện tích Quan Âm Thị Kính. Nội dung cốt chuyện nói lên tinh thần nhẫn nhục và lòng từ bi của nhân vật chính trong cốt chuyện là bà Thị Kính. Dù đã bị hai lần oan ức và chịu nhiều hình phạt tra khảo đau đớn, nhưng Thị Kính vẫn một mực cam tâm chịu đựng. Về sau nỗi oan ức đó, cuối cùng, cũng đã được giải oan và Thị Kính nhờ công phu tu hành mà được thành chánh quả.

Tác giả cốt chuyện tuy vô danh, nhưng cho ta thấy tinh thần của người phụ nữ Việt Nam nói riêng và tinh thần của người Việt Nam nói chung, lúc nào cũng nêu cao tinh thần nhẫn nhục bất khuất và đầy lòng từ bi vị tha nhân ái và đức hy sinh bao dung cao cả. Đứng trước nghịch cảnh khó khăn, quyết không đầu hàng khuất phục, luôn nêu cao ý chí xung thiên và kiên nhẫn vượt qua tất cả. Đó là sinh thức và hành động của một dân tộc có quá nhiều kinh

nhệm trong việc nhẫn nhịn đối kháng vươn lên tìm lẽ sống.

Lịch sử cũng đã chứng minh cho chúng ta thấy, dù đã trải qua ngàn năm lệ thuộc phương Bắc, một trăm năm lệ thuộc đế quốc phương Tây, nhưng dân tộc ta vẫn luôn âm thầm nhẫn nại, tìm đủ mọi cách thế để chiến đấu quyết liệt, giành lại quyền độc lập thắng lợi về vang hoàn toàn. Đó là gì? Phải chăng là nhờ vào tinh thần chất "Thiên" Phật giáo hun đúc tạo nên một dân tộc, tuy hiếu hòa nhẫn nại nhưng không vì thế mà khiếp nhược yếu hèn. Quyết không để cho ai xâm lấn muốn đè đầu cỡi cổ như thế nào cũng được. Tinh thần "**Bi, Trí, Dũng**" đã thể hiện rõ nét trong tâm cảm và tinh thần của Thị Kính, dù đã bị tên Thị Mâu gian ác vu oan và bọn quan lại có mắt mà cũng như mù tra khảo đánh đập một cách tàn nhẫn dã man. Đã là chân lý thì không ai có quyền chà đạp hay thay đổi được. Những mặt nạ giả trá mỹ dân đều phải bị phơi bày dưới ánh sáng chân lý. Cuối cùng sự thật vẫn phải trả về cho sự thật. Chính nghĩa phải trả về cho chính nghĩa và lương tâm con người cuối cùng, cũng phải nhận ra cái chân thật của chính mình.

Với truyện tích mang đầy tính chất xây dựng xã hội cao đẹp đó, dân tộc ta đã khéo léo đưa cốt chuyện vào trong nhiều bộ môn nghệ thuật mang tính chất văn nghệ truyền bá sâu rộng đến mọi tầng lớp dân chúng như các vở kịch tuồng cổ, hát chèo v.v...

II. Niềm Tin Tưởng Đối Với Bồ Tát Quán Thế Âm

Cứ nhìn vào cách thiết trí tôn thờ nhiều loại hình tượng của Bồ Tát Quán Thế Âm trong các ngôi chùa Phật giáo Bắc tông, đủ thấy rằng niềm tin của người Phật tử đối với vị Bồ Tát này thật quá tràn đầy. Ngoài việc thiết trí tôn thờ trong chùa ra, người ta còn thiết trí tôn thờ Ngài ở một vài nơi thích hợp ở ngoài trời. Phần nhiều là ở phía trước sân chùa thường gọi là Quan Âm lộ thiên. Có nơi, còn thiết kế tôn trí nhiều loại hình tượng của Ngài trước khuôn viên chùa rộng lớn. Sự tôn trí này nói lên cái niềm tin thật đa dạng phong phú đối với Bồ tát Quán Thế Âm.

Hầu hết, người ta đều tin tưởng tuyệt đối vào sự cứu khổ cứu nạn của Ngài. Vì đó là bản nguyện độ sinh cứu khổ ban vui của Ngài. Thế nên, mỗi khi người ta gặp khổ nạn thì họ đều hết lòng xưng niệm danh hiệu của Ngài. Vì người ta tin rằng, chỉ có Ngài mới có thể cứu thoát khổ nạn cho họ mà thôi. Đây là niềm tin thuần chất phát xuất từ đáy lòng sâu kín của họ. Do tin tưởng như thế, nên khi gặp khổ nạn người ta hết lòng xưng niệm danh hiệu của Ngài và đã được Ngài cứu thoát. Tuy nhiên, không phải ai cũng được như thế cả. Tùy theo niềm tin và sự xưng niệm của người đó có đến chỗ chí thành chí thiết hay không? Câu nói: "Chí thành thông Thánh là thế". Nếu niệm không chí thiết thành tâm thì sẽ khó mà được toại nguyện như ý muốn. Bởi Bồ tát thì lúc nào cũng ứng hiện khắp nơi, nhưng điều quan trọng là còn tùy thuộc vào mức độ cảm niệm của người đó. Hữu cảm tất ứng, đó là điều không sai. Bởi: "Cảm ứng đạo giao nan tư nghì" Làm sao chúng ta có thể nghĩ bàn đến việc cảm ứng? Với cái tâm vọng động phân biệt dính kẹt vào hữu tướng của chúng ta thì thật khó mà quyết đoán suy lường được. Không khéo ta sẽ rơi vào đối chất cảnh hay tỷ lượng hoặc phi lượng. Nhưng cảm đến mức độ nào thì lại là một chuyện khác. Nếu ta hoàn toàn ý lại vào sự cứu độ của Ngài không thôi, e rằng điều đó chúng ta sẽ bị thất vọng. Đối với người Phật tử có chút ít căn bản Phật học, ta không thể hoàn toàn tin tưởng vào điều đó. Vì niềm tin không được điều động bởi lý trí thì coi chừng ta sẽ trở thành là kẻ mê tín mù quáng.

Thay vì đặt định niềm tin chính đáng, do chánh kiến chỉ đạo, thì ta lại đi lệch qua rơi vào con đường tà kiến. Ta nên ý thức rằng, mỗi người chúng ta ai cũng sẵn có tự tánh Quán Âm. Như trong gạo sẵn có chất cơm và trong cây sẵn có chất lửa. Nhưng với điều kiện là ta phải tu. Đó là duyên nhân Phật tánh. Chỉ cần hồi quang phản chiếu thấp sáng ngọn đuốc chánh niệm thì ngay lúc đó tự tánh Quán Âm hiển hiện. Được thế, thì ta mới thực sự là niệm Quán Âm với chính mình. Và chính Quán Âm tự tánh này mới có đủ năng lực cứu độ ta thoát khỏi sinh tử khổ đau. Còn Quán Âm bên ngoài không làm sao cứu độ ta hoàn toàn hết khổ

được. Thiết nghĩ, người Phật tử cần phải đặt định niềm tin đúng hướng chân lý nhân quả. Nghĩa là niềm tin phải được sự chỉ đạo của trí huệ. Có thế, thì niềm tin đó mới có giá trị và mới phù hợp với chánh lý theo lời Phật dạy. Bởi vì Bồ Tát Quán Thế Âm xưa kia, Ngài cũng phải nỗ lực huân tu bằng cách là "**Phản vấn tự tánh**". Nghĩa là ta nghe lại cái tánh nghe thường hằng của chính mình. Ta không nên nghe chạy theo dính mắc vào thính trần ở bên ngoài. Còn lệ thuộc dính mắc vào thính trần v.v... thì chúng ta vẫn còn bị kẹt vào đối tượng năng sở. Một khi bị mắc kẹt vào chủ thể và đối tượng nhận thức, thì chúng ta vẫn còn bị khổ đau dài dài. Muốn tự cứu độ cho mình hoàn toàn hết khổ, chỉ có cách là chúng ta phải vượt lên trên và ra ngoài phạm trù đối đãi nhị nguyên. Ta phải thường xuyên thực tập cho mình có chánh niệm để quán chiếu sâu sắc vào thực tại của vạn pháp. Quán chiếu và nhận diện những hiện tượng tâm lý phát khởi từ động lực vô minh. Ta cần phải chuyển hóa những thứ vô minh phiền não này thì mới mong đời ta bớt khổ. Đó là con đường thoát khổ duy nhất mà chư Phật, chư Bồ Tát, chư Hiền Thánh Tăng đã đi qua. Ngoài con đường chánh đạo chánh lý này ra, tất nhiên, ta sẽ không còn có con đường nào khác để ta có thể "chuyển mê khai ngộ" được.

III. Năng Lực Độ Sinh Của Bồ Tát Quán Thế Âm

Tụng Phẩm Phổ Môn thứ 25 trong Kinh Pháp Hoa, ai cũng biết Bồ tát Quán Thế Âm có nhiều ứng hóa thân, mà trong Kinh nêu ra có ba mươi hai ứng thân. Sự thị hiện ứng hóa thân của Bồ tát tất nhiên là phải tùy cảnh tùy duyên. Việc cứu khổ cứu nạn của Ngài không phải hoàn toàn không có. Bởi lúc ta gặp khổ nạn thập tử nhất sinh, thì lúc đó ta chỉ còn có một niệm Quán Thế Âm duy nhất mà thôi. Tuyệt nhiên, không có một niệm nào khác xen vào. Thế là, đã xứng hợp với tự tánh Quán Âm. Đó là một sự cảm ứng thật kỳ diệu nhiệm mầu. Với tâm trí nhận thức thường tình của chúng ta thì không thể nào biết được.

Qua câu hỏi của Bồ tát Vô Tận Ý về việc phương tiện tùy cơ ứng hiện thuyết pháp độ

sinh của Bồ Tát Quán Thế Âm đã được Đức Phật trình bày rất rõ trong phẩm Phổ Môn. Ứng hiện đủ loại tùy hình theo sở cầu sở nguyện của chúng sinh. Như ứng hiện thân Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phạm Vương, Đế Thích v.v... Nói chung, là ứng hiện tứ Thánh lục phàm và các loài chúng sinh khác. Với mục đích là nhằm thuyết pháp cảm hóa cho mọi loài chúng sinh thoát khỏi mê luân chóng tựu thành Phật quả. Đó là thể hiện lòng từ bi vị tha vô lượng của Bồ Tát xứng với danh hiệu của Ngài là Quán Thế Âm. Đọc qua 12 lời đại nguyện ta thấy rất rõ điều đó.

Có nhiều chuyện tích ghi lại việc cứu khổ cứu nạn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Vì phạm vi bài viết có hạn định, nên chúng tôi không tiện nêu ra những chuyện tích kỳ bí màu nhiệm mà chính những người bị nạn đã được Bồ Tát cứu thoát kể lại. Do đó, mà những người dù theo đạo Phật hay không theo đạo Phật, họ cũng đều tin tưởng vào sự cứu khổ cứu nạn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Chính bản thân của người viết, cũng đã được Bồ tát Quán Thế Âm cứu độ cho thoát nạn. Chúng tôi nghĩ rằng, sống trong cuộc đời đau khổ đầy nghiệp quả hệ lụy này, không ai có thể thoát khỏi khổ đau. Và cứ mỗi lần gặp hoạn nạn khổ đau cùng cực thì người ta lại nghĩ đến Bồ tát Quán Thế Âm. Dù người có đạo hay không đạo cũng thế. Điều đó cho chúng ta thấy rằng, sự ứng thân hóa độ, tầm thính cứu khổ, cứu nạn của vị Bồ Tát này thật quá rộng lớn. Trong đời sống hằng ngày có những việc xảy ra linh ứng rất là màu nhiệm mà chúng ta không thể lý giải bằng lời theo trí năng thường tình của chúng ta được. Sự ứng hóa cứu độ của Bồ Tát không ai có thể biết hết được.

IV. Ứng Dụng Hạnh Quán Âm

Bồ Tát Quán Thế Âm có đôi mắt hiền từ và trái tim rộng lớn. Tình thương của Bồ tát không biên giới. Ta cũng có tình thương như Bồ Tát nhưng chưa mở rộng. Tình thương của ta còn quá giới hạn trong bản ngã vị kỷ thấp hèn. Cuộc đời có quá nhiều đau khổ là vì người ta không biết mở rộng trái tim thương yêu. Muốn mở rộng trái tim thương yêu rộng lớn, trước tiên, ta cần phải hiểu và cảm thông

trong tình người. Đã lâu rồi, những nhận thức của ta bị đóng khung trong vô minh vọng chấp. Do đó, mà ta nhìn mọi vật theo lăng kính chủ quan của ta. Ta đang bị kẹt vào Biên kế sở chấp. Cái nhìn của ta chỉ trong phạm vi đời chất cảnh hay tỷ lượng phi lượng mà thôi. Ít khi ta tiếp xúc trực giác với tánh cảnh hay hiện lượng. Bởi cái nhìn bóp méo vô tròn sự vật nên ta có nhiều kỳ thị trong võ ốc thiên kiến. Một vị Bồ tát có đôi mắt thương nhìn cuộc đời, tại sao ta không bắt chước và học theo đôi mắt nhìn đời đó? Ta hãy mạnh dạng tháo gỡ cặp kiếng màu nhị nguyên xuống đừng nhìn theo lối mòn biên kiến nữa.

Đức Bồ tát Quán Thế Âm có hai cái công hạnh đặc biệt, thiết nghĩ, chúng ta cũng nên học và hành theo hai hạnh đặc biệt này. Đó là hạnh "Lắng Nghe và Ái Ngữ". Nghe thì ai cũng nghe (chỉ trừ những người bị điếc) nhưng ít có ai trong chúng ta chịu khó lắng sâu. Có lắng sâu thì ta mới có thể hiểu và cảm thông câu chuyện của người nói. Lắng nghe để tìm phương cách tháo gỡ cho đối phương đang bị đau khổ. Người nào mang nặng nỗi khổ niềm đau thì người đó sẽ không bao giờ có được những giây phút an định được. Họ luôn ôm ấp nỗi khổ và phải chịu đựng. Chịu đựng trong nỗi đau đớn tuyệt vọng. Nếu ta học hạnh Quán Âm thì ta cần phải tầm thính, vì tầm thính là lắng nghe. Lắng nghe tiếng kêu than thống thiết đau khổ của người khác. Và dĩ nhiên, ta cũng phải lắng nghe lại lòng ta. Ta có lắng nghe sâu thì ta mới có khả năng tháo gỡ những nội kết mà ta đã có. Ta có hạnh phúc thì ta mới có thể hiến tặng chia sẻ cái hạnh phúc đó cho người khác. Nhất là cho những người thân của chúng ta. Song song với hạnh lắng nghe (để thính) ta cần phải có ái ngữ. Ái ngữ là lời nói êm dịu, nhẹ nhàng và chứa đầy chất liệu thương yêu. Nếu không có thương yêu thì ta không thể có lời nói êm ái hòa nhã nhẹ nhàng được. Lời nói của ta thốt ra là lời nói phải có ý thức chánh niệm. Lời nói phải có giá trị trong tinh thần xây dựng yêu thương và đoàn kết. Ta không thể có những lời nói ác ý phá hoại hay ly gián. Mỗi lời nói của ta phải chứa đựng như nước cam lồ làm mát dịu nỗi khổ đau cho mình và người. Trong đời sống hằng ngày, ái ngữ đóng vai trò thật vô cùng quan yếu. Ta

nên tránh xa những thứ quái ác ngũ chỉ làm tổn mình hại người. Ái ngữ có năng lực mang lại sự hòa hợp yêu thương trong tinh thần đoàn kết bao dung hỷ xả. Thiếu ái ngữ là cuộc sống trở nên khô khan và như cây thiếu nước. Đó là hai công hạnh của Bồ tát Quán Thế Âm mà ta luôn noi theo và thật hành. Có thế, thì mới có thể mang lại hạnh phúc cho ta và người.

Tóm lại, trong tiến trình tu tập ta nên noi theo công hạnh của Bồ tát Quán Thế Âm để mang lại cho mình và người có nhiều hạnh phúc. Hạnh phúc là mẫu số chung mà hầu hết chúng ta ai cũng mong muốn. Niệm danh hiệu Bồ tát chỉ mong cho Ngài cứu khổ không thôi, điều

đó sẽ không phù hợp theo tinh thần tự lợi của Phật dạy. Niềm tin của ta phải được xây dựng trên nền tảng trí huệ. Có trí huệ thì ta mới có thể chiếu phá được vô minh. Khi vô minh phiền não không còn thì đời ta mới thực sự giác ngộ và giải thoát. Và như thế, thì ta mới thật là người khéo biết niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm vậy.



Nhớ

*Chiều qua, chiều qua mau
Lá thu vàng xôn xao
Nghe trong niềm thương nhớ
Có nỗi sầu đôn đau.*

*Người đi chưa lần về
Nên lòng mãi ê chề
Quê hương nghìn xa cách
Tìm thấy đâu trăng thề.*

*Mộ mẹ nằm bơ vơ
Cạnh dòng sông xanh mơ
Không tay người chăm sóc
Hoa cỏ vàng xác xơ.*

*Đàn em nhỏ ngây thơ
Chắc biết buồn ngán ngờ
Khi mai vàng tươi tả
Hết rồi tuổi mộng mơ.*

*Cha già đang héo mòn
Trong nỗi nhớ thương con
Nơi xứ người lưu lạc
Tuổi hã còn quá non.*

*Niềm đau là nỗi nhớ
Nỗi nhớ trong niềm đau
Đêm thao thức trăn trở
Từng gợn sóng lao chao.*

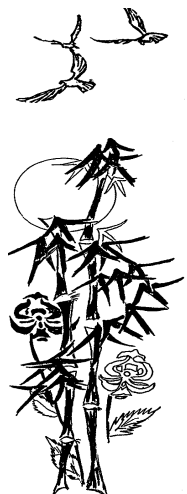
*Đi! Hẹn ước ngày về
Dù đường về dẫu vội
Đi! Bao người mong đợi
Nợ đất nước hồn quê.*

*Mấy ngàn năm lửa thiêng
Như hoa sen bất diệt
Bàn bạc khí anh linh
Trong tâm thức người Việt.*

*Đất nước sẽ huy hoàng
Dân tộc hết lâm than
Khắp năm châu bốn bể
Lạc Hồng sống vinh quang.*

*Chiều qua, chiều qua mau
Lá thu vàng xôn xao
Nghe trong niềm thương
Nỗi sầu vút lên cao.*

Trí Lạc





KINH A DI ĐÀ

Mông giải

Thuật giảng: Ngài Hưng Từ hiệu Quán Nguyệt Tử
tại núi Thiên Thai.

Hán dịch: Ngài Cưu Ma La Thập

Soạn dịch: Liên Hương Tịnh Lạc.

(tiếp theo)

Hành tướng vãng sanh của cửu phẩm Liên-Hoa

Theo trong văn của kinh Thập Lục Quán được rút gọn

1. Hạ Phẩm Hạ Sanh

Hạng này dù đã lỡ làm gây đủ các tội quá nặng như ngũ nghịch, thập ác, đến lúc lâm chung, mắt thấy cảnh khổ cùng cực của A Tỳ địa ngục hiện ra, bấy giờ may gặp thiện tri thức khuyến bảo niệm Phật; nhưng vì quá khổ ngặt, chưa thể yên tâm để niệm Phật! Thiện tri thức lại nhắc nhở nữa, người ấy mới dốc lòng khứng niệm, lại càng niệm một cách thành khẩn lắm, vì tự biết sắp chết, nên không còn xen tưởng niệm chi hơn bằng niệm Phật rất tinh chuyên; như thế niệm được 10 niệm, dứt ngay các tội sanh tử từ 80 ức kiếp. Người ấy tự thấy hoa sen vàng như mặt nhật hiện trước mắt, tự thân ngồi trên hoa, chùng trong một niệm đã sanh về Cực Lạc, trải qua 12 đại kiếp, hoa mới nở; được nghe hai đức Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí nói đủ thật tướng của các pháp, người ấy liền phát tâm bồ đề.

2. Hạ Phẩm Trung Sanh

Hạng này đã phá trai, phạm giới, trộm cắp đồ vật của chùa. Ba nghiệp bất tịnh mà thăng tòa thuyết pháp. Người ấy đến lúc sắp mạng chung, những hình tướng độc ác của địa ngục đồng thời hiện cho người ấy thấy; may gặp vị thiện tri thức, vì nói công đức của Phật A Di Đà và các điều giới,

định, huệ; nghe rồi dứt được tội sanh tử tám mươi ức kiếp, các ác tướng ngục hỏa kia liền hóa làm gió mát, thổi đưa đến các thứ hoa đẹp, trên hoa đều có các đức Hóa Phật, Bồ Tát đến đón rước người ấy, chỉ trong một niệm, liền sanh về nơi ao báu, thức trụ trong hoa sen, mãi đến sáu kiếp mới nở, nghe hai đức Đại Thánh nói kinh Đại Thừa, liền phát khởi đạo tâm vô thượng.

3. Hạ Phẩm Thượng Sanh

Những người dù không hủy báng Phật, nhưng lại chuyên tạo nhiều thứ nghiệp; khi lâm chung, gặp thiện tri thức chỉ dạy, nghe nói tên kinh điển Đại Thừa, liền diệt được tội trọng từ ngàn kiếp; lại dạy chấp tay niệm Phật, liền trừ được tội sanh tử từ năm mươi ức kiếp. Được thấy các Đức Hóa Phật. Hóa Thánh chúng đều phóng hào quang chiếu sáng khắp nhà, người mạng chung, nương đài hoa sen báu, theo sau Phật đến bảo trì, trải qua bốn mươi chín ngày, hoa sen mới nở, thấy hào quang của nhị thánh Quán Âm, Thế Chí, và nghe hai Ngài nói kinh điển Đại Thừa, phát khởi ngay tâm vô thượng đạo. Trải qua 10 tiểu kiếp, học đủ bách pháp minh môn rồi, mới chứng lên bực Sơ địa.

4. Trung Phẩm Hạ Sanh

Hạng này, thường giữ đạo hiếu, lòng rất nhân từ; khi lâm chung, được gặp thiện tri thức nhiều lời tán dương nước Cực Lạc và nguyện rộng lớn của đức Phật A-Di-Đà. Người này nghe rồi thì mạng vừa chung, nhanh như lúc co duỗi cánh tay, liền sanh về nước Cực Lạc. Qua 7 ngày, được nghe Đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí nói pháp, liền đắc Sơ quả. Qua một tiểu kiếp mới đắc quả A-La-Hán.

5. Trung Phẩm Trung Sanh

Hạng người này, ngoài pháp tu niệm Phật giới hạn trong 1 ngày 1 đêm, hoặc giữ bát quan trai giới, hoặc giữ sa di giới, hoặc giữ cụ túc giới, với các giới ấy tùy giữ được 1 giới nào cho tinh nghiêm, đem công đức đó hồi hướng về cõi Cực lạc. Khi lâm chung được thấy kim quang của Phật, thánh, tự thân ngồi trên đài sen bảy báu, hoa xếp lại liền đến ao báu, sau bảy ngày hoa nở, người ấy lay và tán thán Phật, nghe pháp đắc Sơ quả, trải qua nửa kiếp mới thành A-La-Hán.

6. Trung Phẩm Thượng Sanh

Hạng người này chăm ăn chay, giữ giới, niệm Phật hồi hướng về nước Cực Lạc; khi lâm chung thấy Phật, thánh chúng hào quang sáng chói và được nghe các pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã. Tự thân lên hoa sen lay Phật, trong lúc vừa cất đầu liền được sanh sang nước Cực Lạc, khi hoa nở liền được nghe pháp Tứ Đế, liền chứng quả A-La-Hán, thấu rõ các pháp: tam minh, bát giải thoát...

7. Thượng Phẩm Hạ Sanh

Hạng người này cũng tin lý nhân quả của đại thừa, nhưng chỉ mới phát đạo tâm vô thượng chứ chưa thật hành được bao nhiêu, nhưng có hồi hướng về nước Cực Lạc; khi lâm chung, người này được thấy 500 đức Hóa Phật đồng thời trao tay, dắt lên liền đài, hoa liền xếp lại, theo Phật đến ao sen, qua một ngày đêm hoa mới nở, sau 7 ngày

được thấy Phật, nhưng chưa thấy rõ tướng tốt, sau 3 tuần nhật, mới được thấy rõ, thân cận cùng hầu chư Phật, nghe pháp thâm thâm, trải qua 3 tiểu kiếp mới đắc bách pháp minh môn, mới tiến lên bậc Hoan-Hi-địa.

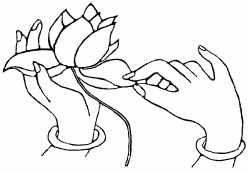
8. Thượng Phẩm Trung Sanh

Những người nghe pháp Đại Thừa mà tâm không kinh sợ, tin sâu lý nhơn quả, niệm Phật và làm phước thiện chi cũng đều hồi hướng về nước Cực Lạc. Người ấy khi lâm chung được thấy một nghìn đức Hóa Thân Phật, đồng thời nắm tay dìu dắt, các thánh chúng cũng đồng nhiều để đón tiếp. Tự thân của người ấy lên ngồi trên đài hoa sen bằng vàng tía, chùng trong một niệm, đã đến ao sen, cách qua một đêm, hoa sen mới nở, thân hóa sanh của người bằng màu vàng tía. Nhờ ánh vàng của Phật và thánh chúng, người được mở sáng mắt huệ, nhớ rõ lại những việc lành đã làm từ kiếp trước, đều đúng với đệ nhất nghĩa, liền xuống đài sen để lay Phật. Từ lúc hoa nở về sau 7 ngày, người ấy liền được không thối chuyển đối với đạo chánh đẳng chánh giác, mãi đến một tiểu kiếp, mới đắc pháp vô sanh nhẫn.

9. Thượng Phẩm Thượng Sanh

Hành nhơn phát đủ 3 tâm : Chí thành tâm, thâm trọng tâm, hồi hướng tâm và phát đại thừa nguyện, để tu pháp niệm Phật, khi lâm chung được thấy Phật, thánh nhiều đến vô lượng; tự thân được ngồi trên đài Kim Cang, chỉ trong khoảng khảy móng tay vãng sanh về Cực Lạc, liền được nghe pháp của Phật thừa, tâm liền mở mang phát được Phật huệ, chứng ngay quả vô sanh nhẫn; chỉ trong một giây phút có thể vãng thờ đủ cả 10 phương chư Phật theo thứ tự liền được chư Phật thọ ký cho, cũng chỉ trong giờ phút đó, liền sanh về nước Cực Lạc, được các pháp môn tổng trì (đà la ni) nhiều đến vô lượng.

((còn tiếp))



Con Voi Tài Hộ

Lê Văn

*T*rong Kinh Pháp Cú Phật dạy: "Con voi tên Tài hộ (Dhamapala: hộ vệ tài sản) nhưng đến kỳ phát dục thì hung hăng khó trị, khó buộc trời, lại ăn nhiều và tâm thường nhớ mẹ ở rừng sâu" (Bản dịch của cô Hòa thượng Thích Thiện Siêu)

Pháp cú trên Phật dạy khi Ngài ở nước Xá Vệ, Ngài nói với một Bà la môn già bị các người con hắt hủi.

Theo truyện tích, một Bà la môn già có bốn người con trai, khi bốn người con trai lớn lên ông lần lượt cưới vợ cho chúng. Đồng thời, ông phân chia tiền bạc cho mỗi đứa con đồng đều. Ông có gia tài được tám trăm ngàn đồng tiền vàng. Ông phân phát cho mỗi đứa con một trăm ngàn đồng. Sau khi vợ ông chết các người con sợ ông có người khác mà không được hưởng trọn số tiền còn lại, nên họ bàn tán với nhau, bằng cách là cùng nhau săn sóc người cha để hưởng trọn gia tài.

Thế là cả bốn người hợp nhau lo cho ông rất chu đáo, từ cái ăn, cái mặc v.v... mọi việc không thiếu thốn thứ gì. Cuối cùng, bọn chúng yêu cầu ông cho chúng luôn số tiền còn lại. Ông chiều theo và cho luôn, tức mỗi đứa có thêm một trăm ngàn đồng nữa. Bấy giờ ông đã trắng tay. Từ đó mấy người con dẫu đối xử với ông rất là tệ bạc. Ông đến nhà đứa con nào cũng bị chúng nó hắt hủi đuổi ông ra khỏi cửa. Trước tình cảnh ngược đãi đó, buồn quá ông phải đi lang thang rày đây mai đó để xin ăn.

Ngày kia, ông trực nhớ đến Đức Phật. Ông liền đi đến gặp Phật. Sau khi trình bày về nỗi khổ đau của ông bị các đứa cháu con hắt hủi, ông liền được Đức Phật an ủi và Phật nói cho ông nghe bài kệ:

*Chúng là những đứa con khi sanh ra tôi vui mừng, mong mỏi
Vậy mà chúng nghe lời vợ xúi giục, đuổi tôi như xưa chó*

Chúng gọi tôi "Cha thân yêu..." thật ác độc và rỗng tuếch

*Quý đội lột con trai, chúng bỏ rơi tôi khi tuổi già, như bỏ đói con ngựa già vô dụng
Làm cha một lũ ngu, phải xin ăn lang thang từng nhà*

Một cây gậy còn tốt hơn là con bất hiếu

Gậy còn đuổi được bò rừng chó dữ

Gậy dẫn đường trong đêm tối, đỡ chân qua vũng nước bùn lầy

(Bản dịch trong Tích Truyện Pháp Cú tập III của Viên Chiếu trang 195)

Phật bảo ông nhớ học thuộc lòng bài kệ. Trong một buổi họp mặt đông đủ dòng Bà la môn và có những đứa con trai của ông tham dự, ông liền đọc bài kệ đó cho mọi người nghe. Các đứa con của ông nghe qua đều hết hoảng kinh sợ, vì theo luật pháp thời bấy giờ đã ấn định: "Nếu người nào hưởng gia tài của cha mẹ mà không nuôi dưỡng cha mẹ, thì sẽ bị tội tử hình". Nghe thế, các người con của ông khẩn cầu van xin ông tha tội chết. Với tấm lòng rộng lượng bao dung thương yêu của người cha nên ông đã tha thứ cho các con. Từ đó chúng hết lòng săn sóc hầu hạ ông như xưa và không dám đối xử tệ bạc với ông nữa. Và cũng từ đó, ông và các đứa con của ông thường hay phát tâm cúng dường thức ăn cho Đức Phật. Bọn chúng quỳ lạy và hứa trước Đức Phật, kể từ nay trở đi, chúng con phải chăm sóc lo cho cha già chu đáo, không dám lơ là. Phật khen và dạy cho họ hãy noi gương con voi "Tài Hộ" mà đối xử tốt với người cha. Sau khi nghe Phật dạy, ông và các con cháu của ông đều chứng sơ quả (quả Tu đà hoàn).

Đó là chúng tôi lược dẫn cốt chuyện trong Tích Truyện Pháp Cú do nhóm Thiên sinh Viên Chiếu dịch. Sống trong cuộc đời tương đối, cái gì nó cũng có hai mặt. Tiền bạc của cải ... cũng thế. Đúng về mặt lợi của tiền bạc, thì sống trên đời này hầu hết nhơn loại ai cũng phải cần đến nó. Vì nó là huyết mạch luân lưu của đời sống. Đời sống vật chất không có thứ

gì mà không cần đến tiền. Người ta chế tạo ra đồng tiền để giao dịch mua bán đổi chác cho tiện lợi trên thương trường. Người ta thường nói, có tiền là có tất cả. Nói một cách khẳng quyết mạnh mẽ hơn: "*Chỉ cần có tiền là người ta mua Tiên cũng được*". Nói thế, để thấy sức mạnh vạn năng của đồng tiền. Dù nó chỉ là một tờ giấy mỏng vánh, nhưng nó lại có một sức mạnh vạn năng phi thường. Nó chi phối tất cả mọi việc trên đời. Bởi thế nên ca dao Việt Nam có câu:

*Đồng tiền là chúa cái khôn ngoan
Đủ mặt vuông tròn với thế gian*

Hay:

*Vai mang túi bạc kè kè
Nói bậy nói bạ thiên hạ nghe râm râm*

Lời nói của người xưa là cả một kinh nghiệm sống. Cứ nhìn vào cuộc sống thực tế, ta thấy rất rõ điều đó. Bạn chỉ cần có nhiều tiền lắm của, thì bạn có thể giải quyết suôn sẻ hết mọi vấn đề. Kể cả những vấn đề nan giải rắc rối nhứt trong cuộc đời bạn. Ngoại trừ cái chết của bạn. Có tiền, trắng người ta cũng có thể đổi thành đen. Họa cũng có thể chuyển thành phước. Kẻ có tội cũng trở thành vô tội. Ngược lại cũng thế. Người có tiền, lời nói đùa giỡn mua vui của họ, người ta cũng thấy nó có giá trị vô song. Ngược lại, kẻ rách rưới đói khát không tiền, dù có làm hay, nói giỏi người ta cũng khinh khi coi thường. Như vậy, đứng về mặt lợi của đồng tiền thì nó ứng phó đủ muôn mặt, diễn ra thiên hình vạn trạng, nói không thể hết.

Ngược lại, đứng về mặt hại của nó, thì họa hại của nó cũng không lường. Nó có thể gây ra cho người ta thất điên bát đảo mất ăn, mất ngủ. Chính vì nó có một sức mạnh vạn năng tiện lợi lớn lao như thế, nên ai cũng muốn chiếm hữu tranh giành. Do lòng tham lam của con người quá độ, nên ai cũng muốn chiếm đoạt tài sản cho nhiều về mình. Đó là mối họa hại rất lớn. Họ tranh giành chiếm đoạt bất chấp mọi thủ đoạn gian ác. Thậm chí ngay trong tình thân nhân ruột thịt máu mủ trong gia đình, người ta cũng có thể ra tay tàn sát lẫn nhau một cách

không biết gớm tay. Chính cái lòng dục vọng si mê quá độ đó, nó che khuất làm mờ ám lương tâm, lương tri của con người. Quả đúng như một thi nhân nào đó đã nói:

*"Tiền với bạc là nhân nạn khổ
Tiền xô người vào chỗ u minh
Tiền tài thay đổi tánh tình
Tiền gây nên cảnh đệ huynh tương tàn"*

Một nhà thơ khác cũng lên án gắt gao đồng tiền:

*Ác nghiệt chi mi lắm rủa tiền
Mi làm nhơn loại hóa ra điên
Mi tô mặt nạ đen thành trắng
Mi khiến nhơn tình thẳng hóa xiên
Mi đập luân thường vô một xó
Mi xô nhân nghĩa dẹp đôi bên
Mi xui thế giới đâm nhau mãi
Ác nghiệt chi mi lắm rủa tiền!*

Cách đây không lâu, một vụ phá án động trời đã đăng trên trang mạng. Nội vụ đã xảy ra tại thành phố Hà Nội. Vì không ngăn được lòng tham dục cao độ mà dẫn đến cái hậu quả giết chết một mạng người.

Theo lời tường thuật của việc phá án, nguyên nhân gây ra là do hai thanh niên độc thân kết bạn trên trang mạng. Một cậu xuất thân từ gia đình nghèo (tạm gọi là A) và cậu khác (tạm gọi là B) xuất thân từ gia đình khá giả. Cậu B sống một mình trong một căn nhà riêng. Vì tình bạn thân (dù chỉ quen nhau trên mạng) nên cậu B cho địa chỉ nhà của mình cho cậu A.

Một hôm, cậu A tìm tới nhà và hai người thân thiết sống chung với nhau khoảng độ một tuần. Theo lời thuật lại của cậu A khi ra tòa, là vào một buổi sáng sớm cậu ta thức dậy sớm, (vì cậu ta có ý định là muốn thanh toán giết người bạn thân của mình để chiếm đoạt một số tài sản mà cậu B hiện có) trong khi đó thì cậu B còn đang say sưa trong giấc mộng. Thấy bạn mình còn đang say ngủ, cậu ta liền lấy con dao Thái Lan gọt trái cây, đâm mấy nhát dao vào thân thể của cậu B. Trong lúc vẫy vùng kháng cự thì cậu A dùng chiếc gối đè trên mặt cậu B cho đến khi cậu B tắt thở. Thế là án mạng đã

xảy ra. Sau khi giết cậu B rồi, cậu A tóm đầu hết tài sản của cậu B rồi nhanh tay lẹ chân mà tìm đường tẩu thoát. Tình cờ cũng vào buổi sáng sớm hôm đó, có người bạn thân của cậu B đến nhà, thấy cửa khép lại, mở ra mới thấy thi thể của cậu B hiện nằm bất động trên sàn nhà. Thế là người bạn hàng xóm này liền báo cho công an sở tại biết.

Sau một thời gian công an theo dõi điều tra, kết quả là tóm cổ được cậu A và đưa cậu ta ra tòa xét xử. Khi ra tòa, cậu A đã cung khai thú nhận là cậu đã cố tình ra tay hạ sát bạn mình để chiếm đoạt một số tài sản gồm có: một chiếc xe gắn máy trị giá khoảng 26 triệu, một máy vi tính và 2 máy điện thoại cầm tay. Cộng chung khoảng 36 triệu đồng tiền Việt Nam.

Sau khi xét xử, tòa tuyên án cậu A phải bồi thường tất cả những tài sản mà cậu A đã chiếm hữu và phải bồi thường sự mất mát đau đớn lớn lao cho gia đình cậu B. Đồng thời, tòa tuyên án tử hình cậu A về cái tội cố sát chiếm đoạt tài sản.

Đó là một trong muôn ngàn câu chuyện thảm thương hiện đã và đang xảy ra hằng ngày. Con người vì không chế ngự được ba thứ độc tố: "**Tham, Sân, Si**" mà người ta đã gây ra không biết bao nhiêu điều tội ác. Xã hội luôn luôn bất an và đang trên đà băng hoại. Người ta luôn sống trong nỗi phấp phồng lo sợ. Chỉ vì 36 triệu đồng mà mất hai mạng người. Tiền tài, danh vọng, sắc đẹp... là những thứ hấp dẫn mà người ta luôn khát vọng chiếm hữu. Hành động giết người cướp của thử hỏi làm sao tránh khỏi quả báo. Đó là quả báo nhãn tiền. Nhân gian có câu: "Ngày xưa trả báo thì chầy, ngày nay trả báo phút giây nhãn tiền". Sách Nho cũng có câu: "Thiên võng khôi khôi sơ nhi bất lậu". Nghĩa là lưới trời tuy lỏng lẻo nhưng không lọt một ai! Hoặc câu: "Ác lai ác báo, thiện lai thiện báo". Làm ác thì phải chịu trả quả ác, làm lành thì sẽ được hưởng quả lành. Luật tắc nhân quả xưa nay là như thế. Luật pháp thế gian còn không tránh khỏi, thử hỏi làm sao thoát khỏi luật nhân quả. Vì nhân quả là một định luật tất yếu hiển nhiên, là chân lý phổ biến. Đã có gây nhân, sớm hay muộn gì cũng phải gặt hái quả báo. Nhân quả rất công

bằng không thiên vị một ai. Mình làm mình chịu, không có ai chịu trách nhiệm thay thế cho mình. Không có một đấng thiêng liêng nào có quyền năng thưởng phạt mình cả. Chính mình là Thượng đế quyết định đời mình. Vì quyền quyết định không phải do Thượng đế bên ngoài mà chính do Thượng đế nội tâm mình. Phật nói, tâm làm chủ của muôn pháp là thế. Hay tất cả đều do tâm tạo. Không có Thần linh nào có thẩm quyền quyết định đời mình cả. Trường hợp bản án dẫn nêu trên, có phải Thần linh hay đấng Thượng đế tối cao nào xui khiến giết người hay không? Nếu Thần linh hay Thượng đế nào đó xui khiến gây nên thảm họa đó, thì quả thật vị Thần linh và Thượng đế đó quá ư là tàn nhẫn độc ác. Đã thế, thì sao được gọi là Thần linh hay Thượng đế chứ?! Lẽ ra, thì các vị đó phải gia hộ làm cho người ta phải tránh xa điều gian ác mới phải. Chớ có lý nào xui khiến thúc giục người ta tàn hại với nhau như vậy? Thế thì không có một đấng tối cao nào xui khiến ta cả mà đó chỉ là do lòng tham của con người thúc giục gây ra thảm họa đó mà thôi.

Ở đời, ít có ai nghĩ đến nhân quả. Mà dù cho họ có nghĩ đến, nhưng vì lòng tham lam ích kỷ thấp hèn muốn mình có thật nhiều tiền của, nên không có gì mà họ chẳng dám làm. Khi gây nhân ác, rất tiếc là người ta không nghĩ đến cái hậu quả. Đến khi quả báo đến thì bấy giờ người ta mới hốt hoảng lo âu sợ hãi. Như thế là đã quá muộn màng rồi! Chi bằng tránh nhân thì làm gì có quả? Vì thế mà trong Kinh có nói: "Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả" là vậy.

Trở lại vấn đề trên, thật ra, xét cho cùng, thì đồng tiền tự nó cũng không lợi mà cũng không hại. Lợi hay hại là do người ta sử dụng. Người ta làm ra tiền nhưng phải khéo biết sử dụng nó. Xem nó như là một phương tiện giao dịch đổi chác trong cuộc sống tạm bợ. Chúng ta quyết không làm nô lệ cho nó sai khiến. Đừng để nó sai khiến chúng ta làm những điều tội lỗi sai trái bất chính. Có nhiều người họ khéo biết lợi dụng đồng tiền để làm những điều phước thiện. Họ làm nhiều việc từ thiện bố thí thi ân giúp cho những kẻ bất hạnh như: tàn tật, đau ốm, nghèo khổ v.v... Họ là người xem trọng

đạo đức nhân nghĩa thương người nặng hơn đồng tiền. Đó là những con người thật đáng cho chúng ta noi gương và kính phục.

Qua câu chuyện lược dẫn trên, đủ chứng minh cho ta thấy rõ điều đó. Các người con chỉ vì lòng tham lam muốn lấy hết tiền bạc của người cha, nên họ đã dùng mưu chước thủ đoạn độc ác. Bề ngoài tưởng là họ có hiếu lắm, nhưng kỳ thật trong lòng thì họ đã có dã tâm toan tính muốn lấy hết tài sản của người cha. Đến các người con dâu cũng thế. Họ cũng toa rập đồng lõa với nhau. Mục đích của họ là phải vợ vét cho sạch túi ông già.

Sau khi vét sạch túi rồi, họ trở mặt hắt hủi bỏ bê người cha. Họ đối xử tệ bạc với người cha còn thua người dung nước lã. Thế là ông già chỉ còn có nước phải ôm hận nuốt tủi gạt lệ khóc thầm mà bỏ nhà ra đi. Ông đi lang thang rày đây mai đó để xin ăn. Tất nhiên là ông phải ngủ nơi đầu đường xó chợ, lấy đất làm chiếu, lấy sương làm mền. Ngẫm kỹ lại, con ruột của mình mang nặng đẻ đau nuôi dưỡng không biết bao nhiêu công lao mồ hôi nước mắt khó nhọc, mà nó còn đối xử tệ bạc với mình như thế, trách gì là dâu rẻ. Nói thế, chúng ta cũng không nên quơ đũa cả nắm. Xét ra, ở đời cũng có kẻ vầy người khác. Vì tập khí nghiệp tánh sâu cạn của mỗi người có sai biệt. Có những người dâu, rẻ họ rất kính nể biết điều. Họ đối xử rất tốt với cha mẹ vợ hoặc chồng, có đôi khi còn hơn con ruột của mình nữa. Họ là những người khéo biết tôn trọng lễ giáo. Họ luôn tỏ ra lòng hiếu kính trọng nghĩa ân đối với các đấng sanh thành giáo dưỡng. Tuy nhiên, hạng người này, phải thành thật mà nói rất hiếm có trên đời. Nếu không muốn nói là lác đác thưa thớt như lá mùa thu trên cành. Chính vì cái hiếm có đó, nên các bậc làm cha mẹ mới yêu thương quý mến họ rất mực.

Ông già tuy bị dâu, con hắt hủi, nhưng ông cũng còn có chút phước duyên đến gặp Phật. Ông đã được Đức Phật chỉ bày phương cách để thuyết phục các con. Mục đích là để cho chúng nó biết lỗi mà ăn năn hồi tâm phục thiện. Cuối cùng, ông cũng đã được các người con đem về nuôi dưỡng chăm sóc tử tế đàng hoàng. Điều quan yếu hơn nữa, là ông và các người con đều

phát tâm cúng dường phẩm vật cho Phật và chúng Tăng. Đồng thời nghe Phật giảng dạy khuyên bảo nên cả nhà đều được chứng sơ quả Tu đà hoàn.

Nhân qua câu chuyện này, bỗng tôi nhớ đến câu chuyện có thật, do một người bạn già kể lại. Ông nói: Sau khi được định cư ở Úc, vợ chồng ông đã cố gắng làm lụng vất vả, cày ngày, cày đêm dành dụm được một số tiền. Bây giờ, ông mới vay thêm tiền ngân hàng để mua một căn nhà. Căn nhà tuy không khang trang cho lắm, nhưng cũng không đến nỗi tồi. Từ đó, vợ chồng con cái của ông sống chung nhau rất đầm ấm. Mọi việc đều tốt đẹp. Lúc đó thì các con ông còn nhỏ. Sau một thời gian ông đã trả dứt căn nhà không còn thiếu nợ ngân hàng nữa. Khi trả xong căn nhà thì vợ chồng ông cũng đã trọng tuổi. Theo năm tháng cũng phải già đi. Bây giờ mấy đứa con của ông cũng đã khôn lớn và có gia đình. Ông nghĩ, tuổi già không biết chết nay sống mai, thôi thì tốt hơn hết là mình làm di chúc để lại căn nhà này cho đứa con trai út. Vì đứa con trai út có vợ và đang sống chung với vợ chồng ông. Thế là ông thuê luật sư làm giấy tờ là để tài sản căn nhà này lại cho chúng nó. Nghĩa là vợ chồng nó đứng tên chớ vợ chồng ông không còn đứng tên trong giấy tờ nữa. Bởi ông tin rằng, mình đã thương yêu lo cho tụi nó như thế, có lý nào mà chúng nó lại trở mặt đối xử tệ bạc với mình. Thử hỏi làm cha mẹ ai mà chẳng thương yêu con cái của mình. Và hơn nữa nó là đứa con trai út trong nhà, thì chuyện nó hưởng gia tài của cha mẹ để lại là lý đương nhiên. Nhưng không ngờ sau khi nó đứng tên rồi, một hôm ông và vợ ông la rầy chúng nó có hơi to tiếng một chút, vì ông không thể chịu nổi cái thái độ hỗn hào thất lễ của nó. Và ông bảo chúng nó phải mau dọn ra khỏi nhà. Ông không chấp nhận cho chúng nó ở chung nhà nữa. Khi đó, chúng nó mới nói: "*Ba với mẹ mới là người phải ra khỏi nhà chớ không phải tụi con. Vì trên pháp lý căn nhà này là của tụi con chớ không còn là của ba mẹ nữa*". Chúng nó bảo mình đi kiện đi. Thật là tức ói máu. Xét ra mình còn có lý gì nữa mà đi thưa với kiện. Thế là mình đã trắng tay rồi! Bây giờ chỉ còn có nước là phải ngậm bồ hòn mà dọn ra ngoài tìm chỗ ở mà thôi...!

Đó là một câu chuyện thật rất bông thương tâm của những bậc làm cha mẹ. Đó cũng còn là một bài học kinh nghiệm cho những ai khi làm từ di chúc. Tình cha mẹ thương con thì bao la, nhưng con thương cha mẹ thì như thế nào? Ca dao Việt Nam có câu: "*Mẹ thương con như biển hồ lai láng, con nuôi mẹ thì tính thảng tính ngày*". Còn tính thảng tính ngày kể ra cũng là còn may mắn lắm rồi! Đàng này chẳng những nó không nuôi mà nó còn nhẫn tâm xua đuổi cha mẹ phải ra khỏi nhà nữa. Ấy thế mới chết, còn nỗi đau khổ nào hơn! Chỉ vì cái tội quá thương và tin tưởng nơi con và dâu mà cha mẹ phải lãnh lấy cái hậu quả như thế. Do đó, có người bảo rằng, khi làm di chúc để lại tài sản cho con cái, mình phải ghi rõ là khi nào cha mẹ qua đời hết thì con cái mới được trọn quyền sử dụng cái tài sản đó. Chớ đừng thương con dâu theo kiểu ông bà già nói trên mà có ngày phải ôm hận đau khổ suốt đời. Xin mọi người hãy noi theo cái tấm gương này mà luôn đề cao cảnh giác.

Lại một chuyện khác mà người viết có nghe một người kể lại rằng: Có một gia đình nợ, hai ông bà cũng già rồi, đang sống trong một căn nhà, đây là căn nhà thuộc tài sản sở hữu của hai ông bà. Một hôm, đứa con trai nói với ông bà: "cha mẹ tuổi đã cao nay đau mai yếu, mà tụi con thì lại bận công việc làm ăn, đâu có rảnh rồi mà tới lui viếng thăm cha mẹ thường được. Rủi khi bệnh hoạn đau ốm thì ai lo chăm sóc. Không có người kế cận tức trực để chăm lo, tụi con thật sự không an tâm chút nào. Chi bằng cha mẹ bán căn nhà này đi rồi về sống chung với tụi con may ra tụi con còn có thể chăm sóc cho cha mẹ được. Sau khi bán nhà số tiền đó cha mẹ đưa cho tụi con, để tụi con đứng tên thay cho cha mẹ, rồi bỏ vào ngân hàng, khi nào cần cha mẹ nói, con sẽ rút ra cho cha mẹ sài". Ông bà nghe nói thế cảm thấy cũng bùi tai và cũng hợp lý. Cứ tưởng con mình nó có hiểu biết lo cho cha mẹ già. Ông bà cũng cảm động lắm! Thế là, ông bà đồng ý bán căn nhà và số tiền có được giao hết cho đứa con trai và con dâu. Hai ông bà dọn về ở với chúng nó. Vài tháng đầu, chúng nó còn đối xử còn có chút tử tế, nhưng về sau chúng nó đối xử với hai ông bà rất là tệ bạc. Thế rồi, chịu không nổi cái thái độ đối xử tệ bạc của

chúng nó, ông bà quyết định phải dọn ra ngoài. Ông bà nằng nặc đòi lại số tiền còn lại, nhưng chúng nó bảo là chúng nó đã tiêu sài hết rồi. Thế là đành ôm hận tủi ngậm đắng nuốt cay, âm thầm gạt lệ mà ra đi thôi... Cổ nhân nói: "Sanh tử bất sanh tâm, sanh ngu bất sanh giác". Thật là quá đúng!

Trở lại Pháp cú trên, Phật nói con voi Tài Hộ (Dhamapalaka) nghĩa là bảo hộ tài sản. Con voi này tuy đến kỳ phát dục thì nó hung hăng khó trị, khó buộc trói, lại bỏ ăn mà tâm thường tưởng nhớ rừng sâu. Nhớ rừng sâu là nhớ nơi nguồn gốc trú ẩn an toàn của nó. Dù là hung hăng dữ tợn nhưng voi vẫn nhớ đến cội nguồn. Nói lên điều này, Đức Phật nhằm thức nhắc con người dù có hung ác đến đâu, cũng phải nhớ đến cội nguồn. Cội nguồn đó chính là tổ tiên ông bà cha mẹ. Nói rõ ra là các đấng sanh thành dưỡng dục. Rộng hơn là quê hương đất nước nơi mà mình đã sanh ra và trưởng thành. Là con người, tất nhiên chúng ta phải có lòng tri ân và báo ân đối với các bậc tôn trưởng. Nhất là đối với bốn ân sâu nặng: "*Cha mẹ, thầy tổ, đàn na thí chủ, và quốc gia thủy thổ*". Nếu con người quên mất cội nguồn này, thì Phật nói, không bằng con voi, tức thua loài thú vật vậy.



Nhân Mùa Vu Lan, thử nhìn lại tình cảm của chúng ta đối với cha mẹ của người phôi ngẫu

Đầu tháng Bảy, thêm một mùa Vu Lan lại về mang bao niềm vui cho những người con Phật. Chúng ta có thêm được những thời khắc trong năm để nhớ về cha mẹ đã khuất hay bày tỏ tình cảm đối với quý bậc phụ huynh đang vẫn còn khỏe mạnh, song hành bên đời chúng ta.

Còn đối với cha mẹ của người phôi ngẫu thì sao?

Có không một tấm chân tình của chúng ta đối với cha mẹ của chồng hay của vợ mình?

1/ Con cái là mục đích cuộc sống của cha mẹ.

“*Cha Mẹ nuôi con biển hồ lai láng*”, là quy luật tất yếu của tự nhiên và xã hội. Nhưng không phải vì vậy mà cha mẹ mong cầu được con đáp đền bởi ai ai cũng hiểu rất thấu đáo một quy luật khác, tồn tại song song: “*Nước mắt chảy xuôi*”. Nuôi con khôn lớn, cha mẹ chỉ cầu mong cho con luôn khỏe mạnh, học hành thành tài, có nghề nghiệp nuôi thân, xây dựng gia đình được như ý, viên mãn. Có mong cầu chẳng ở cha mẹ là được nhìn thấy con hạnh phúc, được gần gũi những đứa cháu Nội, cháu Ngoại mang chính hình ảnh của con mình thờ bệ.

Cuộc sống của cha mẹ gắn liền với cuộc sống của các con khi chúng chưa trưởng thành, chưa lập gia đình: cha mẹ không chỉ thương yêu những đứa con xinh đẹp, thông minh, biết vâng lời mà cha mẹ càng thương hơn những đứa con xấu xí, tật nguyền thậm chí càng thương đến quên mất ruột gan những đứa con hư hỏng, đua đòi, trái tính trái nết... mà mình không dạy dỗ được. Nhiều cha mẹ gần như chịu nhục, chịu đau đớn, chết đi sống lại vì con cái làm khổ... Nhưng ở bất kỳ hoàn cảnh nào, đó vẫn là đứa con mà mình đã “*Mang nặng đẻ đau*” đã “*Đút ruột sinh ra*” và mãi mãi thương yêu với tất cả tấm lòng!

Nhưng đến khi con đã trưởng thành, đã lập gia đình, thậm chí đã già rồi nhưng trong mắt nhìn của mẹ cha, các con vẫn còn bé nhỏ, vẫn còn cần được bảo ban, săn sóc, nhắc nhở... trong tình yêu thương vô bờ bến của mình. Họa chăng chỉ đến lúc nhắm mắt xuôi tay, cha mẹ mới buông lời được mục đích cuộc sống của mình: Con cái!

Và cho dù cha mẹ là người giàu có hay nghèo hèn; là người có địa vị hay không có địa vị xã hội; là bậc thức giả hay người ít học; là nhà mô phạm hay tên trùm du đảng; là con nhà danh gia quý tộc hay cô gái đứng đường... đi chăng nữa thì lòng thương yêu con cái của cha mẹ vẫn như nhau! Có khác chăng là cách thể hiện tình thương mà thôi.

Cha mẹ nào cũng yêu thương con và ngược lại, con cái - những khúc ruột đứt ra từ thân thể cha mẹ - cho dù là “*Nước mắt chảy xuôi*” cỡ nào đi chăng nữa thì trong lòng những người con, niềm thương yêu, kính trọng cha mẹ vẫn có chỗ đứng xứng đáng.

Vậy người phôi ngẫu của chúng ta có đứng ngoài quy luật này hay không?

Tất nhiên là không! Bởi chồng hay vợ mình cũng đã có một người cha “*Chẳng quản yếu già, sanh nhai lam lũ*”, cũng có một người mẹ đã từng “*Chín tháng cưu mang, không ngớt lo toan*” và tất nhiên chính bản thân vợ hoặc chồng mình đều “*Nhớ nghĩa thân sinh, nguyện làm con thảo*”.

2/ Những nỗi buồn, vui của cha mẹ khi con lập gia đình

Dồn tất cả năng lực của mình để nuôi con khôn lớn (đôi khi có thể đánh đổi cả tính mạng của chính mình), cha mẹ nào cũng mong con mình gặp được người bạn đời... lý tưởng; cũng mong con có được một gia đình thật sự hạnh

phúc.

Khi nhìn thấy con hạnh phúc, như một lẽ thường tình của thế gian, tình cảm giữa cha mẹ đối với con dâu hay con rể ngày càng đậm đà hơn và chính vậy dân gian mới có câu:

*“Dâu hiền là con gái,
Rể thảo là con trai”*

Nói cách khác, điều này dẫn đến việc chúng ta sẽ đối đãi với cha mẹ người phối ngẫu của mình một cách trân quý hơn.

Chúng ta cũng chẳng lạ gì khi thấy ánh nhìn hạnh phúc ngời sáng trong mắt những người mẹ khi chứng kiến cô con dâu ăn nói dịu dàng, sắp đặt việc nhà, chăm chút lo toan... cho con trai mình; hoặc chàng rể gánh vác bao việc nặng nhọc, toàn tâm toàn ý vun đắp gia đình và một mực thương yêu con gái mình.

Nhưng nếu chẳng may con gái lấy phải anh chồng rượu chè cờ bạc, say sưa, hút xách, đầu trộm đuôi cướp, vũ phu, không chung thủy... hay con trai lấy phải cô vợ lãn lòn trác nết, chua ngoa đanh đá, cay nghiệt với chồng con, không biết nhân nghĩa... thì bà mẹ hay ông cha nào cũng đau đớn như nhau cả!

Tôi đã từng lắng nghe một phụ nữ trải lòng: *“...Rất may là cha mẹ chị đã mất để khỏi phải đau lòng khi nhìn thấy cảnh con gái mình đã bị chồng bạc đãi như thế nào!...”*

Một ông bạn già cũng đã từng tâm sự với tôi: *“...ông bà Nội các cháu rất đau lòng nhưng biết làm sao được, mỗi người mỗi ý, mỗi tính; cô ấy một mực thương yêu và chăm sóc chồng con từng ly từng tý nhưng nhất định không thích quan tâm đến cha mẹ tôi...Mẹ tôi mất cũng vì uất ức cô ấy!”*

Tất cả cha mẹ đều đau một nỗi đau chung khi nhìn con gái mình - từng đã được hết mực cung chiều - nay phải ngậm đắng nuốt cay, tàn phai nhan sắc, long đong lận đận suốt đời vì gặp phải người chồng thiếu đạo đức.

Bên cạnh đó thì cũng có nhiều bà mẹ buồn bã tâm sự: *“...Tôi không dám đến thăm hay ở lại ăn một bữa cơm với chúng nó, bởi tôi không đủ*

sức chịu đựng khi nhìn thấy con trai tôi bị vợ nó sỉ nhục liên tục, bất kể là có mặt tôi ở đó...”

Trên thực tế cuộc sống, chúng ta đã gặp vô vàn những trường hợp khác nhau về những tình cảm... “bấp bênh” giữa mọi người đối với cha mẹ của người phối ngẫu và ngược lại. Để rồi bao nhiêu niềm vui lẫn nỗi buồn chen trong nước mắt và tiếng cười của cha mẹ theo suốt hành trình cuộc sống của con cái.

3/ Góp nhặt từ cuộc sống quanh ta

- Tôi có anh bạn Việt Nam, lấy vợ Lào. Anh ấy kể cho tôi nghe rằng ở bên Lào, ngày nay một số nơi vẫn còn giữ truyền thống của chế độ “Mẫu Hệ” với một nét đẹp độc đáo là sinh nhật của vợ, người chồng không chỉ mua quà tặng cho vợ mình mà còn tặng quà cho bà mẹ vợ như một sự tri ân về công đức sinh thành dưỡng dục vợ mình ...để cho mình có được người vợ ngày hôm nay.

Truyền thống này của người Lào cũng chỉ là một nét vẽ thật đậm thêm vào bức tranh rất chung, rất bình thường của nhân loại; bởi cho dù người chồng hay người vợ có gốc gác như thế nào đi chăng nữa thì anh ấy, chị ấy cũng đã được sinh ra và nuôi lớn lên với biết bao công lao và tình thương yêu vô bờ bến của những ông cha bà mẹ.

- Nhìn quanh trong gia tộc của mình, tôi đã chứng kiến tận mắt một trong bốn cô con dâu của bà cô ruột, đã tận tâm chăm sóc, com bưng nước rót cho mẹ chồng - dù chị ấy vẫn có công việc làm của riêng mình - Chính chị đã săn sóc bà trọn vẹn cho đến giây phút cuối đời. Và điều đáng cho tôi suy nghĩ hơn cả là chính cô tôi, lúc sinh thời, đã phụng dưỡng cha chồng mù lòa rất nhiều năm trước khi ông mất.

- Bạn tôi, không đoái hoài gì đến cha mẹ chồng suốt hơn 20 năm dài, mặc cho chồng chị ấy đau khổ đến mức nào! Cho đến ngày chị ấy có con dâu, tình cảm giữa chị và cô con dâu ngày càng tệ hại xuất phát từ lòng thương yêu cậu con trai cưng của mình! Cho đến lúc chúng nó chia tay nhau, chị bỗng nhiên trở nên thương yêu, kính trọng và quan tâm chăm sóc cha mẹ chồng mỗi ngày một đậm đà hơn.

- Một cô khác, vốn dĩ rất “gai góc”, đã không tiếc lời xỉ vả cha mẹ chồng khi anh chồng bỏ đi theo nhân tình! Cuộc sống gia đình đổ vỡ, cô ta bắt đầu tìm đến với những sinh hoạt nhà chùa, bắt đầu “*ăn chay năm đất*”... và càng về sau, không ai còn nghe cô ta gay gắt về ông bà nội của các cháu nữa! Bởi cậu con trai duy nhất của cô ta vừa mới cưới vợ. Cô ấy đang bước vào vòng tuần hoàn của “quy luật Nhân-Quả” hay thời gian đã giúp cô ta quên đi hoặc không cần để ý đến chuyện anh chồng bội bạc cùng...dòng tộc nhà anh ta nữa chẳng?!
- Một phụ nữ khác đã tuyên bố giữa đám đông: “...Hắn ở với tao, tao nuôi hắn 40 năm nay trong khi hắn sống với mẹ mẹ hắn chỉ có 20 năm thì thử hỏi bên nào nặng hơn? Tao hay mẹ hắn?...Còn giữa tao với mẹ mẹ hắn, chưa sống với nhau lấy 1 ngày nào cả!...”
- Tôi cũng đã học được những bài học quý báu trong một chuyến hành hương cùng quý Phật tử: anh con rể đã đưa bà mẹ của vợ mình cùng đi và đã săn sóc bà một cách chu đáo trong suốt cuộc hành trình.
- Nhiều năm sau này, trong cộng đồng Việt Nam, có biết bao chàng rể và nàng dâu sống ở nước ngoài đã thường xuyên gửi tiền về để giúp đỡ gia đình chồng hay gia đình vợ mình, để phụng dưỡng cha mẹ của đôi bên như một bổn phận của người làm con, dù là con dâu hay con rể.
- Có biết bao những câu chuyện vui buồn quanh ta về tình cảm giữa cha mẹ chồng, cha mẹ vợ đối với con dâu và con rể. Đó là những chuyện muôn thuở - với đủ màu sắc “Hỷ, Nộ, Ái, Ố” - trong những gia đình Việt Nam mà không biết mai này, khi xã hội ngày càng chuyên hướng theo nếp sống Tây phương thì liệu điều này có còn trong nếp nghĩ của chúng ta hay không?

4/ Tình sâu nghĩa nặng

Tình cảm vốn dĩ xuất phát từ trái tim, không ai có thể xúi dục một người trưởng thành nên yêu người này, ghét người kia, thương người nọ ít ít thôi....Hơn nữa, để có một “*Tình sâu nghĩa nặng*”, chúng ta cũng phải có một gốc gác căn bản là thời gian hay một mối quan hệ huyết thống, một ân tình đặc biệt....

Phải là vợ chồng thủy chung, phải là anh em một nhà, phải là thâm tình gia tộc, phải là tri âm tri kỷ, là bạn bè lâu năm...đã có quan hệ huyết thống, đã từng “*Chia ngọt, xẻ bùi*”, đã từng “*Nằm gai nếm mật*”, đã từng có thời gian sống và giúp đỡ lẫn nhau v.v...thì mới thâm tình mới được nảy sinh và nuôi dưỡng bền lâu. Đó là một thực tế cuộc sống.

Do đó, tình cảm ràng buộc nhất vẫn là tình cảm trong một đơn vị gia đình giữa vợ - chồng, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh - chị - em ruột thịt. Thứ đến mới là tình cảm giữa ông bà và cháu; giữa cô, dì, cậu, chú, bác với các cháu; và bắt đầu nhạt dần khi qua đến tình cảm giữa anh chị em họ...với điều kiện những mối quan hệ này được nuôi dưỡng tốt đẹp trong nhiều năm sống gần nhau! Ngược lại nó cũng sẽ bị phai đi do nhiều điều kiện khách quan và chủ quan.

Nếu chúng ta đồng ý điều này thì trong những mối dây thâm tình kể trên, không có chỗ đứng dành cho...cha mẹ của người phối ngẫu!

Chẳng vậy mà ca dao Việt Nam cũng đã “đóng khung” tư tưởng quen thuộc này như sau:

*“Thương chồng mới khóc mẹ già
Ngẫm tôi với mẹ có bà con chi!”*

5/ “Mua vui cũng được một vài trống canh”

Khi đặt bút viết lên những điều trên, tôi không có ý định đề nghị bất cứ ai hay thực hiện bất cứ điều gì để làm cho mối dây tình cảm giữa chúng ta với cha mẹ người phối ngẫu thêm thắm đượm hơn hoặc cố ý làm hỏng thêm mối tình vốn rất mong manh này!

Tôi không dám đề nghị là chúng ta nên bắt chước anh bạn lấy vợ người Lào, tặng quà cho mẹ vợ hay mẹ chồng trong mỗi sinh nhật của vợ, chồng mình như một cách tri ân công ơn của cha mẹ người phối ngẫu. Càng không dám đem những chuyện nàng dâu, chàng rể đối xử quá...bất ngờ với cha mẹ vợ hoặc chồng để đóng khung thành một biểu tượng cho chúng ta cùng suy nghĩ!

Bởi tôi chưa hề trải qua...mối tình bấp bênh này bao giờ cả!

Và tôi cũng biết rằng, mỗi một gia đình là một hoàn cảnh khác nhau; mỗi cá nhân là một “duyên phận” khác nhau cho dù cá nhân đó đang đứng ở vị trí nào trong mối quan hệ đặc biệt này! Đó là chưa nói đến quan điểm sống, quan điểm đối xử giữa người và người lại còn là vấn đề tinh tế và phức tạp hơn nữa!

Tôi viết trên vị trí của người quan sát và lắng nghe. Chỉ quan sát, lắng nghe và mô tả thuần túy. Quan sát từ chính Mẹ tôi và các nàng dâu của bà, từ những gia đình thân tộc, từ hàng xóm làng giềng, từ tâm sự của bạn bè, người quen; từ thực tế cuộc sống chung quanh để chúng ta cùng nhìn lại một chút về giềng mối tình cảm đối với cha mẹ của người phôi ngẫu và cũng để có thêm một chút vui buồn khi nhìn nhận một sự thật có khả năng bị lãng quên. Đó là người phôi ngẫu của mình cũng đã được cha

mẹ họ sinh ra, nuôi dưỡng, thương yêu... chẳng khác nào cha mẹ mình đã sinh ra, nuôi dưỡng, thương yêu mình vậy!

Dầu gì đi nữa thì bài viết này “*Mua vui cũng được một vài trống canh*” trong Mùa Vu Lan Báo Hiếu năm nay, thời điểm mà tất cả những người làm con, đặc biệt là những người con Phật, đang hướng lòng mình về các đấng sinh thành, cho dù bản thân họ đang ở vị trí nào trong một gia đình Việt Nam.

Cao Thanh Dung

Sydney, mùa Vu Lan 2016



Bóng mát cuộc đời

Sao không phải là Cha mà cứ luôn là Mẹ
 Để nghĩ về trong mỗi dịp Vu Lan?
 Vẫn biết Mẹ hoài thai ta từ trứng nước
 Cha chẳng đã - từng ngày - thấp thỏm ngóng trông?
 Để “Bên ướt mẹ nằm bên ráo con lăn”
 Chẳng phải Cha đã miệt mài lót lá
 Đã nhóm than hồng trong những tối Đông sang!
 Mẹ miệt mài, mềm mỏng, mênh mang sông nước
 Cha bao bọc, bảo ban, bồng bênh bẻ biếc
 Dòng sữa Mẹ ngọt ngào nuôi con lớn
 Vòng tay Cha chở che bao giông bão cuộc đời
 Mẹ, cô giáo của “Công, Dung, Ngôn, Hạnh”
 Cha, người Thầy “Trí, Tín, Nghĩa, Nhân...”
 Mẹ, bát canh chua, nồi cá kho thơm ngát
 Cha, câu lục bát, bài ca dao tự tình dân tộc
 Mẹ, chắt chiu từng ngày nuôi con lớn
 Cha, đại ngàn toan tính cho cả Mẹ và con
 Đừng trách Mẹ vì những lời gay gắt
 Thì cũng đừng giận Cha trở về không đúng bữa cơm chung
 Cha là Cha, là đàn ông ngược xuôi vất vả
 Mẹ là Mẹ, là cô Tiên dịu hiền nhân ái
 Nhà Cha xây nhưng tổ ấm Mẹ làm

Mẹ thương con dạt dào thác đổ

Cha dấu lòng mình trong ánh mắt bao dung

Mẹ cùng Cha đưa con vào lớp học

Cây bút chì, hộp màu tô, chiếc cặp đeo Mẹ sắp

Lời dặn dò, câu thưa gửi, lòng tự tin Cha dạy

Đi bên Cha, con rạng ngời kiêu hãnh

Bóng mát cuộc đời chùng toả rộng quanh con

Ngôi cạnh mẹ, mùa Xuân đang dừng lại

Nghe sông xuôi đổ về tắm mát cả đời con...

Ngày tháng tàn phai cho con thay màu tóc

Tay mẹ run run vuốt từng sợi thời gian!

Cha chẳng còn để ngắm con và Mẹ

Nhưng trong con Cha vẫn còn nguyên vẹn

Dáng dấp, nụ cười, lời dạy ngập yêu thương

Dù đời con không trọn như Cha thường mong ước

Nhưng vốn sống con mang là nhân cách của Mẹ Cha

Là nhường nhịn, xẻ chia, thương yêu, đùm bọc

Là trải tác lòng trên cung bậc của Từ Tâm.

Dung Cao



Những Niềm Vui



Vui là niềm an lạc hạnh phúc mà ai cũng muốn. Tuy nhiên, về tính chất của niềm vui tùy theo trình độ nhận thức của mỗi người mà có khác. Người biết chút ít tu hành, niềm vui đối với họ rất nhẹ nhàng an thoát và tế nhị. Có thể nói, khác hơn niềm vui của những người không biết tu. Bởi người biết tu là người luôn sống có ý thức. Khi họ nói hoặc làm điều gì đều có mặt trời ý thức soi sáng. Do đó, nên họ ít khi bị sai lầm đau khổ. Hành động hoặc ngôn từ của họ nhằm mang lại sự an vui cho mọi người. Họ có một đời sống nội tâm phong phú. Họ khéo biết cân nhắc thận trọng trong khi giao tiếp. Họ khéo biết thực tập cho mình có được chánh niệm, chánh quán trong mọi hoàn cảnh. Trong khi giao tiếp xử sự, họ không làm cho người khác phải đau khổ vì họ. Khi làm một việc gì mà mang lại cho người khác niềm vui thì chính họ cũng vui theo. Người vui, mình vui thì đó quả là một hạnh phúc rất lớn. Tuy nhiên, khi bộc lộ niềm vui tùy theo tâm trạng, hoàn cảnh, đối tượng, tình cảm, thân thiết, mà nó có những biểu lộ tâm cảm trạng hướng khác nhau. Có khi niềm vui được biểu hiện bên ngoài mà ai cũng có thể thấy biết được. Đó là niềm vui mà ta có thể đánh giá cho đó là niềm vui được biểu hiện toàn diện. Cũng có những niềm vui sâu kín trong lòng không biểu lộ hiện tượng bên ngoài. Đó có thể là những niềm vui do công phu thiền định mà có. Dĩ nhiên, niềm vui do công phu thiền định thì nó cũng có nhiều tính chất đẳng cấp khác nhau. Tùy theo những loại thiền cao thấp mà hành giả thực hành. Tu nhân thiền nào thì nó sẽ có cái kết quả của loại thiền đó.

Trong đạo Phật cũng có nhiều loại thiền. Thiền phàm phu phải trải qua thứ tự từ "Sơ thiền" cho đến "Tứ thiền" và rồi hành giả sẽ tiến lên thiền "Tứ không định". Đến Thiền Nguyên Thủy (hay còn gọi là Thiền Tiểu thừa), Thiền Đại thừa và Thiền tông v.v... Mỗi loại thiền đều có những niềm vui an lạc sâu cạn thô tế khác nhau. Những niềm vui do công phu thiền

định mà có, tất nhiên là khác hơn những niềm vui thô trọng của người đời. Niềm vui của người đời thường biểu lộ hiện tượng bên ngoài hơn là tế nhị bên trong. Họ có thể vui nhộn nhịp trong một khung cảnh hợp mắt nào đó. Như là những nơi hý trường hoặc những nơi bày biện tiệc tùng vui chơi thỏa thích v.v... Bản chất của những thú vui chơi này chỉ là cửa ngõ mở đường cho đau khổ hệ lụy mà thôi. Có thể vui trong chốc lát mà khổ sâu ngàn năm. Đây là những thú vui theo hưởng hưởng thụ dục lạc sa đọa và rồi phải chịu trầm mình trong đau khổ.

Trong bài viết này, chúng tôi không có ý phân tích đi sâu vào những niềm vui an lạc trong các loại thiền định của Phật giáo. Cũng như chúng tôi không có đề cập luận bàn đến những niềm vui lạc thú ở đời. Mà ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến những niềm vui trong đạo pháp qua những câu Pháp Cú mà Đức Phật đã dạy. Và qua đó, chúng tôi chỉ xin được lạm bàn đôi nét theo sự nhận xét hiểu biết thô thiển của chúng tôi. Trong Kinh Pháp Cú ở "Phẩm Voi" (Nagavaggo), Đức Phật có dạy những câu sau đây:

"Gặp bạn xa lâu ngày là vui, sung túc phải lúc là vui, mệnh chung có được thiện nghiệp là vui, lìa hết thống khổ là vui".

"Được kính dưỡng mẹ hiền là vui, kính dưỡng thân phụ là vui, kính dưỡng Sa môn là vui, kính dưỡng thánh nhơn là vui".

"Già vẫn giữ giới là vui, thành tựu chánh tín là vui, đầy đủ trí huệ là vui, không làm điều ác là vui".

Đó là những Pháp Cú mà Đức Phật đã dạy cho các ma vương khi Ngài còn ẩn tu trong núi Tuyết thuộc vùng Hy mã Lạp sơn.

Theo truyện tích kể lại: " Khi đức Bồ tát còn ở trong thời kỳ tu ẩn dật ở trong dãy núi Tuyết (Himalaya), chế độ cai trị của các quốc vương khắc nghiệt. Và đức Thế Tôn trông thấy dân chúng bị nhiều hình phạt độc ác, Ngài động lòng thương xót. Ngài tự nhủ: Tại sao không thực hành một chế độ công bình chính trực, không có giết chóc, chinh phạt đau khổ.

Khi ấy ma vương bắt gặp tư tưởng trên thoáng qua trong đầu đức Phật, hấn nghĩ: Sa môn Cồ Đàm vừa nghĩ đến việc cai trị. Có lẽ bây giờ ông ấy muốn làm vua, đó là một dịp cho ông ấy tán tâm. Nếu ông ấy ra nắm quyền cai trị ta có thể cám dỗ ông ấy. Ta có thể đến gọi lòng tham ông ấy.

Ma vương đến chỗ Phật và bảo:

Thưa Ngài, hãy để đức Thế Tôn cai trị, hãy để bậc Tối Thắng cai trị, sẽ không có giết chóc, chinh phạt và khổ đau, mà chỉ có công bằng và chánh trực.

- Này ma vương! ông thấy ta thế nào mà nói như vậy?

- Thưa Ngài, một vị Phật có thể thi triển bốn phép mầu. Chỉ cần Ngài ra lệnh: ngọn núi Himalaya hãy biến thành vàng, lập tức nó sẽ biến thành vàng. Tôi cũng sẽ lấy tài lực này để thực hiện tất cả những việc có thể thực hiện bằng tài lực. Như thế, Ngài sẽ cai trị công bằng chánh trực. Phật bảo:

Lòng tham người không thỏa

Dù có núi tử kim

Biết vậy, người khôn tìm

Đường thẳng ngay tiến bước

Người đã sớm về trước

Người nhân của khổ đau

Đâu có thể nào giao

Đời mình cho lạc thú?

Hãy để người đã thấu

Nhân sanh tử luân hồi

Tự tu tập điều phục

"Lưới ái" buộc bao đời

Phật cảnh cáo ma vương

- Này ma vương, Ta khuyên ông một lần nữa,

Ta không giống ông. Đó là điều Ta muốn nói".

(Trích nguyên văn Tích Truyện Pháp Cú tập III, Viên Chiếu, trang 210)

Xin được lặp lại Pháp Cú đầu: Phật dạy:

" *Gặp bạn xa lâu ngày là vui, sung túc phải lúc là vui, mệnh chung có được thiện nghiệp là*

vui, lia hết thống khổ là vui".

Gặp bạn lâu ngày là vui: Đây là tâm lý rất thường tình. Nếu là người bạn chí thân, chí cốt của ta, tức là bạn đồng hành đã vào sanh ra tử với ta, khi xa vắng nhau lâu ngày, nay tình cờ bỗng nhiên gặp lại nhau, thì quả thật cả hai đều vui mừng không thể nào tả xiết. Điều này là một chứng nghiệm thực tế.

Đó là luận theo nghĩa thường tình trong cách đối nhân xử thế. Nếu luận về nghĩa lý thâm sâu hơn, thì chữ bạn mà Phật nói ở đây, đó là người bạn không tên tuổi. Người "Bạn" mà không làm bạn với muôn pháp. Đây là người bạn mà ông Bàn Long Uẩn đã hỏi đức Mã Tổ: "Người không cùng muôn pháp làm bạn là người gì"? Đức Mã Tổ bảo: "Khi nào ông uống một hớp mà hết nước sông Giang tây, thì ta sẽ nói cho ông nghe". Người mà ông Bàn đã hỏi, không nằm trong bình diện là người thường nữa. Mà là một Người không tên tuổi, họ hàng, siêu xuất thế gian, nhưng thực tế cũng không có gì là siêu xuất cả. Đối với người "Bạn" này, ta đã cách biệt quá lâu đời, từ vô lượng kiếp đến nay. Hôm nay, bỗng dung gặp lại (tức nhận ra tánh giác hay bản tâm của mình, nhà Thiền gọi là kiến tánh) như thế thì thử hỏi còn có niềm vui nào có thể so sánh đây? Đó mới thật là niềm vui tuyệt vời không lời diễn tả.

Sung túc phải lúc là vui: Sung túc là dồi dào đầy đủ. Sung túc phải lúc là như thế nào? Sung túc nói ở đây, chúng ta có thể hiểu hai nghĩa: vật chất và tinh thần. Sung túc về vật chất, nếu sự sung túc đó chính do bàn tay ta tạo dựng nên, bằng tất cả tâm huyết mồ hôi nước mắt, tạo dựng sự nghiệp chánh đáng lương thiện (chánh nghiệp) để nuôi sống (chánh mạng), thì Phật nói đó là sung túc phải lúc. Ngược lại, xây dựng sự nghiệp bằng cách vơ vét bóc lột xương máu của kẻ khác cho mình được giàu sang, thì đó không phải là sung túc phải lúc. Mà sự sung túc đó là vô lương tâm, bất nhân, bất nghĩa, phi pháp. Vơ vét của người làm của mình, đó là kẻ chuyên hút máu người để sống. Sống như thế thật không hơn loài muỗi mòng. Sung túc về tinh thần, đây mới là sự sung túc đáng kể. Vì sung túc phần vật chất, chỉ là tạm bợ, vô thường, nay có, mai không, thay đổi bất thường. Còn sung túc phần tinh thần, tức là đời

dào phần giới hạnh đạo đức. Sung túc tinh thần là do người ta khéo biết xây dựng đời mình trên căn bản Đạo Đức thanh cao. Nhờ có Đạo Đức tinh người thanh cao viên mãn đó, nên tâm hồn của họ lúc nào cũng an vui, thanh thoát nhẹ nhàng thoải mái, không có gì ràng buộc họ. Đó là tinh thần giải thoát. Thứ sung túc Đạo Đức chân thật này, mới thật sự là bền bỉ lâu dài, xài hoài không hết. Đây mới thật sự là chơn hạnh phúc vậy.

Mệnh chung có được thiện nghiệp là vui: Thiện nghiệp là nghiệp lành. Có hai thứ nghiệp căn bản mà ta cần chú ý: Đó là thiện nghiệp và ác nghiệp. Nhờ tích lũy nghiệp lành trong đời sống hằng ngày, nên khi mạng chung, ta không còn lo âu sợ hãi. Vì ta biết chắc là ta sẽ đi theo thói quen lành mà ta đã gây tạo. Khi nhắm mắt đi theo hướng lành để thọ quả báo vui. Nếu khi sắp chết, ta có được một trợ duyên tốt, có bạn hiền nhắc nhở trợ niệm, khi đó, ta khởi niệm lành trong lúc tắt thở, thì chắc chắn là ta thác sanh vào cảnh giới an lành. Đó là cận tử nghiệp, tức thói quen niệm lành lúc gần chết. Ngược lại, thì là nghiệp báo khổ.

Lìa hết thống khổ là vui: Điều vui này rất là cụ thể rõ ràng. Không cần phải lý luận dài dòng. Hết khổ là vui đó là điều thực tế nhất. Nhưng Phật nói hết khổ ở đây, ta phải hiểu rõ nguồn gốc của nó. Cái gì gây ra cho ta phải chịu khổ? Khổ tuy rất nhiều, nói không thể hết, nhưng tóm lại, Phật nói chỉ có ba khổ và tám khổ. Ba khổ gồm có: Khổ khổ, hành khổ và hoại khổ. Tám khổ gồm có: Sanh, già, bệnh, chết, thương yêu nhau mà phải xa lìa, mong cầu mà không được toại ý, oán ghét gặp nhau, năm ám sung mãn lưng lầy. Đó là tám nỗi thống khổ lớn của con người. Sở dĩ có những nỗi thống khổ lớn này, tất cả đều do vô minh phiền não gây ra. Đó là tập nhân phiền não. Muốn dứt khổ thì phải diệt trừ hết vô minh phiền não. Khi tập nhân phiền não không còn, thì mọi quả khổ đau ngang đó chấm dứt. Đó là Niết bàn an lạc. Đây mới là cái vui cùng tột vậy. Nhưng điều quan trọng là làm sao mới diệt hết vô minh phiền não? Đây là cả một vấn đề khó khăn, mà bất cứ hành giả nào cũng phải nhắm tới.

Đến Pháp Cú kệ Phật dạy:

"Được kính dưỡng mẹ hiền là vui, kính dưỡng

thân phụ là vui, kính dưỡng Sa môn là vui, kính dưỡng thánh nhơn là vui".

Được kính dưỡng mẹ hiền là vui: Đây là niềm vui lớn nhất trong cuộc đời của những ai còn mẹ để phụng dưỡng. Vì mẹ là cả một bầu trời thương yêu dịu ngọt. Công lao của mẹ thật không sao kể xiết. Tình thương của mẹ đã dành hết cho con. Con là núm ruột của mẹ. Người ta thường nói còn mẹ là còn tất cả, mất mẹ là mất tất cả. Thế mà, ở đời có những con, khi mẹ còn sống lại đối xử với mẹ mình một cách tàn nhẫn tệ bạc. Họ tính với mẹ từng đồng, từng cắc, không mề một đồng xu. Trong khi đó, họ quên công ơn sanh thành giáo dưỡng của mẹ như trời cao bể rộng. Đúng là tình mẹ bao la như bể đại dương. Chính vì sự tính toán đó, nên ca dao Việt Nam mới có câu:
*Mẹ nuôi con như biển hồ lai láng
Con nuôi mẹ tính thán tính ngày*

Khi mẹ còn thì đối xử với mẹ tệ bạc như thế, đến khi mẹ mất thì họ lại ăn năn hối tiếc. Sự ăn năn hối tiếc đã quá muộn màng. Chi bằng khi mẹ còn sống ta hết lòng chăm nom phụng dưỡng. Được thế, thì dầu cho sau này mẹ có mất đi, thì ta cũng đã mãn nguyện, không có gì phải hối tiếc khó chịu trong lòng.

Kính dưỡng thân phụ là vui: Đây là niềm vui khi được phụng dưỡng người cha. Cha với mẹ cả hai đều có công lao giáo dưỡng con cái rất lớn. Vậy bần phận làm con, chúng ta phải lo đền đáp báo ân cho cha mẹ. Lòng tri ân và báo ân là nghĩa cử cao đẹp tối cần thiết của đạo làm người. Mất đi yếu tính này, thì đạo làm người đã mất. Nói cách khác, là ta không còn ý nghĩa của một con người nữa. Ta nên lưu ý điều này, khi chăm sóc lo lắng phụng dưỡng cho cha mẹ, ta cần phải biểu lộ có thái độ cung kính. Nếu thiếu sự cung kính, thì dù cho ta có dâng lên bao thứ vật phẩm có giá trị cao, cũng không thể nào làm cho cha mẹ vui lòng được. Cho nên, sự phụng dưỡng không phải chỉ biểu lộ bằng vật chất không thôi, mà cần phải biểu lộ bằng tinh thần. Tinh thần, đó là sự cung kính yêu thương bằng tất cả tấm lòng. Khi cha mẹ vui, thì chính ta mới có được niềm vui rất lớn. Nên Phật nói : "Kính dưỡng thân phụ là vui".

Kính dưỡng Sa môn là vui: Sa môn là những vị xuất gia đã thọ Đại giới (giới luật của thầy

Tỳ kheo 250 giới). Những vị chân chánh tu hành có giới đức cao, ta phải hết lòng kính trọng. Được duyên lành cúng dường cho các Ngài, đó là điều diễm phúc rất lớn. Sự cúng dường này, ta phải biểu lộ bằng tất cả tâm thành. Ta nên nhớ, cúng dường phải được biểu lộ cả hai: vật chất và tinh thần. Vật chất là tùy khả năng chúng ta có nhiều hay ít không thành vấn đề. Nhưng điều quan trọng là chúng ta phải biểu lộ lòng thành cung kính. Chính sự cung kính này, mới là căn bản của sự cúng dường. Vì có cung kính, thì cả hai: "người nhận và người cúng thí" mới được lợi lạc. Lợi lạc là chúng ta được tăng trưởng phước đức. Nếu cúng dường bằng thái độ thiếu cung kính, thì chẳng những ta không được phước đức mà còn mang thêm cái trọng tội là công cao ngã mạn khinh người. Như vậy, thì làm sao ta có được niềm vui? Muốn có được niềm vui trọn vẹn, thì ta nên vâng theo lời Phật dạy, phải thành tâm cung kính cúng dường các bậc Sa môn chân chánh tu hành.

Kính dưỡng Thánh nhơn là vui: Thánh nhơn là những vị tu hành đã dứt hết cội gốc phiền não. Thánh nhơn cũng có nhiều bậc cao thấp khác nhau. Như Phật là bậc Thánh nhơn cao tột trong các bậc Thánh. Thấp hơn là các vị Bồ tát hoặc A la hán trở xuống. Trong tứ quả Thanh văn của hàng tiểu thừa, đều gọi chung là Thánh nhơn. Tức tứ quả vị Tu đà hoàn trở lên. Sự khác biệt này là căn cứ trên vấn đề diệt trừ phiền não, lậu hoặc, vô minh, nhiều ít. Kinh nói, hành giả diệt một phần vô minh là chứng được một phần pháp thân. Đối với các bậc này, mà ta thành tâm cúng dường, tất nhiên chúng ta sẽ được phước báo rất lớn. Cho nên, Phật nói: "Kính dưỡng Thánh nhơn là vui".

Pháp Cú tiếp theo Phật dạy:

"Già vẫn giữ giới là vui, thành tựu chánh tín là vui, đầy đủ trí tuệ là vui, không làm điều ác là vui".

Già vẫn giữ giới là vui: Người già thường là kém minh mẫn, trí nhớ lảm cẩm, hay lẫn lộn. Nhưng đối với những giới luật đã thọ, mà vẫn gìn giữ đúng pháp, thì quả đó là niềm vui. Niềm vui là vì mình vẫn còn tâm trí sáng suốt, khéo biết phân biệt tà giới và chánh giới. Có nhiều người, khi còn trẻ mạnh khỏe thì giữ

giới rất nghiêm minh, nhưng đến khi già, thì lại hay sanh tật phá trai phạm giới. Có đôi khi lại còn trở đũa ngã mận. Cho rằng, vì già yếu cần phải bổ dưỡng.

Xưa kia, ăn trường chay, nay lại ăn chay kỳ, thậm chí có người không còn giữ ăn chay ngày nào nữa cả. Họ còn lý luận nguy biện là xưa kia, Phật có ăn chay lạt ngày nào đâu mà Ngài vẫn thành Phật. Thật là tội lỗi! Họ quên rằng, Phật thì không còn vô minh phiền não. Ngài ăn không có phân biệt ngon hay dở, ăn chỉ cốt để có sức khỏe mà làm lợi ích cho chúng sinh. Ngược lại, chúng ta còn là phàm phu vô minh phiền não đầy đầy, ăn thì còn chê khen ngon dở, rồi sanh tâm đắm nhiễm, khởi phiền não ghét thương, để rồi tạo nghiệp thọ khổ. Thế mà dám so sánh ngang hàng với Phật được ư? Quả thật họ là hạng người điếc không sợ súng, không sợ đọa địa ngục. Đó là gì? là do họ quá coi trọng xác thân mà phải phá trai phạm giới đã thọ. Đó là một sự thật, không thể biện minh chối cãi. Có thể họ vui với vật chất, vui trong đau khổ, chớ không phải cái vui của người tu hành lạc đạo, pháp hỷ sung mãn ở nơi tâm hồn.

Thành tựu chánh tín là vui: Chánh tín là ngược lại với tà tín. Tà tín thì không tin Tam bảo, nhân quả nghiệp báo. Đã thế, tất nhiên, là họ dễ sa đọa. Ngược lại, người có lòng tin chân chánh đúng hướng nhân quả, thì họ không gây tạo ác nghiệp. Không gây tạo ác nghiệp, thì họ không sa đọa vào tam đồ ác đạo. Nghĩa là họ không đi vào con đường đau khổ. Chẳng những họ không tạo ác nghiệp, mà họ còn biết gây tạo nghiệp lành. Khi tạo nghiệp lành ở nơi ba nghiệp (thân, khẩu, ý) tất nhiên hiện đời họ không gặp quả khổ, mà tương lai họ cũng hưởng được hưởng những quả lành. Thế thì, có niềm vui nào bằng! Sở dĩ họ được an hưởng niềm vui đó, là do họ có niềm tin chân chánh vào Tam bảo và lý nhân quả. Tất nhiên họ đã thành tựu trọn vẹn được niềm tin chân chánh vậy.

Đầy đủ trí tuệ là vui: Người tu học Phật, nếu thiếu trí tuệ, thì khó có thể thành công trong sự tu hành. Trí tuệ là sự nghiệp quan trọng vĩ đại của người tu. Nhờ có trí tuệ, mới phân biệt được lẽ chánh tà chân ngụy. Nếu không có trí tuệ, thì sự tu hành giống như kẻ mù lòa đi

trong đêm tối. Đã thế, tất nhiên khó tránh khỏi rơi hầm sụp hố tà kiến. Hầm và hố sâu tội lỗi đang chờ đón họ. Người có trí tuệ giống như kẻ có con mắt tinh sáng. Nhìn xa thấy rộng và tránh khỏi nạn sa hầm sụp hố, tức tránh được những tội lỗi sai lầm. Tuy nhiên, muốn có trí tuệ ta cần phải gắng công nỗ lực chuyên cần tu tập trao dồi Tam huệ học. Và phải có công phu thiền định bền vững sâu dày. Nhờ đó, mà trí tuệ mới có thể phát sanh. Khi trang bị cho mình có đầy đủ trí tuệ rồi, thì chắc chắn sẽ đưa hành giả mau đến bến bờ giải thoát an vui. Như thế, thì thử hỏi có niềm vui nào sánh bằng. Nên Phật nói: "Đầy đủ trí tuệ là vui".

Không làm điều ác là vui: Người nào đã gây tạo nghiệp ác, chắc chắn lòng họ khó có được giây phút an vui. Vì sao? Vì khi gây tạo điều ác, lòng họ luôn bồn chồn bứt rứt không an. Họ nơm nớp phập phồng lo sợ đủ thứ. Thí như kẻ đã ra tay giết người, thử hỏi lòng họ sẽ như thế nào? Có thể họ sẽ thỏa mãn lòng sân hận nhứt thời trong khi họ ra tay hành hung hạ sát đối phương, nhưng sau đó, họ phải lãnh lấy cái quả báo thâm trọng. Cõi lòng họ buồn khổ âm đạm như bãi tha ma. Họ không có được giây phút nào an ổn. Pháp luật sẽ không dung tha họ. Họ phải bị luật pháp trừng trị thích đáng về cái nhân ác mà họ đã gây. Và hình ảnh giết người kia, nó luôn luôn ám ảnh bám sát theo họ. Hình ảnh đó là một ấn tượng sâu đậm nó đã ăn sâu vào tâm thức của họ. Thế là, họ sẽ đối diện trong nỗi đau khổ cô đơn cùng cực, tuyệt vọng trong bốn bức tường đen tối mà họ đã bị giam cầm. Chưa nói đến sự hành hạ đánh đập của những kẻ tù nhân khác. Đó là một ngục tù hành hạ họ cả thể xác lẫn tinh thần. Một sự đau khổ cùng cực, mất ăn, mất ngủ, ngồi đứng không yên. Nhất là mỗi khi họ nhớ lại hình ảnh hung bạo giết chết mạng người rùng rợn khiếp đảm đó. Hình ảnh đó là một kẻ thù luôn bám sát tâm hồn họ. Đó là chưa nói đến sự báo oán trả thù sau này. Cho nên người nào muốn được hiện đời và đời sau an vui, thì Phật dạy, không nên gây tạo điều ác.

Qua câu chuyện trích dẫn trên, có một vài đặc điểm, thiết nghĩ, chúng ta cũng cần nên lưu ý:

Điểm thứ nhứt, khi Đức Phật khởi nghĩ, ma vương thấy rõ điều Phật suy nghĩ. Đối với các loài quỷ thần, chúng nhìn thấy rõ tư tưởng của

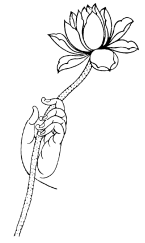
ta. Khi chúng ta nghĩ tưởng điều lành, điều dữ, điều xấu, điều tốt, chúng nhìn thấy một cách rõ ràng. Vì thế, nên người đời thường nói, không thể qua mắt quỷ thần là vậy. Minh có thể che giấu việc làm tội lỗi phi pháp của mình với người đời, nhưng làm sao có thể che giấu với quỷ thần? Quỷ thần còn không che giấu được, nói chi đến chư Phật, Bồ tát. Tại sao chúng thấy rõ như vậy? là vì khi chúng ta khởi niệm dấy nghĩ là nó có hình bóng đối tượng của cái khởi nghĩ. Như chúng ta khởi nghĩ cái nhà, thì hình ảnh của cái nhà liền in trên tâm thức ta. Còn nếu ta không khởi nghĩ bất cứ điều gì hết, thì quỷ thần không tài nào thấy được. Đó là đến chỗ bất hết dấu vết. Người tu hành mà tâm được an định như thế, thì chắc chắn sẽ được giải thoát.

Điểm thứ hai, ma vương căm dỗ khuyến dụ khi chúng ta khởi nghĩ điều ác. Đó là cơ hội tốt nhứt để ma vương dẫn dắt xúi giục chúng ta hành động sai trái. Do đó, tốt nhứt là khi khởi nghĩ, chúng ta không nên nghĩ điều xấu ác. Mà có lỡ khởi nghĩ, thì chúng ta phải mạnh dạn cắt đứt ngay, đừng để hờ cho ma vương lợi dụng xúi giục. Đó là ta có chánh niệm. Khi chúng ta đã nghe theo mệnh lệnh của chúng xúi giục sai khiến rồi, liền đó chúng ta thể hiện ra hành động ở nơi ba nghiệp sai lầm, thì đó là một tai hại rất lớn. Thế nên, chúng ta cần phải cẩn trọng đề dặt đề phòng.

Điểm thứ ba, chúng ta hằng phải có chánh kiến, chánh niệm. Có chánh niệm, tất nhiên, chúng ta sẽ nhận rõ những ý niệm sai quấy, tội lỗi. Nhất là ý niệm tham lam theo danh lợi. Mà đầu mối của nó là vô minh. Chúng ta cương quyết không làm nô lệ cho vô minh lộng hành sai sử. Muốn thế, thì chúng ta cần phải có trí huệ. Có trí huệ mới có thể chiếu phá vô minh được. Vô minh phiền não không dấy khởi, thì ngay đó là chúng ta sẽ được giải thoát mọi khổ đau trói buộc vậy.

Tịnh Đức

Hãy ứng dụng bí pháp trong Kinh Pháp Hoa vào đời



PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

(tiếp theo)

Rốt ráo như vậy: Khi tin tưởng tuyệt đối vào Phật thừa, liễu ngộ Phật thừa, tu luyện chứng đắc Phật thừa, tất cả khởi tu các pháp như thật tướng, thật tánh ... rốt ráo thấy đều như thật. Nói thì như vậy nhưng chứng đắc đến rốt ráo thành Phật thì phải trải qua nhiều giai đoạn cam go. Vì vậy, người tu theo kinh Pháp Hoa chớ nên phân biệt không gian và chớ cố chấp thời gian thì mới đạt đến chỗ rốt ráo như thật. Do đó, muốn tu đến rốt ráo pháp như thật bắt buộc phải khởi tu pháp Lục độ Ba la mật: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ. Khi hiểu được mười như vậy rồi thì cần phải biết, trí rồi cần phải tri, tri rồi cần phải chứng, đắc đến chỗ rốt ráo thành Phật và bây giờ mới gọi là rốt ráo như thị. Mỗi pháp như vậy có ý nghĩa riêng của pháp ấy. Nhưng rời ra từng pháp một không có giá trị. Pháp này quyện với pháp kia. Tướng, tánh... phải quyện với nhau, vì các pháp vốn đồng một pháp. Khi đạt đến tột cùng thì các danh từ tướng, tánh cũng không còn nữa vậy.

2. Ba lần thừa thỉnh:

Bí pháp ở đây dạy ta muốn làm việc gì cũng phải làm ba lần, nói cũng ba lần và uống nước cũng ba lần. Lần thứ nhất phát sóng và tu nhiếp tiền ngũ căn: Nhân, nhĩ, tỉ, thiệt, thân. Lần thứ nhì phát sóng và tu nhiếp ở giác quan thứ sáu là ý. Lần thứ ba phát sóng là tu nhiếp ở Mạc na và A lại da (Tiềm thức) của con người. Ở đây còn cho thấy ngoài tâm lý còn liên quan đến vật lý khoa học thực dụng, nói rộng không gian và thời gian về phát sóng và tu nhiếp tổng cộng có sáu chiều. Muốn thành công việc gì cần phải áp dụng quy tắc này, xưa Khổng Minh đọi Lưu Bị đến ba lần thỉnh cầu mới nhận lời. Ba lần thừa thỉnh đã ảnh hưởng đến tập tục dân gian về hôn nhân như lễ giạm hỏi, lễ hỏi và lễ cưới.

Qui tắc ba lần thừa thỉnh là cách thực nghiệm tánh nhẫn nại. Vào đời đầu có bản lãnh nhưng thiếu nhẫn nại e khó thành công. Về mặt giao tiếp hằng ngày dù có bản lãnh giỏi nhưng nhẫn nại dở thì nhất định sẽ thất bại. Ngoài ra, qui tắc ba lần thừa thỉnh còn áp dụng cho hai chiều bên cung cũng như bên cầu và trong nhà Phật ba lần từ chối và ba lần thừa thỉnh là phương pháp nghe pháp được chánh niệm.

3. Không nên bỏ cuộc:

Khi đức Phật nhận lời thừa thỉnh của tôn giả Xá Lợi Phất thì có năm ngàn người: Tăng, ni và Phật tử đứng dậy lễ Phật rồi pháp hội. Đức Phật gọi họ là những gã thượng mạn và tự họ đi vào chỗ bé tắc. Bởi vì:

- Họ tự cho mình giỏi nên không cần ở lại nghe nữa.
- Họ tự cho mình đã chứng đắc pháp giải thoát.
- Bản chất bỏ cuộc đã có hạt giống nảy mầm từ vô lượng kiếp nơi mọi người.

Đây là nghiệp chướng nảy mầm thành cây tăng thượng mạn, cho nên chẳng có gì là ngạc nhiên và nên xem đây là việc dĩ nhiên. Những tăng thượng mạn này trước khi rời pháp hội đã lễ Phật nên không phải là kẻ ngã mạn tự cao mà họ không đủ sức để nghe kinh Pháp Hoa nên gọi họ là trấu lép. Những trấu lép này không phải bỏ đi vĩnh viễn mà lại trở thành phân đất để cây lúa khác đến mọc nơi đó rồi cũng trở thành hạt lúa chắc, nghĩa là họ bỏ cuộc ra đi từ đạo tràng này nhưng chắc chắn họ sẽ đến đạo tràng khác lại gặp các đức Phật khi đủ duyên cuối cùng rồi họ cũng thành Phật. Bởi vì họ đang là thánh nên không bị đọa nơi tam đồ.

Đức Phật là bậc thầy đại trí tuệ lúc còn tại thế mà vẫn có trường hợp năm ngàn học trò bỏ pháp hội ra đi thì ngày nay việc đệ tử bỏ chùa, phản thầy âu cũng là lẽ dĩ nhiên mà thôi. Sở dĩ

như vậy là vì nghiệp chướng của họ sâu nặng, tánh tình cao ngạo tự cho mình giỏi hơn thầy, lòng tham vô cùng tận, dù được thầy nuôi dưỡng bảo bọc ưu đãi họ cũng không vừa ý. Một khi họ phạm lỗi bị thầy quở phạt thì lại giận hờn, bất mãn tìm đủ cách nói xấu thầy, rời chùa. Tuy nhiên bọn này dù sao cũng đỡ hơn những kẻ làm ký sanh trùng ở lại trong tông môn, chờ thầy chết để bán tài sản chùa và cuối cùng bán chùa, kể cả bán lương tâm con người làm hoen ố đạo Phật.

Hơn nữa việc nuôi dạy đệ tử cũng giống như người làm vườn săn sóc bông xoài, tuy số rụng thì nhiều nhưng vẫn còn có quả tồn tại đến lúc chín vậy.

Ngoài ra, chúng ta sinh ra lớn lên rồi cũng bỏ cuộc. Sự bỏ cuộc ra đi bao giờ cũng làm cho người thân ở lại đau lòng, buồn khổ, nhưng nếu hiểu được thật tướng của các pháp nơi phẩm kinh này thì không có gì phải sầu thảm. Bởi vì chúng ta bỏ cuộc ở đoạn đường này nghỉ ngơi rồi sẽ tiếp tục đoạn đường kế tiếp cho đến đích mới thôi. Vì vậy, có người còn ở trong bụng mẹ đã bỏ cuộc do không chịu nổi cái u tối ngộp thở, có người mới sanh được vài tháng hoặc vài năm cũng tuột tự bỏ cuộc, có người sống đến già như ông Bành Tổ tám trăm tuổi rồi cũng bỏ cuộc. Ngay các giáo chủ và các nhà bác học rồi cũng bỏ cuộc. Đức Phật dạy chúng ta không nên bỏ cuộc mà cứ tiếp tục đi đến đích thành Phật: “Trên đường hành đạo đến kiến đạo tuệ giác, giải thoát dù có phải ngã quy hiểm nguy đến lần thứ một trăm, các con phải kiên tâm trì chí mạnh dạn đứng lên như lần đầu, rồi chậm mau gì các con cũng sẽ đến đích.”

4. Tinh thần bình đẳng

Đạo tràng giờ đây thuần nhất, chỉ toàn những hạt lúa chắc cho nên đức Phật hoan hỷ đem Phật thừa ra chỉ dạy và nói rõ nhân duyên Ngài ra đời là để:

- Dạy bảo chúng sanh mở tri kiến Phật.
- Chỉ bày chúng sanh thấy tri kiến Phật.
- Khiến cho chúng sanh nhận ra tri kiến Phật.
- Hướng dẫn chúng sanh nhập tri kiến Phật và chứng đắc, đồng thời giáo hoá hàng

Bồ tát tu hành sẽ thành Phật. Ngài ví kinh Pháp Hoa rất quý như hoa Ưu Đàm mấy ngàn năm mới nở một lần và ít có người gặp được. Ngài còn xác quyết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều sẽ thành Phật. Vì vậy, mọi người đều bình đẳng như nhau, không có giai cấp trong giọt nước mắt cùng mặn và trong giọt máu cùng đỏ. Nhưng trước khi thành Phật phải trải qua quá trình làm chúng sanh, tu hành rồi lần lần tiến vào cửa Bồ tát và đi từ sơ địa đến thập địa, rồi đẳng giác và cuối cùng là diệu giác thành Phật. Con đường thành Phật còn xa, nhưng nếu biết ứng dụng bốn nguyên tắc: Khai, Thi, Ngộ, Nhập trong phẩm này thì chẳng khó khăn gì cả. Như một ngôi nhà, chủ nhà phải mở cửa, vào nhà mới thấy trong nhà có của báu. Khi thấy được báu vật trong nhà rồi lúc bấy giờ mới hiểu chính ngôi nhà mình có vật báu, rồi mới sử dụng của báu đó. Từ đó chủ nhà không còn nghèo khổ nữa.

Như vậy, muốn khai mở cái tâm trí u tối lâu đời thì mình phải tin mình có sẵn Phật tánh và mọi loài như cây cỏ cũng đều có Phật tánh như mình. Một khi đập vỡ được tấm cửa vô minh và tập khí lâu đời thì sẽ thấy, nhận ra, nhập vào Phật tánh rồi chứng đắc, như loài thảo mộc trong vũ trụ theo luật sinh tồn qua bốn thời kỳ: Thời kỳ trở hoa, thời kỳ kết nụ, thời kỳ trưởng thành và thời kỳ chín muồi và cuối cùng thu hoạch. Chúng ta phải dùng bốn nguyên tắc trên để dạy con cháu chúng ta và thế hệ mai sau. Chúng ta phải khai mở tâm trí cho chúng được sáng ra và chỉ dạy cho chúng biết cách lèo lái một con đò từ bên này sang bờ bên kia, theo lượn sóng để đến đúng bên. Đó là tùy duyên theo lượn nước chảy, nhưng vẫn bắt biên là con đò đến đích cập vào đúng bến của nó vậy.

5. Không nên tranh cãi

Đức Phật dạy: “Thế giới rất độc ác, có năm thứ dơ bẩn.”, cho nên con người cứ chạy theo cái giả mà không chịu chấp nhận sự thật, công lý và lẽ phải bao giờ cũng ở phía kẻ mạnh. Như nhà khoa học Ga-li-lê chứng minh trái đất tròn, nhưng giáo hội thiên chúa giáo bảo trái đất

vuông, bắt giam ông ta cho đến chết, về tội chống lại lời dạy của chúa. Ở Việt Nam ông Hồ và Đảng Cộng Sản đem hai đảo Hoàng Sa và Trường Sa dâng cho Trung Cộng, dân chúng biểu tình chống Trung Cộng bị nhà nước Việt cộng bắt đi tù ghép cho cái tội phá rối trật tự và chống đối nhà nước. Một bà mù chữ gánh tương đi bán nghe cậu bé lớp một đánh vần đọc: “Meo-e-me-o-meo-sắc-méo”, liền chửi thẳng bé đồ ngu dốt, thất học, nhưng lúc nào cũng tự cho mình thông minh hiểu biết hơn người, gặp hạng người này ta không nên đem thật tướng các pháp nói với họ, bởi vì họ không hiểu và chính mình cũng chưa chứng đắc cho nên tránh tranh cãi là hay nhất. Một thiên sư đã nhắc nhở:

*Chưa ngộ, bàn vọng luận chơn,
Ngộ rồi chơn vọng nói hơn làm gì.”*

Dù biết rằng chơn thật bất hư cũng không nên nói với ai cả. Nói ra sự thật chỉ có chết thôi. Người ngoài có quyền thế không hai thì kẻ thân thích trong gia đình cũng không muốn mình sống. Vì vậy, “lời thật bao giờ cũng mịch lòng” và trên đời này chỉ có đức Phật Thích Ca mới dám nói lên sự thật là “tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều sẽ thành Phật.” Đây là một thông điệp kinh thiên động địa, phá bỏ mọi giai cấp lâu đời ở Ấn Độ và toàn thế giới. Sở dĩ Phật dám xác quyết như vậy là vì Ngài đã chứng đắc nhiều nội lực và chung quanh Ngài có nhiều đệ tử hàng vua chúa đã theo Ngài cũng được chứng đắc nên hết lòng ủng hộ Ngài.

6. Liên hệ mật thiết

Chữ mật thiết ở đây nói lên một sự gắn bó tình cảm thương yêu chân thành, hiểu biết cảm thông giữa cha mẹ và con cái, giữa anh chị em, giữa họ hàng gia tộc, giữa bạn bè thân thích, giữa chòm xóm láng giềng, giữa thầy và trò, giữa chủ và thợ, giữa dân chúng và chánh quyền. Nhưng thực tế trong đời sống hằng ngày có được mấy người mật thiết với nhau như Báo Thúc và Quán Trọng hoặc như Bá Nha và Tử Kỳ mới thật sự là tri và âm tri kỹ vậy. Ngày nay chúng ta thấy trong một gia đình hoặc một tổ chức tôn giáo, một đoàn thể xã hội tuy có gắn gũi chung đưng nhưng thiếu mật thiết với nhau. Ngay cả người lãnh đạo

quốc gia cũng xa rời và lừa bịp dân chúng thì làm sao đất nước giàu mạnh được. Ở phẩm kinh này đức Phật dạy chúng ta phải biết liên hệ mật thiết với những người khác để sống vui vẻ với nhau. Do đó, trong chùa thầy trò, huynh đệ cũng phải liên hệ mật thiết với nhau như tình cha con, anh em ruột thịt, không nên có cảnh thầy xài xẻ trò trước đám đông phật tử và ngược lại trò bôi xấu thầy thậm tệ.

7. Không bỏ bất cứ việc thiện nhỏ nào

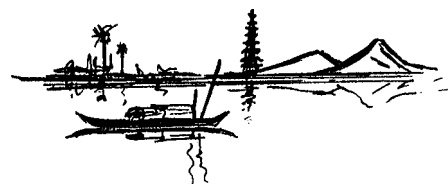
Trong phần kệ cuối đoạn kinh, đức Phật dạy ta trên đường đến đích thành Phật không nên bỏ qua bất cứ một việc thiện nhỏ nào dù đó là những việc làm tầm thường như: In kinh ấn tống, vẽ hình Phật, lập chùa, xây tháp, đúc tượng Phật và Bồ tát, đúc chuông, nghe pháp, tụng kinh, niệm Phật, cúng dường chư Phật và chúng tăng, lễ Phật hoặc chỉ cúi đầu, hoặc giơ một tay, cúng dường xá lợi Phật, bố thí cho người và thú vật, giữ giới, nhẫn nhục, hiến máu, giúp người bệnh tật vv... Tất cả những việc nhỏ nhặt này lâu ngày tích tụ thành công đức lớn giúp ta được sớm thành tựu Phật đạo vậy.

Điều đáng nói ở đây là chúng ta phải truyền bá kinh Pháp hoa cho mọi người để báo ơn Phật, nhưng phải tùy theo đối tượng mà dẫn dắt họ từ từ không nên dục tốc mà bất đạt vậy.

Để kết luận, xin mượn bài kệ của Ngài Lý Cao như sau:

*“Luyện được thân hình giống Hạc hình,
Dưới từng ngàn cội đôi hòm kinh.
Ta đi hỏi đạo người chỉ nói,
Mây tại trời xanh, nước tại bình.”*

Đồng Minh



(tiếp theo)

100

Câu hỏi Phật pháp

4. Khuyên người khác quy y có lỗi không?

Hỏi: Kính thưa thầy, Con có nghe băng của một thầy giảng, bảo rằng mình không nên khuyên người khác quy y, để tự họ phát tâm quy y, vì mình khuyên họ mà họ không giữ đúng giới luật thì mình và họ đều bị đọa địa ngục. Nếu như để tự họ phát tâm, thì họ mới giữ giới luật tốt. Tuy nhiên, con cũng có nghe một vị khác giảng nói, nếu như mình khuyên được người khác quy y thì sẽ được công đức vô lượng. Vậy xin hỏi qua hai lời dạy này, thì lời dạy nào đúng? Kính xin thầy hoan hỷ giải đáp cho con.

Đáp: Nếu bảo lời dạy nào đúng, theo tôi, thì lời dạy nào cũng đúng cả. Nói như thế, mới nghe dường như là “*ba phải*”, nhưng nếu xét kỹ thì không phải như thế. Căn cứ vào câu hỏi của Phật tử nêu ra, thì tôi thấy lời khuyên bảo của vị thầy A (xin tạm gọi như thế) cũng rất hợp lý. Bởi việc làm nào mà người ta ý thức tự nguyện, không vì sự khuyên bảo hay bắt buộc của người khác, thì việc làm đó sẽ có kết quả tốt đẹp cao hơn. Đó là do vì, họ tự ý thức được trách nhiệm hành động hoặc lời phát nguyện tự đáy lòng của họ. Còn nếu mình khuyên bảo người ta, đôi khi vì họ nể tình mình, vả lại, họ cũng chưa có sự tìm hiểu kỹ càng về vấn đề mà mình khuyên bảo, nên họ dễ gây ra thói tâm và bất như ý sau này.

Từ đó, họ có thể gây ra những điều xấu ác lỗi lầm và rồi đổ trút hết mọi lỗi lầm đó cho người khuyên bảo họ. Chính lời khuyên đó lại phản tác dụng và có hại cho người khuyên. Chúng ta nên nhớ, bệnh đổ thừa cho kẻ khác đó cũng là căn bệnh nặng trầm kha của con người. Được tốt đẹp, thì họ mặc nhiên thụ hưởng không nói chi. Ngược lại, khi thất bại thì họ lại đổ thừa “*tại bị*” cho kẻ khác. Tại ông đó, thầy đó, tôi mới như thế này. Nếu không có lời khuyên của ông đó, thầy đó, thì đời tôi đâu có đến đời tàn hại như thế này. Chuyện đời là thế đó! Đó là một tâm lý rất thường tình. Bất cứ ai đã từng trải chút ít kinh nghiệm cũng đều thấy rõ như thế.

Tập 2

PHƯỚC THÁI

Cho nên, ta thấy có nhiều vị Tổ sư cả đời tu không bao giờ các Ngài khuyên một người nào quy y hay xuất gia. Và có những vị không bao giờ thu nhận đệ tử dù tại gia hay xuất gia. Điều này là do quan niệm và bản nguyện của mỗi người. Vì khi mình khuyên bảo người khác, tất nhiên là mình phải có trách nhiệm ít nhiều với họ. Vì chính họ nghe theo lời mình khuyên bảo nên họ mới làm theo.

Có nhiều vị thầy gặp ai cũng khuyên người ta nên bỏ tục xuất gia làm đệ tử của mình. Nhưng khi họ xuất gia rồi, thì mình lại thờ ơ không quan tâm lo lắng dạy dỗ cho họ. Làm thầy mà thiếu trách nhiệm dạy dỗ, thì thử hỏi người đệ tử đó làm sao thành người tốt hữu dụng cho được? Có nhiều vị thu nhận đệ tử cho thật nhiều mà không hề dạy dỗ chi hết. Miễn sao người ta nhìn vào thấy mình có đệ tử đông đảo rậm đám là được. Thân ai nấy lo, nên hư, thành bại, do tự mỗi người quyết định lấy. Từ thiếu sự chăm lo dạy dỗ của thầy, nên có nhiều vị đệ tử đâm ra hư hỏng và tiêu hoại cả cuộc đời. Đó là vì họ vội nghe theo lời khuyên bảo mà làm, kỳ thật họ chưa có một ý thức hiểu biết gì đến vấn đề trọng đại quyết định cả cuộc đời của họ sau này. Thật quả đó cũng là một tai hại vô cùng. Điều gì, tự họ ý thức tìm đến, thì điều đó mới có quý giá. Mình chỉ đóng vai trò giải thích phân tích cho họ thấy rõ được điều lợi và hại của vấn đề, rồi để họ tự suy nghĩ quyết định lấy. Mình không nên can dự vào sự quyết định của họ. Như vậy, chúng ta sẽ tránh được hậu quả không tốt sau này. Cho nên qua lời dạy của vị thầy A, ta thấy cũng rất là hợp tình hợp lý.

Đến lời khuyên giải của vị thầy B (tạm gọi như thế) thì ta thấy cũng không sai trái. Nói như thế dường như có sự mâu thuẫn, như là mắc vào cái lỗi “*tự ngữ tương vi*”. Nghĩa là lời nói trước chống trái lại với lời nói sau. Nhưng, chúng ta cứ hãy bình tâm mà suy xét, thì mới thấy sự hợp lý của nó và không có gì chống trái nhau cả. Như có những kẻ suốt đời chuyên làm những việc ác đức, hành hung cướp của giết người, lường gạt dâm ô, hút xách, gian lận, trộm cắp, ăn trên đầu trên cổ kẻ khác v.v... đối với những hạng người này, nếu không có những lời khuyên bảo của những người khác, thì việc tạo ác của họ càng ngày càng lún sâu dữ dội mạnh bạo hơn. Xã hội càng ngày càng rối loạn xáo trộn bất an nhiều hơn. Và như thế, thì thử hỏi xã hội loài người sẽ ra sao?

Cho nên, đối với những hạng người ty tiện xấu ác thường gây ra tội lỗi, tất nhiên là phải cần đến sự khuyên bảo của kẻ khác. Nếu một người chịu thức tỉnh quay về với con đường lương thiện, thì xã hội sẽ giảm bớt đi một gánh nặng. Vì thế, nên lời khuyên bảo rất có giá trị trong trường hợp này. Đó là nói những người đã gây ra tội lỗi. Lời khuyên bảo của người khác có tác dụng như là chữa bệnh. Ngược lại, đối với những người chưa gây ra tội ác, thì những lời khuyên bảo của người khác có tác dụng như là phòng ngừa bệnh trạng xảy ra. Cả hai lời khuyên đều có tác dụng lợi ích thiết thực cả.

Lịch sử đã chứng minh rất nhiều cho những lời khuyên có giá trị thiết thực này. Như Phật đã từng khuyên anh chàng Vô Nảo đã từng hạ sát nhiều người. Nhưng sau khi xuất gia, ông ta trở thành một vị Sa môn gương mẫu. Khuyên một vị đồ tể buông dao, sẽ cứu thoát được rất nhiều con vật. Khuyên một người biết tu hành làm lành lánh dữ, thì sẽ bớt đi một chỗ giam cầm trong nhà tù. Nếu như ai nấy đều tu thân hành thiện hết, thì làm gì có nhà tù trên trái đất này. Do đó, đứng về mặt chỉ ác hành thiện, tạo cho xã hội có đời sống tương đối an bình, thì lời khuyên của các nhà đạo đức chân thật rất có giá trị.

Tóm lại, theo tôi, thì qua hai lời giảng giải

trên, mỗi người đứng mỗi khía cạnh của một vấn đề để lập luận. Cả hai đều có lý lẽ của nó và đều có tác dụng xây dựng xã hội tốt đẹp cả.

5. Tụng kinh niệm Phật mà tâm còn tán loạn có được lợi ích gì không?

Hỏi: *Kính thưa thầy, khi con tụng kinh, niệm Phật, lay sám hối, mà tâm con vẫn còn loạn tưởng, nghĩ nhớ lãng xãng, như vậy con có được lợi ích gì không? Có người nói, như thế chỉ là công dã tràng, không có lợi ích gì hết. Con còn là phạm phu, nghiệp chướng sâu nặng, làm sao con giữ tâm không tán loạn cho được? Nếu như không có được lợi ích gì hết, thì thử hỏi con làm những việc đó để làm gì? Con rất hoang mang, xin thầy giải đáp cho con rõ.*

Đáp: Phật tử đừng lo, dĩ nhiên là có lợi ích rồi. Nhưng sự lợi ích đó thì không được nhiều lắm. Vì cái nhân, không chín chắn tốt lắm, thì cái kết quả, tất nhiên cũng không được tốt đẹp cho lắm. Trong lúc chúng ta dụng công tu, dù tu theo bất cứ pháp môn nào, điều tối kỵ là để tâm buông lung tán loạn. Vì chúng ta còn là phạm phu nghiệp chướng sâu dày, tập khí nặng nề, nên khi ứng dụng tu, tất nhiên không sao tránh khỏi tán tâm loạn động. Người tu sợ nhất là tập khí và pháp trần.

Tập khí là những thói quen mà hằng ngày chúng ta huân tập. Những thói quen xấu, tốt này, không phải chúng ta chỉ huân tập trong hiện đời, mà nó đã có từ nhiều đời trong quá khứ. Người có những tập khí sâu nặng, thì khi tu thật khó gìn giữ được nhiếp tâm, chánh niệm. Nói pháp trần, thật ra cũng chỉ là tên khác của những tập khí mà thôi. Vì trong khi chúng ta đối cảnh xúc duyên hằng ngày, sáu căn tiếp xúc với sáu trần, tất cả đều được huân chứa vào trong kho A lại da thức. Kho này nó có công năng cất chứa những hạt giống lành dữ, và gìn giữ không cho sót mất một hạt giống nào. Những hạt giống bản hữu (sẵn có) hoặc tân huân (mới đem vào) đều được nó cất giữ rất kỹ. Những hạt giống đã được cất giữ trong kho này gọi là pháp trần. Duy thức học gọi là: “*tiền trần lạc tạ ảnh tử*”. Nghĩa là những bóng dáng của sáu trần rơi rớt vào trong

tâm thức của chúng ta.

Khi chúng ta tụng kinh, lễ bái, tham thiền, trì chú, niệm Phật v.v... thì đó là những lúc pháp trần có cơ hội nổi lên làm xáo trộn loạn động tâm ta. Lúc đó, mặc dù chúng ta ngồi yên không tiếp xúc với ngoại cảnh, nhưng những cảnh do sự tiếp xúc của căn và trần đã trải qua, bấy giờ chúng hiện lên rồi ý thức duyên vào. Đó là ý thức (thức thứ sáu) duyên với pháp trần. Cho nên lúc đó làm cho tâm ta nghĩ tưởng lăng xăng bất an. Trong kinh thường gọi những ý tưởng khởi nghĩ lăng xăng đó là vọng tưởng.

Người mới niệm Phật khi chưa chứng được chánh định, thì không ai lại không có những thứ vọng tưởng dấy khởi lung tung này. Nhưng chúng ta đừng sợ vọng tưởng, mà chỉ sợ chúng ta thiếu sự giác chiếu hay tỉnh thức kịp thời. Nếu khi chúng khởi nghĩ chuyện gì đó, chúng ta liền có giác quán chánh niệm chiếu soi, thì những vọng niệm kia sẽ tan biến ngay. Điều quan trọng là chúng ta phải cố gắng nhiếp tâm để có được chánh quán. Nếu chúng ta chịu khó thực tập lâu ngày, thì những vọng niệm sẽ không làm gì được ta. Cho nên người tu, việc gìn giữ chánh niệm thật là điều tối ư quan trọng.

Khi niệm Phật, chúng ta phải cảnh giác như người gác cổng. Phải có đôi mắt tinh sáng nhận diện kẻ ra người vào. Người có nhiệm vụ gác cổng, tất nhiên là không được chểnh mảng lơ là. Phải chú tâm chăm chỉ nhìn cho thật kỹ ở nơi cửa cổng. Khi chúng ta tụng kinh, trì chú, niệm Phật... cũng phải chú tâm như thế. Phải nhận diện thấy rõ những tạp niệm xen vào. Như khi niệm Phật thì tâm ta phải chuyên chú vào câu hiệu Phật. Đồng thời tâm phải sáng suốt nhận diện. Khi một vọng niệm vừa dấy khởi nghĩ chuyện khác, chúng ta phải kịp thời nhận diện biết rõ chúng đang nghĩ gì. Chỉ cần nhận diện một cách nhẹ nhàng chớ không nên đè nén hay đàn áp. Vì đè nén hay đàn áp có tánh cách hành xử hung bạo. Chúng ta không nên hành xử như thế. Vì vọng tưởng không phải là kẻ thù của chúng ta, mà nó là hiện tượng một phần của tâm ta. Cũng như sóng là hiện tượng một phần tử của nước. Vì sóng

khởi lên từ nước. Do đó, nước và sóng không thể xem nhau là đối nghịch kẻ thù được. Mà nước phải đối xử tử tế rất nhẹ nhàng với sóng. Khi sóng nổi lên là nước biết rất rõ. Vì trong sóng đã có mang chất nước trong đó.

Cũng thế, Bản thể và hiện tượng không thể tách rời ly khai ra được. Nói cách khác, chân tâm và vọng tâm không phải là hai phạm trù đối nghịch nhau. Có đối nghịch là có tranh chấp hơn thua. Coi chừng không khéo chúng ta sẽ tạo thành một bãi chiến trường chém giết trong tâm thức ta. Tuy nhiên, chúng ta cũng nên biết rằng, những hiện tượng tập khí vọng tưởng, tuy nó là những cái bóng mờ không thật, nhưng chúng ta cũng không nên lơ là khinh thường nó. Vì nó có một sức mạnh rất lớn. Nếu chúng ta theo nó, để nó tha hồ dẫn dắt chúng ta chạy đông chạy tây, thì nó sẽ hành hạ đày đọa chúng ta chịu nhiều đau khổ. Bởi nó không bao giờ biết dừng lại. Tất cả mọi pháp môn Phật dạy, đều có công năng đối trị, nhận diện, và chuyển hóa những thứ vọng tưởng này.

Như chúng tôi đã nói, nếu chúng ta không dụng công tu thì thôi, mà hễ có dụng công tu, tất nhiên là phải có lợi ích. Ngay như khi Phật tử ngồi yên niệm Phật, thì Phật tử cũng đang thức liễm ở nơi ba nghiệp rồi. Thân thì ngồi nghiêm trang, hoặc lễ bái, còn miệng thì tụng kinh, hoặc niệm Phật, còn ý thì mặc dù chưa được chuyên chú thuần nhất, nhưng ít ra, nó cũng nghĩ tưởng đến Phật. Như thế, thì tại sao dám bảo là không có lợi ích? Làm sao có thể nói như công dã tràng xe cát biển đông cho được? Nếu bảo rằng, việc làm đó như công dã tràng, thì không đúng. Chẳng qua sự lợi ích đó, nó có nhiều hay ít đó thôi. Chúng ta tập tu, lúc đầu ai cũng có những tạp loạn phiền não dấy khởi liên miên rất mạnh. Nếu không còn có những thứ này, thì thử hỏi chúng ta dụng công tu hành chi cho nó thêm hao hơi mệt sức? Vì còn vọng niệm phiền não nên chúng ta mới tu để lần hồi dứt trừ chúng.

Khi chúng ta mới bắt đầu tập sự tu hành, thì cũng giống như một đứa bé tập sự từng bước: ban đầu tập lật, tập bò, tập đứng chựng, rồi tập đi v.v... Tất nhiên khi tập như thế, lúc đầu đôi

với nó cũng cảm thấy rất là khó khăn. Nhưng nhờ nó chịu khó thực tập thường xuyên thành thói quen, cho nên nó không còn cảm thấy khó khăn nữa. Như khi nó tập đứng, lúc đầu nó cũng bị té lên té xuống nhiều lần. Nhưng nhờ nó bền chí tập đứng lâu ngày, thì sẽ không còn bị té nữa. Từ đó, cứ tiến dần lên: tập đi, tập nhảy, tập chạy v.v.... Sự tu hành của chúng ta cũng phải chịu khó luyện tập từng bước như thế. Có em bé nào mới sanh ra mà biết đứng, đi, chạy, nhảy liền đâu. Tất cả đều phải nỗ lực cố gắng thực tập cả.

Sự tu hành của chúng ta cũng thế. Nghĩa là chúng ta cũng phải thực tập từng bước vững chắc. Tập từng bước dễ đến bước khó. Và trong khi tu tập, tất nhiên là đã có kết quả tốt đẹp của nó rồi. Hiểu thế, thì Phật tử không còn gì phải hoang mang lo sợ mình không được lợi ích. Điều quan trọng của việc tu hành là chúng ta phải bền chí kiên nhẫn vượt qua mọi chướng duyên thử thách khó khăn. Có thế, thì Phật tử mới mong đạt thành sở nguyện. Kính chúc Phật tử luôn kiên tâm an nhẫn bền chí tu hành.

6. Tâm ở đâu?

Hỏi: Kính bạch thầy, trong lúc chúng con bàn bạc nói về tâm, thì có một bà bạn hỏi con, chị nói tâm mà chị có biết tâm ở đâu không? Con đành ngậm miệng nín thinh không biết phải trả lời ra sao. Vậy kính xin thầy giải đáp cho chúng con được rõ.

Đáp: Phật tử nín thinh không trả lời cũng phải. Bởi vì ngay câu hỏi của bà bạn đó đã sai rồi. Nếu Phật tử có trả lời thì Phật tử cũng sai luôn. Thí như có người hỏi Phật tử không khí ở đâu? Hỏi thế, thì Phật tử làm sao trả lời. Biết không khí ở đâu mà trả lời. Tâm của chúng ta cũng giống như không khí. Nói giống là vì không khí, không có hình tướng chỗ nơi. Nó bàng bạc trùm khắp tất cả. Tâm ta cũng thế. Nhưng tâm có khác hơn không khí là ở chỗ không khí thì vô tri, nhưng tâm lại là hữu tri, nghĩa là hằng có cái “**Biết**” rõ ràng.

Chính vì cái biết không hình tướng, nên nó không có chỗ nơi cố định. Nhưng, người hỏi thì muốn biết chỗ trú ngụ của nó, cũng như

muốn biết chỗ trú ngụ của không khí. Mà tâm hay không khí làm gì có nơi chốn để trú ngụ. Tuy nhiên, đứng về mặt học thuật trao đổi tìm hiểu, thì chúng tôi cũng xin tạm giải thích đôi điều. Kỳ thật, thì câu hỏi đó đã sai rồi. Nếu đặt câu hỏi: thế nào là tâm vọng? và thế nào là tâm chơn? Hỏi như thế, thì chúng ta còn có thể dễ trao đổi bàn bạc với nhau hơn.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Tôn giả A nan đã hỏi Phật bảy lần về chỗ trú ngụ nơi chốn của tâm, tất cả đều bị Phật bác hết. Vì Ngài A nan cũng muốn biết cái tâm nó ở chỗ nào. Nên bảy lần Ngài nêu ra bảy nơi: “*Tâm ở trong thân, ở ngoài thân, tâm ẩn trong con mắt, trở lại cho tâm ở trong thân, tâm tùy chỗ hòa hợp, tâm ở chính giữa, cuối cùng, Ngài cho chỗ không dính mắc đó là tâm. Cứ mỗi lần Ngài nêu ra mỗi nơi, tất cả đều bị Phật bác hết*”. Sau đó, Ngài hốt hoảng kinh sợ không lẽ mình không có tâm. Mà nếu không có tâm thì làm sao biết tu hành thành Phật? Đó là chỗ hoang mang thật khó hiểu. Nên nhớ, Ngài A nan chỉ là đại diện cho chúng sanh để thưa hỏi thôi, chớ không phải Ngài dốt nát như chúng ta.

Kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh, chuyên thuyết minh giải bày cặn kẽ về chân tâm và vọng tâm. Muốn biết chân tâm, thì chỉ cần hết vọng thì chân hiện. Thí như vệt hết mây mù thì ánh trăng sáng hiện ra. Như vậy, tu hành ta không cần phải tìm cầu chân tâm, vì có ý niệm tìm cầu là đã sai rồi. Ngài Tú Tài Trương Chuyết nói: “*Đoạn trừ phiền não trùng tăng bệnh, thú hướng chân như tổng thị tà*”. Nghĩa là, có ý niệm đoạn trừ phiền não, thì đó là càng thêm bệnh. Vì phiền não tự tánh vốn không. Đã không, thì đoạn trừ cái gì? Chính cái ý niệm khởi lên muốn đoạn trừ, đó là bệnh rồi. Còn có khởi ý niệm tìm cầu chân như thì đó cũng là tà ngoại. Vì sao? Vì tánh giác không phải là đối tượng để mong cầu. Vừa khởi ý niệm là đã trái với tánh giác rồi.

Như vậy, chơn tâm là một thực thể thanh tịnh sáng suốt hằng hữu. Vì nó vốn không có hình tướng, giống như hư không, nên nó bất sanh bất diệt... Một thực thể trùm khắp pháp giới như vậy, thì làm gì có chỗ nơi mà tìm cầu? Tuy nhiên, tâm vọng khi dấy khởi thì nó có

bóng dáng hình tướng. Đó là do vì, nó duyên với sáu trần mà có ra hình bóng, rồi chúng ta lại lầm chấp những cái bóng dáng đó cho là tâm thật của chính mình. Còn cái thể chơn tâm vắng lặng rỗng suốt thanh tịnh hằng hữu thì chúng ta lại quên mất. Do đó, nên Phật thường quở trách chúng ta là những kẻ si mê tăm tối. Chúng ta vọng nhận cái tâm giả dối dấy lên từng chấp, từng hồi, thì lại cho đó là tâm mình. Vì vọng chấp như thế, nên chúng ta mới theo nó mà tạo nghiệp luân hồi thọ khổ.

Nói rõ hơn, cùng là cái thấy biết, nhưng nó có hai phương diện, giống như đồng tiền cắc có hai mặt (tạm dụ như thế): cái biết do theo cảnh phân biệt thương ghét, phải trái, tốt xấu, hay dở v.v... thì đó là cái biết vọng. Còn cái biết mà không theo vọng duyên phân biệt, nhưng vẫn thường hằng chiếu liễu, thì gọi đó là cái biết chơn, tức vô phân biệt. Kinh Lăng Nghiêm có đoạn Phật dạy Tôn giả A nan: “*Nhược ly tiền trần hữu phân biệt tánh, tức chơn như tâm*”. Nghĩa là, nếu rời cảnh vật hiện tiền, mà cái “suy nghĩ phân biệt” này vẫn còn, thì mới thật là chơn tâm của ông. Trong kinh

thường gọi là chơn tâm hay chơn như. Tuy biết mà không có bóng dáng hình tướng, tự thể lâu lâu trong sáng vắng lặng vậy.

Cái biết này khác hơn cái biết vọng là ở chỗ phân biệt và vô phân biệt. Tuy nhiên, ta nên lưu ý, nó không phải là hai thực thể riêng biệt. Nói một là sai mà nói hai thì không đúng. Như sóng và nước không thể tách rời ra. Nhưng khi sóng nổi lên, thì ta không thể nói sóng là nước. Nhưng khi sóng lặng thì toàn thể tánh nước hiện bày. Cũng thế, khi cái biết dấy khởi lên phân biệt cảnh duyên, thì nó là hiện tượng giả dối, tạm gọi nó là vọng tâm. Cái biết này giống như hiện tượng của sóng. Khi cái biết này lặng xuống, thì cái biết “không phân biệt” nói gọn là “**Tánh không**”, toàn thể hiện bày. Như sóng tan thì nước hiện, mây tan thì trăng hiện. Vì thế, trong kinh thường nói: “*Phiền não tức Bồ đề, hay sanh tử tức Niết bàn*” chính là ý này. Một thực thể không hình, không tướng, không sanh, không diệt, không như, không khác v.v... nghĩa là vượt ra ngoài đối đãi nhị nguyên như thế, thì làm gì có nơi chốn mà hỏi tâm ở đâu.

(còn tiếp)

GIA CHÁNH

Gỏi Rau Câu



1. Vật liệu:

- 3 cây mì căn
- 2 củ cà rốt
- 3 trái dưa leo
- 15gr rau câu
- 1 miếng tàu hủ ky
- 100gr đậu phộng rang
- Nước tương, đường, muối, bột ngọt, chanh, ớt chín
- Bánh phồng chay

2. Cách làm:

- Rau câu ngâm nước cho nở, cắt khúc, vắt cho ráo nước.
- Cà rốt, dưa leo, xắt chỉ, cho vào chút muối, xả lại nước lạnh vắt thật ráo, cho vào cà rốt và dưa leo nước cốt chanh 1 trái, 2 muỗng cà phê đường ướp cho thấm.

- Mì căn và tàu hủ ky (đã ngâm nước) xắt chỉ chiên vàng.
- Đậu phộng bóc vỏ giả nhuyễn
- Ớt chín xắt chỉ.
- Vắt nước cốt 1 trái chanh, đường, muối, bột ngọt.
- Kiệu băm cho vào rau câu, dưa leo, cà rốt, mì căn, tàu hủ ky, trộn đều, nếm lại vừa ăn, cho gỏi ra đĩa, rắc đậu phộng lên trên bày thêm ngò cho đẹp, dùng gỏi với bánh phồng chay.

Tâm Hòa soạn.





Thực Chất Vu Lan

Mỗi năm cứ đến ngày rằm tháng 7 âm lịch, các chùa và hội đoàn Phật Giáo đều tổ chức lễ Vu Lan rất trang nghiêm và long trọng không kém lễ Phật Đản. Các Phật tử đến chùa cúng dường chư Tăng, Ni, dự lễ cầu siêu cho hương linh Cửu huyền thất tổ và thường được nghe các bài pháp nói về đạo Hiếu của các con cái đối với cha mẹ, cùng những phước lạc và sự cúng dường chư Tăng, Ni nhưng thực chất của Vu Lan thì ít khi được nói đến, thành ra bị coi nhẹ, kém quan trọng, người ta chỉ chú ý đến ngọn cành mà quên đi gốc rễ.

Đa số các Phật Tử đều biết sự tích Ngài Mục Kiền Liên vào địa ngục dâng cơm cứu mẹ nhưng chúng ta đừng quên rằng Ngài Mục Kiền Liên dù đắc thần thông đệ nhất trong các đệ tử của đức Phật cũng không cứu nổi mẹ là bà Thanh Đề đang đọa địa ngục, mà phải nhờ oai lực của chư Tăng hiệp lực, chú nguyện, chú tâm rồi mới cảm ứng đến tâm bà Thanh Đề. Điều quan trọng nhất chính là bà Thanh Đề phải thức tỉnh, thành tâm sám hối, niệm Phật mới được sinh về cõi trời Hoa Quang. Tóm lại cần 3 yếu tố:

1. Tự lực của ngài Mục Kiền Liên không đủ mà phải nhờ đến chư Tăng chú nguyện.
2. Tha lực của chư Tăng mạnh mẽ cao siêu sau 3 tháng an cư kiết hạ hợp cùng tự lực của ngài Mục Kiền Liên mới cảm ứng, chuyển hóa tâm hồn bà Thanh Đề.
3. Chính bà Thanh Đề phải thức tỉnh, chuyển tâm sám hối niệm Phật mới thoát khỏi địa ngục. Tâm bà có thanh tịnh mới sinh về được cõi trời.

Thực chất Vu Lan chính là sự kết hợp của tự lực và tha lực, từ bi với trí tuệ, tu và học, tri hành đi đôi, đó là điều kiện tất yếu đi đến giải thoát. Người tu hành cần phát tâm dũng mãnh,

tự giác, giác tha, lần lần mới đủ phước huệ, đó là tự lực. Nhưng tu hành một mình khó tiến bộ, có những chỗ khó hiểu không ai chỉ bảo, có khi thối chí, ngã lòng không ai khuyến khích, vậy cần thầy hiền, bạn tốt, đồng tu, đồng học, đồng tâm hiệp lực thì mới cùng nhau tiến bước trên đường giác ngộ hồng giải thoát. Ngoài ra còn có chư Phật, chư Bồ Tát, Thiên Long, Hộ Pháp hộ trì cho những vị tu hành chân chánh tránh khỏi các trói buộc trong màn lưới vô minh của thất tình lục dục, đó là tha lực. Tuy nhiên yếu tố thứ 3 mới là quan trọng hơn cả. Đó là sự thức tỉnh của nội tâm, sự nhận định rõ ràng về lẽ vô thường, biến dịch của vạn vật, lý vô ngã của xác thân và các vọng thức tham sân si chính là nguồn gốc của sinh tử luân hồi và chỉ có Trung Đạo của Phật dạy mới đưa đến chỗ hết khổ, an vui, thức tỉnh rồi quay đầu lại đã thấy bờ giác, đó chính là điều Đức Phật ân cần dạy dỗ các đệ tử.

Ba yếu tố: Tự lực, tha lực và sự thức tỉnh mới là thực chất của lễ Vu Lan. Lễ Vu Lan không phải chỉ để dành riêng cho việc cầu siêu chư hương linh thờ tại chùa hoặc cúng dường chư Tăng Ni mà chính là ngày Phật hoan hỷ, ngày chư Tăng Ni xuất hạ, lễ Tự Tứ, ngày chư Tăng Ni thêm tuổi hạ sau 3 tháng tinh tấn tu hành và chuẩn bị tinh thần hoằng dương giáo pháp. Chính lễ Tự Tứ để Tăng Ni tự mình sám hối, nói ra những lỗi lầm của mình nhờ các bạn đồng tu chỉ dẫn để sửa đổi. Chính nhờ sự thanh tịnh và tu chứng của chư Tăng Ni đồng tâm hiệp lực chú nguyện nên có oai lực chuyển hóa tâm bà Thanh Đề nói riêng và các hương linh nói chung, do đó các vong linh ở trong ngục tối mới thức tỉnh, ăn năn sám hối.

Vào dịp Vu Lan quý Phật tử cần đến chùa tụng kinh, cúng dường, cầu siêu một cách chú tâm thành khẩn chứ không phải chỉ nhờ 1 vị Tăng làm lễ mà cho là đủ, hãy nhớ rằng chính ngài Mục Kiền Liên, đệ nhất đệ tử của đức Phật mà còn không cứu nổi mẹ, thì oai đức của một vị Tăng dù có cao siêu đến đâu khó mà cứu vớt

được vong linh, phải có đủ 3 yếu tố: Tự lực, tha trường tử của Như Lai. lực và thức tỉnh mới có kết quả tốt đẹp.

Đức Phật còn dạy trong kinh Vu Lan rằng chư vị Tăng Ni hưởng của cúng dường phải tinh tấn tu hành, giữ tròn giới đức, khi bưng bát cơm ăn cần nhớ công ơn thí chủ, ăn bát cơm này để có sức khỏe mà tu học và thực hành và thành tâm hồi hướng công đức cho khắp chúng sanh.

Sự hỗ trợ giữa 2 giới xuất gia và tại gia là cần thiết, đáng quý, cả hai cùng là con Phật, một bên lo tinh thần, một bên lo vật chất, thương yêu kính mến lẫn nhau trong tinh thần hòa hợp.

Nhân dịp Vu Lan, chúng ta chí thành cầu nguyện chư vị Tăng Ni tinh tấn tu hành, giữ giới lực hòa, diệt trừ kiêu mạn, xứng đáng là

Chúng ta cũng cầu nguyện chư vị Phật tử tại gia sáng suốt phát tâm tự tu, tự học, tự thấp đuốc mà đi để việc tu hành có kết quả tốt đẹp.

Chúng con nguyện cầu chư Phật, chư Bồ Tát chiếu ánh sáng từ bi, trí tuệ vào địa ngục để các vong linh chóng thức tỉnh, sám hối quay đầu về bờ giác, tâm tịnh thì quốc độ tịnh, địa ngục biến thành cõi Cực lạc.

Tâm Hòa suu tầm



Một bông hồng cho em

Vu Lan tháng bảy đổ mưa ngâu,
Những giọt mưa rơi tỏ lệ sầu.
Tiếng dế nỉ non nghe áo nã,
Tôi ngồi buồn bã suốt canh thâu.

Em đã đi rồi bỏ lại tôi,
Rừng thu thay lá mãi luân hồi.
Trời thu ảm đạm sương thu lạnh,
Tiếng Vạc kêu sầu đêm cứ trôi.

Không biết bây giờ em ở đâu?
Lòng tôi nghĩ tới lại thêm sầu.
Em ơi! Tôi nhớ em nhiều lắm!
Nước mắt tuôn trào ướt thấm sâu.

Tôi muốn đi tìm gặp lại em,
Ba ngàn thế giới rộng mông mênh.
Luân hồi sáu nẻo trong ba cõi,
Nghĩ tới lòng tôi thấy buồn thêm.

Ước gì có phép Mục Kiền Liên,
Xuống tận âm-ty đến cõi tiên.
Tìm gặp được em nơi nào đó,
Lòng tôi mới hết nỗi ưu phiền.

Âm dương hai ngã cách đôi nơi,
Kẻ ở người đi khó gặp rồi.
Kiếp sống mỗi người mang một nghiệp,
Xuông lên sanh tử mãi luân hồi.

Thôi thế từ đây xa cách rồi,
Mỗi người một nẻo chỉ buồn thôi.
Em về cõi Phật xa xôi quá!
Tôi ở trông em đứng lại ngồi.

Hôm nay ngày đại lễ Vu lan,
Tôi lại đến chùa thấp nén nhang.
Dâng đóa hoa hồng em chứng giám,
Cầu em siêu thoát về Tây phang.

Văn Thân



Đời Văn Đẹp Sao

(Hồi ức một nữ tù người Việt)

Chị Mùi đang thọ một bản án bảy năm trong một nhà tù tại Úc vì cái tội nhập một số lượng lớn ma-túy vào nước này. Vậy mà chị vẫn còn cho rằng mình quá may-mắn! Vì chỉ có chị mới biết được là chị đã tổ-chức vận chuyển trót lọt hàng bao nhiêu chuyến ma-túy vào nước này kể từ khi được chồng bảo lãnh sang định cư. Nói là may, vì nếu chẳng may bị bắt tại Việt Nam hoặc bất cứ một quốc gia Đông Nam Á nào khác thì cũng khó tránh khỏi bản án tử hình. Chí ít cũng là chung thân, tù rục xương.

Chỉ mới đây thôi, chị đọc tin trên tuần báo Văn Nghệ, một bà Việt kiều Úc tên Nguyễn Thị Hương, 73 tuổi, bị tòa Việt Nam kết án tử hình. Bà Hương bị bắt tại phi trường Tân Sơn Nhất khi chuẩn bị bay về Úc. Trong hành lý bà Hương có 36 cục xà phòng. Bên trong mỗi cục xà phòng đều có chứa ma túy. Tổng cộng là 2.8kg. Khi xét xử, tòa án đã xét đến nhiều yếu tố hậu có thể giảm nhẹ án cho bà. Nào là bà không có tiền án, có thân nhân tốt, tuổi cao, đã biểu lộ sự ăn-năn hối-cải lại còn đang bị bệnh tim nữa... Cuối cùng, vì do lượng ma-túy quá lớn cho nên viên chánh án không thể nào làm gì khác ngoài việc phán cho bà một bản án tử hình. Thật ra, 2.80kg thì cũng chả bõ bèn gì so với lượng ma-túy đã từng qua tay chị Mùi. Một lần bắt được, mười lần không mà!

Ở tù tại Úc đối với chị chẳng qua là một chuyến đi nghỉ dưỡng dài ngày, vừa khỏi phải bôn ba mà còn được nhà nước chăm sóc thật chu đáo về mọi mặt. Từ chuyện ăn, ngủ, y-tế, giáo dục cho đến giải trí... chẳng thiếu thốn một thứ gì.

Bao nhiêu năm qua, tiền kiếm được từ những phi vụ chuyển vận ma-túy, chị đã trang bị thật đầy đủ cho quãng đời còn lại của mình. Ngoài chuyện ăn chơi phủ-phê, chị còn có bao nhiêu là cửa chòm tại Úc. Tất nhiên là phải do những

người khác đứng tên. Không kể hai căn nhà đầu tư tại Việt Nam nữa. Một ở Sài-gòn, một ở Hà Nội. Lo gì! Chị nghĩ, trong những ngày nghỉ ngơi trong tù, chị còn có nhiều cơ hội chăm sóc dung nhan của mình sao cho xứng đôi vừa lứa với thằng chồng “phi công trẻ”, nhỏ hơn chị đến cả chục tuổi. Bảy năm sẽ trôi qua cái vèo. Rồi chị sẽ được ra khỏi tù, được cùng với chồng nhí phủ phê hưởng thụ những thành quả mà chị đã đánh đổi bằng những năm dài bị “cắm tọc”.

Những chuỗi ngày trong tù thật nhàn hạ. Ngày rộng tháng dài là những cơ hội tốt để chị suy ngẫm lại cuộc đời của chính mình. Dường như chị gặp toàn những điều may mắn! Kể từ ngày đến Úc năm 1989, chị chưa phải đi làm “chính thức” một ngày nào. Toàn ăn tiền thất nghiệp. Số tiền an-sinh xã-hội nhỏ nhoi kia chẳng là gì so với đồng tiền phi pháp của chị. Nhưng phải khai thất nghiệp và lãnh tiền để người ta khỏi nghi ngờ. Lại nữa, dù ít, nhưng ngu gì không lãnh. Tiền trên trời rơi xuống mà!

Chị Mùi sinh ra tại Hà Nội sau mấy năm đất nước bị chia cắt. Giờ cũng xấp-xỉ 60 tuổi rồi. Thuở ấy, gia-đình chị cũng phải sống trong cảnh nghèo nàn, thiếu thốn, trăm bề vất vả như bao gia đình khác dưới sự cai trị hà khắc của một nhà nước XHCN mang tên Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Người dân sống dưới chế độ ấy, ngoài vấn đề đói ăn thiếu mặc, về mặt thông tin lại còn hoàn toàn bị cách ly với thế giới bên ngoài. Họ bị bưng bít hoàn toàn, và chỉ được biết những gì mà Đảng cho phép biết. Ngay cả lúc ấy chị cũng chẳng thấy mình khổ sở gì. Mọi người xung quanh đều như thế cả! Trái lại, vì tin theo lời tuyên truyền nhồi nhét có hệ thống của Đảng, chị còn cho rằng mình thật may mắn so với những đồng bào “Miền Nam ruột thịt” đang phải chịu “sống trong đói khát, dưới sự kìm kẹp và đàn áp dã man của bọn Mỹ Ngụy”. Tâm lý mà! Hề thấy nổi bất hạnh của người khác thì tự nhiên ta cảm thấy

chính mình có giá hơn! Đa số thanh niên miền Bắc bấy giờ cũng đều tin theo những lời tuyên truyền ấy, cho nên họ đã vui vẻ chấp nhận một cuộc sống thất lưng buộc bụng, để Đảng có thể dốc toàn lực chi viện cho công cuộc “giải phóng miền Nam”.

Vào ngày 30 Tháng Tư 1975, chị Mùi và nhân dân miền Bắc đã rất “hồ hởi, phấn khởi” khi nghe một giọng nữ như “có gang, có thép” của cô xướng-ngôn-viên đài phát thanh Hà Nội, phát ra từ những chiếc loa phóng thanh của Đảng tại nhiều góc phố, cứ phát đi phát lại bản tin “Mỹ đã cút, Ngụy đã nhào”, và đồng bào miền Nam được hoàn toàn “giải phóng”. Năm ấy chị Mùi ở độ tuổi 16.

Tuy vậy, cũng sau ngày 30 Tháng Tư lịch sử này, niềm tin mà Đảng đã dày công tuyên truyền, nhồi nhét cho nhân dân miền Bắc suốt 20 năm chia cách, đã sứt giảm với tốc độ của một chiếc xe lao dốc không phanh. Rồi dừng hẳn. Đến nay thì chẳng còn ai tin bất cứ điều gì Đảng nói nữa. Có người còn cho rằng nếu muốn biết sự thật, dễ lắm, chỉ cần nghĩ ngược lại với những gì Đảng nói là bảo đảm có ngay đáp số.

Thoạt đầu, người dân miền Bắc đã chứng kiến mỗi ngày có nhiều đoàn công xa từ miền Nam chở ra nào là ti-vi, tủ lạnh, xe honda, radio, cassette.....những phương tiện mà đối với người miền Bắc vào thời đó là “những giấc mơ”. Không kể những thứ quý hơn mà người dân không thấy, trong đó có 16 tấn vàng trong quốc khố miền Nam. Mà Đảng đã rêu rao là đã bị tổng thống Nguyễn Văn Thiệu mang ra ngoại quốc.

Từ đó, nhân dân miền Bắc mới ngộ ra rằng họ đã bị Đảng Cộng Sản đánh lừa, và suốt hai mươi năm qua họ nghe và tin theo những luận điệu tuyên truyền hoàn toàn dối trá. Đó là một chế độ man rợ chọc mù mắt, bịt kín tai mọi người dân. Đau thật!

Rồi chị Mùi thấy lần lượt có nhiều người xin phép xuôi Nam. Dù trong cùng một nước mà phải xin “giấy phép - thông hành” chứ làm gì có chuyện tự-do đi lại. Phải có lý do chính đáng mới được cấp giấy đi đường. Đa số là lấy cớ vào thăm những thân nhân vì đã trót nghe theo lời Mỹ Diệm mà di cư hồi năm 54. Kỳ thật là họ muốn vào để tận mục sở thị những gì

mà họ chỉ được nghe nhỏ to kể lại. Khi vào tới Sài-gòn, họ sửng-sờ kinh-ngạc, choáng ngợp vì nhà cao cửa rộng và sự phồn vinh của xã hội Miền Nam. Rồi họ cũng đã có ý-nghĩ chua chát tương tự như của nhà văn Dương Thu Hương khi bà ngồi khóc bên một vỉa hè Sài-gòn năm nọ “sao một bọn man rợ mà lại có thể thắng một xã hội văn minh như thế này!”.

Vì có ngoại hình cũng khá nên chị Mùi được nhận vào làm nhân viên tại một cửa hàng bách hóa tổng hợp Hà-Nội. Nói là bách hóa, một trăm thứ hàng, nhưng chẳng có gì ngoài một số “hàng trưng bày, không bán”. Nhân viên thì cũng chỉ có tính cách trình diễn chứ chẳng có việc gì mà làm. Vì vậy nên họ cứ tụ tập chuyện trò, bù khú cho tới hết giờ thì ra về. Vậy mà chị làm ở đó cũng được mấy năm. Rồi chuyện gì tới, đã tới. Chị bị dính bầu trong một lần rạo rục và thiếu cảnh giác với một gã thanh niên cùng khu phố. Chị cũng đã 25 tuổi rồi chứ ít gì. Sau khi sanh đứa con gái không mong đợi, chị Mùi giao đứa bé cho bố nó rồi một thân một mình vào Nam tìm tương lai.

Thời đó, trong mười năm đầu điều hành quốc gia theo chế độ “bao cấp”, toàn xã hội càng ngày càng lún sâu vào tình trạng nghèo đói. Ngay cả người dân ở đồng bằng sông Cửu Long, vừa lúa Đông-Nam-Á, mà vẫn còn phải ăn độn. Chưa bao giờ nạn này xảy ra trong lịch sử nước nhà. Các nước trong phe XHCN thì cũng đang gặp những nan đề của riêng họ, vì vậy họ chỉ viện trợ cho đồng chí Việt Nam anh em một cách nhỏ giọt. Nhận thức được mối nguy cơ, nên trong đại hội Đảng lần VI, năm 1986, CSVN quyết định đề ra chính sách cải cách về chính trị và kinh tế mà họ gọi nôm na là chính sách “đổi mới” hay “mở cửa” để tìm lối thoát. Tới năm 1991, Liên-Bang Xô-Việt bị giải thể hoàn toàn, bức “tường thành XHCN” đổ nhanh như ánh chớp trước sự ngỡ ngàng toàn nhân loại. Như được truyền cảm hứng thành công, nhân dân hàng loạt các nước Đông Âu cũng hồi hả đào mồ chôn chặt những cái thây ma XHCN của nước họ. Thế là CSVN bị mất hoàn toàn nguồn viện trợ từ phe XHCN. Nguồn dưỡng khí nuôi sống chế độ không còn. Chế độ đang đứng ngay trước bờ vực.

Chính sách “mở cửa” chính là để kêu gọi các nước tư bản đầu tư vào Việt Nam. Để tiếp hơi

cho chế độ. Rồi cũng từ đó, những người vượt biên, vượt biển mà trước kia bị Đảng xếp vào thành phần “ma cô, dĩ điểm” thì nay được đổi lại bằng một mỹ từ mang chút tính nhân văn “khúc ruột xa ngàn dặm”. Mục đích là nhằm dụ khị những “khúc ruột xa” này gửi tiền về giúp Đảng dưới chiêu bài là giúp thân nhân nghèo khổ. Hoặc dụ khị về thăm để chứng kiến quê hương ta đang “đổi mới” từng ngày. Mang theo càng nhiều ngoại tệ càng tốt. Lời dụ khị ngọt ngào này xem ra khá hữu hiệu. Chỉ nội trong năm 2015 vừa qua mà lượng “kiều hối” được ước tính là từ 13-14 tỷ mỹ-kim. Đây chính là số lời rỗng, chẳng mất một xu tiền vốn. Số tiền này được gọi là lợi tức từ ngành “ky nghệ không khói” mang lại. Chứ trong kinh tế, nếu muốn có được một số tiền lời thì số vốn đầu tư phải tương đương với 10 lần con số ấy.

Một thân một mình từ Bắc vào, chị Mùi có làm quen với một vài người đồng cảnh, cũng vào Sài-gòn để kiếm tìm cơ-hội. Đa số họ chẳng có nghề nghiệp gì trong tay. Thế là chị nghĩ tới cái vốn tự có. Của trời cho tội gì không tận dụng. Chị quyết định chăm chút thêm về nhan sắc với hy vọng là nhờ đó mà kiếm được đồng tiền. Muốn là được, sau đó chị trở thành gái bao đích thực cho những cán bộ tham-ô lăm tiền nhiều bạc. Mỗi cán bộ một thời gian. Hết tiền là hết bao. Ngoài thân phận gái bao, chị còn bí mật “nhảy dù” thêm với những khách mua hoa hào hiệp vào những ngày không có “chồng bao” bên cạnh.

Trong số khách làng chơi hào hiệp ấy, có một gã Việt kiều Úc, tên Hùng. Chẳng biết Hùng làm nghề ngỗng gì bên Úc mà cứ về Việt Nam liên tục, ăn chơi hào phóng, chi tiền cực đẹp cho những người phục vụ. Còn đối với chị thì hẳn không hề mây-may tính toán sau mỗi lần “vui vẻ”. Thấy vậy, chị Mùi đã ngầm có ý nghĩ là nhất định phải chài cho được gã Hùng này để có cơ may thoát khỏi cái thiên đường XHCN. Chị Mùi đã khéo léo giăng bẫy. Kết quả, Hùng bị dính chấu, say chị đến thất điên bát đảo. Thật ra thì nhan sắc của chị cũng chỉ ở mức thường thường bậc trung. Nhưng nhờ chị có khiếu trang điểm, lại còn có ngón nghề riêng cộng với giọng nói được luyện tập đặc biệt cho mục đích chài trai, nên gã Hùng mới

mê-mẩn đến như thế.

Rồi chị cố tình để cho dính bầu với Hùng. Kết quả như mong đợi, hẳn về Úc ly-dị vợ rồi quay lại cưới chị. Đồng thời làm hồ sơ xin bảo lãnh chị sang Úc theo diện vợ chồng. Trong lúc chị đang mang bầu, năm 1989. Theo yêu cầu, Hùng bảo lãnh luôn con gái riêng của chị, nhưng không được. Bố con bé không đồng ý. Tới Úc không bao lâu thì chị đập bầu, sanh ra một đứa con trai. Chừng hai năm sau đó chị thuyết phục anh chồng cũ cho chị bảo lãnh đứa con gái. Với lý lẽ là đứa con gái này sẽ là người gửi tiền về nuôi bố nó. Anh chồng cũ nghe thông và cho đứa con gái sang Úc với mẹ. Thế là chị sống với Hùng cùng với hai đứa con, một chung, một riêng.

Từ khi tới Úc, chị Mùi cũng chẳng phải làm lụng gì. Sau một thời gian ngắn ở Úc chị đã biết rõ chồng chị quả thật là một tay buôn ma túy chuyên nghiệp. Trước đây chị cũng có hồ nghi nhưng mỗi lần hỏi tới thì Hùng hoặc là phủ nhận hoặc lảng sang chuyện khác. Thật ra Hùng có làm gì thì cũng chẳng quan trọng, miễn chị có tiền bạc xài thoải mái là được rồi. Thỉnh thoảng chị cũng có theo Hùng làm thử vài chuyến. Trót lợt dễ-dàng. Rồi, ngày qua ngày, nghề dạy nghề, chị tự tin hơn. Cuối cùng thì chị tự làm riêng một mình. Hiệu quả có phần còn cao hơn cả Hùng nữa. Khi tự mình làm ra được đồng tiền, mỗi lần về VN lấy hàng, cũng như Hùng trước đây, chị lao vào ăn chơi phóng đãng, chi tiền không chùng tay, bao trai thật xộp.... Rồi từ đó chị cũng không còn mặn mòi với chồng như trước. Chị đã có sẵn một gã trai bao, hầu hạ chị như hầu bà hoàng mỗi lần chị về lại Việt Nam. Đến khi được nhập quốc tịch Úc thì chị ly-dị hẳn với Hùng, vào năm 2000, với lý-do: không hợp! Đứa con gái năm ấy cũng độ 18-19. Thấy rõ hành tung bắt lương của mẹ. Chán, bỏ theo trai. Còn thằng bé thì vẫn sống với mẹ. Khi mẹ vắng thì về với cha. Đến nay cũng hơn 25 tuổi mà cuộc sống chẳng khác chi một đứa bụi đời. Cũng hút xách, cũng bị bắt bỏ bót nhiều lần...

Thật ra trong thời gian “đi hàng” với Hùng, chị cũng đã bị bắt một lần vào năm cuối 1997. Vì lúc ấy chị đóng vai trò rất phụ trong việc phạm pháp nên chị chỉ bị tạm giam chừng một tuần lễ và rồi chỉ nhận một án lệnh làm việc cộng

đồng không đáng kể. Sau khi ly-dị Hùng thì chị đã tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm trong việc “đi hàng”. Do đó mà quy-mô mỗi chuyến hàng cũng được nâng cấp. Nhưng ở đời, dù kinh nghiệm đến đâu thì cũng có khi sơ-sẩy, “đi đêm có ngày gặp ma” là vậy. Chị đã bị bắt thêm lần thứ hai vào khoảng giữa năm 2005. Lần này thì không nhẹ tí nào, nhưng nói theo giới “bán trắng” là do chị cam tâm “làm chó”. Tức là “toàn tâm, toàn ý” hợp tác với cảnh sát khai ra toàn bộ những người trong đường dây. Kết quả như mong đợi. Cả đường dây bị tóm gọn. Chị được “thưởng công” bằng một bản án... treo.

Chị thừa biết là cái nghề “chạy” hàng sẽ không thọ, nên chị lại dờ ngón nghề “chài trai” của mình ra để mong tìm một nơi gửi gắm tâm thân. Mục tiêu của chị lần này là một gã ba Tàu vừa ly-dị vợ. Nghe đâu anh Tàu này thuộc loại doanh gia thành đạt tại Melbourne. Nếu chài được anh này thì chị còn lo gì mà không được sung-sướng tâm thân ở tuổi sắp xế chiều. Kết quả như ý. Chị cặp kè với anh này, anh ta say mê chị ngay từ lần đầu gặp-gỡ. Dầu chị già hơn hẳn cả chục tuổi nhưng do chị khéo trang điểm nên người nào tinh mắt lắm mới nhận ra. Thế là chị hối-hả bỏ tiền ra tổ chức một tiệc cưới linh đình tại một reception quen thuộc. Mục đích là để cho... chắc ăn, để “con mồi” không vượt khỏi tay. Cũng là để ra mặt, và ngầm khoe với giới “buôn bán trắng” là ta cũng có chồng, lại là anh chồng vừa trẻ mà lại vừa giàu nữa Bánh chưa!

Sau khi về sống chung, chị mới bật ngửa ra rằng thằng “chệch” này chẳng phải giàu có gì, mà trái lại nó còn vừa mới bị phá sản nữa, chẳng có một xu dính túi. Bởi vậy vợ nó mới bỏ. Lúc ấy chị tự nhủ, chẳng lẽ mới vừa làm tiệc cưới, mới vừa khoe khoang mà bỏ nhau coi sao được. Và lại trước mặt mọi người, chồng chị vẫn là một doanh nhân vừa trẻ vừa giàu. Chị đâu biết rằng cái tài sản phi pháp của chị chính là mục tiêu của hắn. Bởi vậy hắn phải cắn răng đi “say mê” và chịu cưới theo yêu cầu của chị. Những tưởng mình là người đi câu hóa ra mình chính là kẻ bị mắc câu. Chị mới nhận ra.

Chị thường đánh lạc hướng và che đậy những con mắt soi-mói của thế gian bằng cách cố tình

khoe khoang với toàn những điều tưởng tượng: “Chồng em chăm sóc em chu đáo lắm! Chồng em cung phụng cho em đủ mọi thứ. Em chẳng phải làm gì động đến móng tay. Bởi thế nên em mới hư, mới đi Casino tối ngày sáng đêm, mới mang nợ lên đến nhiều trăm ngàn đồng....mới phải vô tù” Chị cứ tưởng là người ta có thể tin vào những lời xảo trá.

Rồi chính chị hướng dẫn cho gã chồng “hờ” này vào cái nghề của chị. Nói là chồng hờ vì chỉ làm một tiệc cưới để đánh lừa thiên hạ chứ nào có “hôn thờ hôn thú” gì đâu. Thật ra là chị cũng đã có chủ ý riêng. Đã chuyển tất cả những bất động sản cho hẳn đứng tên. Nếu chị có bị bắt thì dù cảnh sát có muốn tịch thu tài sản thì trên danh nghĩa, chị chẳng có một tí-tí tài sản nào. Anh chồng Tàu theo pháp lý vẫn là người xa lạ. Nếu chị có bị kết án tù, vài năm sau ra thì tài sản mà hắn giữ hộ cũng vẫn ... y nguyên.

Bao nhiêu lần vợ chồng chị bị bắt nhưng đều thoát án tù. Chồng chị chỉ đóng vai phụ trong chuyện buôn bán phi pháp này. Cái chính là chị khôn khéo, hai vợ chồng không bao giờ để phần thiệt về mình. Sẵn sàng “làm chó” cho cảnh sát để đổi lấy sự tự do đi lại làm ăn. Chị nghĩ, ai mà biết được. Cảnh sát hoàn toàn bảo mật mà. Tuy vậy, dầu đầu có khéo cách mấy thì cũng sẽ bị lòi cái đuôi. Người trong giới, có ai mà chẳng biết cái thân phận “làm chó” của vợ chồng chị. Này nhé, vợ chồng chị là “tay to”. Thoạt đầu chỉ có vợ chồng chị bị bắt, vậy mà rốt cuộc mọi người trong đường dây đều lần lượt bị tóm gọn. Kể cả những tay “các kè” cũng không thoát khỏi. Rồi ai cũng bị ngồi tù, chỉ có vợ chồng chị là được hưởng án treo... Lần thứ nhất, 1997, chỉ bị tạm giam một tuần lễ rồi “beo” ra. Lần thứ nhì có hơi lâu hơn, cũng chỉ hai mươi ngày. Lần thứ ba, lại án treo...

Nhưng lần này không may cho chị. Có cả cảnh sát liên bang nhúng tay vào. Vừa bị truy tố vi phạm án treo, vừa bị “chạc” tội nhập lậu ma túy vào Úc với số lượng thương mại. Chị bị tạm giam trong tù đến hơn cả năm. Tất cả những người do chị chỉ điểm đều lần lượt vào tù và nhận án. Đến cuối cùng thì chị mới nhận bản án 11 năm tù, bị giam tối thiểu 9 năm. Thật ra là quá nhẹ đối với cái tội mà chị đã

phạm. Nhưng cũng phải, chị đã tận-tình “làm chó” thì mới được như vậy. Dù vậy, vợ chồng chị cũng quyết định kháng án. Giảm bao nhiêu hay bấy nhiêu. Dùng đồng tiền bán trắng để thuê luật sư “xịn”. Bốn tháng sau ra tòa kháng án, chị thắng. Bản án sụt thêm hai năm nữa, chỉ còn lại án tù 9 năm, bị giam tối thiểu là 7 năm. Trong giới “bán trắng” có một sự khẳng định như thế này: Tội bán trắng mà kháng án thì chưa bao giờ được giảm, nếu không cam tâm làm chó. Bảy năm trôi qua cái vèo, lo gì!

Trong tù, chị Hảo sống khỏe. Không thèm chơi với ai. Thay vì đi làm ở hăng, thì chị nhận công việc lau chùi, dọn dẹp cho một khu văn phòng. Chỉ cần hơn một tiếng là làm xong mọi việc. Rồi nghỉ cả ngày. Vừa nhẹ nhàng, vừa khỏi phải gặp nhiều “bà tám” ở trong tù. Không khéo họ lại khui ra cái quá khứ “làm chó” của chị thì bực mình lắm! Chị cũng chẳng tham gia bất cứ một sinh hoạt văn hóa truyền thống nào dành cho người Việt. Nhất là những lần có khách mời từ cộng-đồng. Chẳng hạn như ngày Tết, Phật Đản, Trung Thu, Vu Lan.... Tiếp xúc càng ít càng tốt. Vì tới đó thì thế nào cũng có người nhận ra chị. Phiền! Chính bà bạn tù của chị cũng từng làm cách này. Rồi khi ra tù, có người quen hỏi sao lâu quá không gặp thì chị ta nói là đi du lịch dài hạn ở Hoa Kỳ.... hoặc vì giận chồng nên bỏ về Việt-Nam... Có ai biết hư thực ra sao đâu!

Lúc đầu chồng chị vào thăm khá đều đặn. Rồi sau thưa dần. Chị chóng chế “tội nghiệp, chồng em bận làm business, cực lắm”. Thọ án được chừng hơn một năm thì chị nghe phong phanh là anh chồng trẻ của chị ở ngoài cặp hết cô này tới cô khác. Toàn là những người chị từng biết, lại toàn là các cô trẻ hơn chị cả chục tuổi. Có ai xa lạ đâu. Cũng toàn là dân trong nghề bán trắng cả thôi. Chúng nó biết hẳn ta giữ tiền của chị nên lén phéng tới kiếm ăn chứ có tốt lành gì. Không khéo thì tiền bạc, tài sản của chị sẽ bị bốc hơi chẳng còn gì trong ngày chị ra tù. Dù lúc ấy tài sản có còn mà thằng Tàu lật lọng bảo toàn bộ là của nó thì chị cũng sẽ đó luôn. Hoặc nếu nó hứng nó bán hết số tài sản để bao gái thì lại càng khôn nạn hơn! Chị giật mình nghĩ tiếp. Nhất định phải có một tờ giá thú chính thức thì mới có thể vừa bảo toàn được số tài sản vừa có thể cột chân thằng

chồng “phi công” hám gái kia. Án đã xử rồi, không sợ bị cảnh sát tịch biên tài sản nữa. Chỉ sợ thằng khôn bán đi để ăn chơi thôi.

Nghĩ vậy nên chị liền tới văn phòng gặp viên chức nhà tù để nhờ giúp đỡ, xin thủ tục được làm lễ kết hôn ngay trong lúc chị còn đang thọ án. Không thể để chậm hơn được.

Thủ tục cũng khá là nhiều khê. Nào là phải có đủ các loại giấy tờ, được sự chấp thuận của tổng-giám-độc, còn phải thuê một nhân viên có thẩm quyền siêu tra về tình trạng độc thân của hai người và ký giấy hôn thú nữa. Để thêm tính thuyết phục, chị nộp thêm hai tấm ảnh vợ chồng chị trong bữa tiệc cưới nữa. Nếu ngắm kỹ thì rõ ràng là “ra tình chị em”*. Phải hơn sáu tháng thì các thủ tục này mới xong.

Theo yêu cầu của chị, một lễ cưới được âm-thầm cử hành thật đơn giản tại nhà nguyện trong tù theo đúng thủ tục. Thành phần tham dự: cha mẹ chồng và hai đứa con của chị làm chứng, với người chứng nhận ký giấy hôn thú. Buổi lễ được tiến hành trong giờ “lock down”, tức là tất cả tù nhân đều bị nhốt trong nhà, không được phép ra ngoài. Tuyệt nhiên không có bất cứ một người bạn tù nào được biết. Bí mật hoàn toàn!

Có được tờ Hôn Thú trong tay rồi, chị có thể yên tâm ngồi tù cho đến ngày mãn án. Cũng được gần nửa đường rồi... nhanh lắm!
Rồi năm năm trôi qua. Hơn hai phần ba đoạn đường. Chỉ còn hai năm nữa thôi.

Đạo gần đây chị thấy trong người có những triệu chứng hơi bất thường. Đau buốt ngang thắt lưng, kéo dài xuống mông, rồi hai đùi sau. Đó là triệu chứng đau thần kinh tọa. Đi đứng khá khó khăn, mặt mày nhăn-nhó. Ngồi lâu cũng đau, nằm cũng đau... Những cơn đau âm-ỉ này có khuynh hướng gia tăng vào ban đêm. Chị không thể nào có được giấc ngủ ngon lành như trước nữa. Khi tới phòng y-tế trong tù thì bác-sĩ tức tốc gửi chị đi bệnh viện phụ khoa để chụp X quang và siêu âm tử cung. Kết quả, trong tử cung của chị chứa toàn là bứu. Như chị nói: “bứu đầy kín hết tử cung anh ạ”. Kích cỡ to nhỏ khác nhau.

Chị kể, hồi năm 2005, khi bị bắt tại phi trường Melbourne, vì bị nghi có dấu ma-túy trong chỗ kín nên cảnh sát giải chị tới bệnh viện Royal Women's Hospital để chụp X quang. Lần ấy, bệnh viện đã báo cho chị biết là tử cung của chị có bứu. Họ khuyên chị phải đi khám bác sĩ và điều trị. Biết thì biết vậy, nhưng không thấy có triệu chứng gì nên chị cũng cho qua luôn. Vậy là những cái bứu đã được cảnh báo hồi 10 năm trước đã dần dần “trưởng thành” theo năm tháng. Thật ra, lúc rảnh ở trong tù, cũng có vài lần chị muốn xin cho đi bệnh viện để khám phụ khoa. Nhưng rồi lại thôi. Chị ngại lắm! Vì khi ra ngoài, có cai tù đồng phục giống như cảnh sát theo hộ tống, hai tay lại bị còng, ai trông vào cũng biết là ... tù. Ngượng chết đi được.

Thật ra, khi áp tải tù nhân ra tòa hoặc bệnh viện thì đều có lối dành riêng. Công chúng không thể nào thấy được.

Lần này, theo kế hoạch thì chị sẽ được đưa đi bệnh viện để làm sinh thiết. Tức lấy mẫu tế bào các cục bứu để đưa đi xét nghiệm. Một tới hai tuần sau thì có kết quả. Có thể là bứu lành, chỉ việc giải phẫu, cắt bỏ là xong. Nếu là bứu độc, tức là bị ung thư thì sẽ không đơn giản. Các thủ tục điều trị sẽ phức tạp hơn, lâu dài hơn, tốn kém hơn, mà hiệu quả thì cũng rất hạn chế. Có thể sẽ dễ dàng dẫn đến tử vong.

Trong khi chờ đợi để được làm các công đoạn điều trị như trên, chị cũng có suy nghĩ nhiều điều. Chị đã công tâm mà nhận rằng cuộc đời của chị toàn gặp những điều may mắn. Dù đang mang thân phận người tù, nhưng chị được đối xử hoàn toàn nhân bản. Bác sĩ ở đây xem chị là một bệnh nhân, không phải tù nhân. Dù cho bị bệnh nan y thì chị cũng sẽ nhận được sự chăm sóc và điều trị một cách tận tình y chang như bất cứ một người dân lương thiện nào khác, dù có tốn kém bao nhiêu. Chính phủ sẽ chi trả toàn bộ.

Nghĩ lại chị thấy tội cho dân mình ở trong nước quá. Nhất là những người nông dân chân lấm tay bùn. Họ rất khúm núm khi tiếp xúc với y-tá, bác sĩ. Nếu chẳng may phải vào điều trị ở nhà thương thì hoặc là tán gia bại sản, hoặc là giữa chừng người nhà phải đưa bệnh nhân về chờ chết vì không đủ tiền viện phí để theo đến tận cùng quá trình điều trị.

Nghĩ xa thêm, chị thấy mình sao quá là may mắn đã được định cư tại một thiên đường như nước Úc. Một xứ sở vừa giàu, vừa nhân bản khó có xứ nào bằng. Chị nghĩ mình là một con tội phạm, chưa bao giờ làm một điều lợi nhỏ nào cho xứ sở này, mà chỉ toàn làm những chuyện bất lương.... Vậy mà người ta đã đối xử với chị chẳng khác gì với những người bản xứ. Nếu bệnh trạng của chị có diễn biến theo chiều hướng xấu thì chị cũng “hồ hởi” nhắm mắt xuôi tay. Người ta đã “tận nhân lực” rồi. Vậy cũng đã là may quá rồi.

Hãy nghĩ xem, cứ như bà Nguyễn Thị Hương mới đây, cũng là công dân Úc nhưng không được may mắn như chị, do bị bắt tại Tân Sơn Nhất, dù đã 73 tuổi mà sắp phải chịu phanh thây trước đội hành quyết tại pháp trường của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Còn chị, trước sau gì cũng đã được cuộc đời hoàn toàn ưu-đãi.... cho đến tận phút này.

Nhân mùa Vu-Lan, nhân viên tuyên-úy có tổ chức ngày lễ trọng đại này cho tù nhân người Việt. Chị ngại tới chỗ đông người nên chỉ nằm nhà. Lim-dim nghĩ tới hai đứa con, đứa 34 đứa 27 tuổi, mà chị chưa bao giờ làm tròn bổn phận của một người mẹ đối với chúng từ thuở còn thơ. Tuy vậy, chị cũng cố nhét vào mồm hai đứa nó một lời tưởng-tượng: “Mẹ chính là người mẹ tuyệt vời nhất của chúng con...”. Và nụ cười mỉm chi méo xệch với những giọt nước mắt rơi!

NGUYỄN TÁT THẮNG

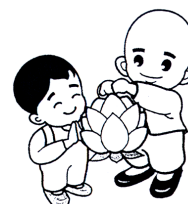
Vu-Lan 2016.

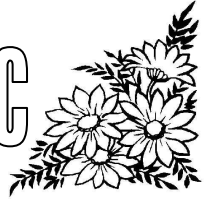
Đời Văn Đẹp Sao!

Tên một bài hát từ miền Bắc của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu.

*Ca dao:

“Chồng già vợ trẻ thì xinh; Vợ già chồng trẻ ra tình chị em.”





Phật tử Long Vận:

Nói đến Phật tử Long Vận có thể nhiều người trong chùa Quang Minh sẽ không biết. Nhưng nói chú Tư Sinh hay anh Tư Sinh thì rất nhiều người biết ngay. Thầy trụ trì Thích Phước Tấn thường gọi Phật tử Long Vận là chú Tư rất thân mật. Tôi thì gọi là anh Tư vì là người đồng hương với nhau. Nhà anh Tư và tôi ở thành phố Mỹ Tho gần nhau. Anh và tôi học cùng trường trung học Nguyễn Đình Chiểu, một trường công lập lâu đời nhất ở miền Nam Việt Nam. Anh Tư thuộc thế hệ đàn anh và lớn hơn tôi gần một con giáp. Lúc anh Tư đi du học bên Hoa Kỳ tôi mới vào học lớp đệ tứ. Cùng định cư tại Úc, tha hương hội ngộ đồng hương và anh xem tôi như một đứa em. Anh nói chuyện với tôi xưng anh Tư, gọi tôi là em thật ngọt ngào. Nhà anh ở Adelaide, nhưng anh đi làm tại Melbourne từ thứ hai đến thứ sáu. Anh chỉ về với vợ con ở Adelaide vào cuối tuần mà thôi. Anh không phải là liên viên chánh thức của đạo tràng Cực Lạc Liên Hữu chùa Quang Minh, nhưng thỉnh thoảng anh đến thọ bát quan trai, hay tham dự những khoá tu ngắn hạn. Từ khi gặp gỡ anh Tư ở trong đạo tràng và anh trở thành thân thiết với tôi. Lâu lâu anh đến nhà tôi và mang cho gia đình tôi những đặc sản nông trại của anh ở Adelaide.

Mùa thu năm rồi Ni Sư Triệt Như đến hoằng pháp tại Úc Châu. Ni Sư có mở một khoá tu tại chùa Từ Quang. Anh Tư có đến tông tu. Sau khoá tu này anh ngã bệnh và tôi không có cơ hội gặp anh nữa. Dù vậy, thỉnh thoảng chúng tôi vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại. Mỗi thứ bảy anh và tôi hay điện thoại nhau để vấn an và đàm

đạo. Anh hay nói: “Anh bệnh nhưng không sao đâu em, anh chỉ tội nghiệp chị Tư em lo lắng cho anh quá!”.

Có lần hai anh em thảo luận về khoá tu do Ni Sư Triệt Như hướng dẫn. Tôi không đủ duyên để theo tham dự khoá tu. Anh kể cho tôi nghe tóm tắt những gì anh hiểu được ở tánh không như sau.

“Em à, Phật pháp thậm thâm vi diệu nên đôi ba ngày, đôi ba năm học hỏi và hành trì chẳng được bao nhiêu đâu em. Trong toàn bộ giáo huấn của Bốn Sư Thích Ca của chúng ta thì tánh không là một chủ đề khó thấu triệt nhất, bởi vì đây chính là phần cốt lõi của Phật giáo. Những người họ chỉ biết nghiên cứu bằng sách vở, chẳng những sẽ không hiểu được tánh không, mà lại còn rất dễ hiểu biết sai lầm. Trái lại, những ai biết quan chiếu tất cả những gì xảy ra trong tâm thức mình và tự nhận định được những điều nào là đúng trong chính tâm thức mình thì mới không sợ bị lầm lẫn.

Sau khóa tu với Ni Sư, anh cố gắng thực tập quán sát sự tiếp xúc giữa tâm thức với tất cả các sự vật chung quanh. Anh cố nhận biết được bản chất của các hậu quả mang lại từ sự tiếp xúc đó. Nhiều người xem Đức Phật như một y vương tâm thân. Chúng ta cũng đã biết có hai loại bệnh. Bệnh thứ nhất là các bệnh thuộc thân xác và thứ hai là tâm thân thuộc lãnh vực tâm linh. Bệnh tâm linh là một căn bệnh khi người ta không thấy những sự vật, sự việc đúng như thật. Cái bệnh thể xác của anh hiện tại không ghê gớm bằng thứ bệnh liên quan đến vô minh, hay là sự hiểu biết sai lầm. Nếu chúng ta hiểu biết sai lầm thì tất nhiên là nó sẽ đưa đến những hành động sai lầm

và từ đó phát sinh ra những đau khổ ngút ngàn.

Vì vậy, chúng ta nên nỗ lực chữa lành được căn bệnh tâm linh ấy. Phương thuốc giúp chữa khỏi chính là tánh không. Hơn nữa tánh không là một phương thuốc có công năng giải hóa tất cả mọi thứ tâm bệnh. Bởi vì đạt được tánh không, là đạt được sự giải thoát hoàn toàn. Phương thuốc giúp chữa lành căn bệnh tâm linh chính là sự hiểu biết và giúp chúng ta ý thức được tánh không. Khi tánh không hiện lộ ra, nó sẽ chữa khỏi những căn bệnh của tâm. Ngoài ra anh Tư của em đã và đang thực tập hạnh bố thí. Đây chính là một hành động buông xả và cũng là một cách để buông bỏ chính mình . . .”

Mấy tháng sau tôi và anh Tư không có gọi điện thoại nhau. Lúc đó sắp hết mùa đông năm 2015. Đêm đó anh Tư gọi điện thoại cho tôi mới biết anh ra vào bệnh viện nhiều lần trong vòng mấy tháng qua. Melbourne ngoài trời mưa nhiều, gió thổi vụt vù. Tôi đọc cho anh nghe bài thơ tôi mới viết cách đó vài hôm:

*Bây giờ mùa đông sắp tàn,
Gió đông thổi hết lá vàng thuở xưa.
Thời gian nước chảy gió lùa,
Lòng còn lưu luyến một mùa lá rơi.*

*Nghìn năm mây trắng vẫn trôi,
Dòng sông nước vẫn muôn đời về xuôi.
Vô thường cảnh vật đổi dời,
Nương dâu biển cả một thời còn đâu!*

*Xuân xanh thoáng đã bạc đầu,
Sao còn xây dựng gác lầu làm chi.
Vô thường tất cả còn gì,
Gò hoang, đất lạnh xì xào gió đưa.*

*Tranh nhau chút lợi danh thừa,
Đến khi đạt được cũng vừa hoàng hôn.
Nắng chiều lịm tắt cô thôn,
Đêm đông gió lạnh oan hồn thở than.*

*Bao nhiêu danh lợi bạc vàng,
Cũng không mua được ngày tàn thế nhân,
Vô thường lớp sóng bao lần,
Mà không thức tỉnh cõi trần vẫn mơ,*

*Nghìn năm mây vẫn lửng lơ,
Hai vầng nhật nguyệt muôn đời sáng soi,
Số phận con người gấm coi,
Trăm năm một thoáng để rồi ra đi . . .*

Nghe qua, anh Tư thích những vần thơ trên. Anh kêu tôi gửi qua e-mail cho anh in ra để ngâm nga trong những lúc trống vắng. Hiện tại anh Tư không được tiếp xúc người ngoài, ngoại trừ gia đình, vì anh yếu dễ lây bệnh của người khác. Có lần nói chuyện qua điện thoại anh Tư khuyên tôi:

“Trong cuộc sống ai cũng có riêng cho mình những kế hoạch, những dự định riêng, rồi những nỗi lo toan cho cơm, áo, gạo, tiền. Nhưng đôi lúc, dường như con người chúng ta không còn có thời gian quan tâm tới những việc, những người xung quanh. Trong dòng đời vội vã, nhiều người dường như đã quên đi tình nghĩa giữa người với người. Cuộc đời đâu phải chỉ trải đầy hoa hồng, đâu phải ai sinh ra cũng có được cuộc sống giàu sang, có được gia đình hạnh phúc toàn diện mà còn có nhiều mảnh đời đau thương, bất hạnh, cần chúng ta sẻ chia, giúp đỡ. Chúng ta đâu chỉ sống riêng cho mình, mà còn phải biết quan tâm tới những người khác. Đó chính là sự cho và nhận trong cuộc đời này.

Em chắc cũng đã có lần nghe câu nói: cho đi là hạnh phúc. Nhưng em à, thực hiện được điều này không dễ đâu nghen. Hạnh phúc nhận được khi cho đi chỉ thật sự đến khi cho đi mà không nghĩ ngợi đến lợi ích riêng của chính bản thân mình. Đâu phải ai cũng quên mình vì người khác. Em ơi sống đừng chỉ lo cho mình không thôi, hãy để trái tim có những nhịp đập yêu thương để giúp đỡ người khác.

Cho, không có nghĩa là khi chúng ta có đầy đủ về vật chất mới có thể giúp đỡ người khác, mà đôi khi chỉ cần một lời hỏi han, khuyên lơn đúng lúc để giúp người khác để có thêm sức mạnh, niềm tin và nghị lực. Em hãy làm một việc gì đó, có thể giúp đỡ một ai đó trong lúc túng quẫn, những kẻ xa cơ lỡ vận, hay những lúc gặp khó khăn, em sẽ nhận được những niềm vui vượt lên hơn cả sự mong đợi. Dù cho rằng sự giúp đỡ chỉ chút ít tiền bạc hay chỉ là một vài lời động viên an ủi; em sẽ cảm nhận được niềm hạnh phúc tràn ngập từ trong sâu thẳm trái tim mình. Hạnh phúc đó đang đến từ chính hành động đẹp đẽ của em. Khi người khác gặp khó khăn, em nên luôn ra tay giúp đỡ. Khi người khác có tâm sự, nỗi niềm, em nên là người lắng nghe và sẵn sàng chia sẻ. Khi thấy người khác hạnh phúc, em hãy luôn mỉm cười, chung vui với người khác, đừng ganh tị. Cuộc sống này có quá nhiều điều mất mát bất ngờ, nhưng quan trọng nhất là chúng ta giữ lại mãi tình yêu thương. Tóm lại sống không chỉ là nhận mà còn phải biết cho đi. Lúc chúng ta cho đi nhiều nhất, là lúc ta được nhận lại nhiều nhất.

Anh tin tuyệt đối rằng trên đời này luôn có luật nhân quả và gieo gió thì sẽ gặp bão. Nếu chúng ta biết yêu thương người, thì cũng sẽ được yêu thương trở lại. Khi chúng ta giúp người khác, thì cũng chính là lúc chính ta tự giúp mình. Khi chúng ta cho đi cũng chính là lúc chúng ta nhận lại. Đây là những điều kỳ diệu nhất của cuộc sống." Vào trung tuần tháng 9 năm 2015, tôi vào nằm bệnh viện St Vincent, ở Melbourne. Tôi không ngờ anh Tư cũng nằm trong bệnh viện ở Adelaide. Đêm đó anh điện thoại thăm tôi, trong khi cả hai đều nằm trên giường. Nhất là cả hai đều trải nghiệm được cái bệnh khổ, vì cả hai đều đang là bệnh nhân. Cả hai đều thông cảm cho những tiếng rên la thảm thiết của kiếp nhân sinh khi lâm vào cảnh đau đớn.

Vài tháng sau đó anh điện thoại tôi lần nữa, anh nói về việc tu thân cho tôi nghe:

"Em à, bốn phận quan trọng và trước tiên là đối với bản thân của mình. Tu thân, tề gia, trị quốc rồi mới bình thiên hạ. Mọi việc sẽ chẳng tới đâu, nếu bản thân ta chưa biết tu tập. Vấn đề ưu tiên không phải là những gì xung quanh mình, nhưng là chính mình. Vì thế quan trọng nhất là đối diện với chính mình. Gần cả năm nay anh Tư của em tự giam mình trong một căn phòng và tách rời với bên ngoài để chính mình nhìn lại mình từng phút, từng ngày.

Em à nhìn giới không phải là nhìn người khác, mà là nhìn vào bản thân mình, để thấy được chính mình. Ai không nhìn thấy bản thân mình thì cũng chẳng nhìn thấy được tha nhân. Sự dửng dưng là một khoảng trống, nhưng đừng sợ hãi vì phải đối diện với chính mình, đừng sợ thấy những điều mình không muốn thấy, nhưng lại là những điều cần nhất phải thấy. Như vậy chúng ta mới thấy rõ bộ mặt của chính mình. Chúng ta thấy những cái đáng lo ngại trước lối sống và tình trạng của mình; thấy mặt trái nhân cách của mình. Chúng ta thấy không thể tiếp tục che giấu bộ mặt thực của mình với nhiều loang lỗ.

Tương tự cũng như nhìn, nghe giới không phải là nghe người khác mà là nghe chính mình. Ai không nghe mình thì cũng chẳng hiểu người khác. Chẳng ai có thể hiểu được người khác thâm sâu, khi chưa hiểu được chính mình. Có biết lắng nghe mình, mới có yêu thương thực sự và trọn vẹn người khác đó em.

Sự tĩnh lặng trong tâm hồn là một nghệ thuật, nhưng nó đang bị đánh mất giữa một thế giới hiện tại, càng ngày càng nhiều những ồn ào, hấp tấp và xáo động từ mọi phía. Âm thanh bên ngoài dường như nó chiếm cứ toàn bộ cuộc sống con người, từ lúc thức dậy đến khi đêm về đi ngủ. Những âm thanh đó như bức tường che lấp và phủ

kín âm thanh của tâm hồn, khiến ta không còn khả năng đối diện với chính mình. Từ lúc ngã bệnh đến nay anh có được sự tĩnh lặng từng giờ, từng ngày và nhận biết sự thật có bóng tối thì mới có ánh sáng. Anh phải can đảm vượt qua mọi trở ngại mới biến nỗi buồn thành niềm vui”.

Có lần tôi đang trong sở làm anh Tư gọi điện thoại cho tôi. Anh nói anh đã lên Melbourne và đang nằm tiếp huyết ở nhà thương St Faulkner ở Coburg cách nhà tôi chừng và trăm thước. Anh kêu tôi đến gặp anh. Đáng tiếc thay, tôi vì việc làm không thể đến với anh được. Mới đây tôi và anh Tư nói chuyện nhau hằng giờ. Cả hai đều nhắc về Mỹ Tho với con sông Bảo Định, bến đò xưa, chợ Cũ, rap hát Viễn Trường vân vân và vân vân. Khi nhắc đến mận Trung Lương anh khoe anh có trồng giống mận Mã Lai ngon ngọt lắm. Anh dùng điện thoại đi động chụp hình những cây mận trồng sau nhà anh với những chùm trái nặng trĩu và gửi qua viber cho tôi xem “*thấy mà thèm*”. Vài ngày sau đó anh gửi qua bưu điện cho tôi ba hạt mận làm giống để trồng.

Buổi sáng đầu mùa đông này tôi nhận tin anh đã thanh toán ra đi trong đêm 30 tháng 5 năm 2016 (*nhằm 24 tháng 4 năm Bính Thân*). Thầy trụ trì đi máy bay xuống Adelaide hai lần: một lần tân liệm 02/06/2016 và một lần làm lễ hỏa táng cho anh 06/06/2016. Nhiều thân hữu, đạo hữu và đồng hương từ các nơi xuống Adelaide đưa tiễn anh Tư lần cuối cùng.

Hai đóa sen rơi rụng giữa mùa đông:

Liên hữu Tâm Trúc có mặt trong đạo tràng Quang Minh từ thuở ban đầu. Chị Tâm Trúc đã làm duy na trong các thời khoá của đạo tràng trong nhiều năm. Cách đây hơn 2 năm chị quên hết sự đời nên phải ngưng sinh hoạt. Tôi còn nhớ trước kia mỗi lần gặp gỡ chị ở chùa chị hay nói: “*Em à rán tu nha, đời khổ lắm em ơi!*”. Chắc chắn là

sau nhiều năm học hỏi Phật pháp và hành trì nên chị đã biết thế gian này là vô thường và cuộc đời này đầy đầy đau khổ. Chị đã thấy chỉ còn một con đường là diệt khổ bằng cách tu đạo.

Vào ngày 01 tháng 7 năm 2016 này chị Tâm Trúc đã trút hơi thở sau cùng. Chị đã ra đi vô cùng thanh thản. Tang lễ của chị tổ chức tại chánh điện cũ chùa Quang Minh với sự hiện diện đông đảo của quý Thầy, quý Sư Cô và các Phật tử, liên hữu và con cháu của chị .

Bây giờ nói về liên hữu Nguyễn Phú 1, anh gia nhập đạo tràng trên dưới 5 năm. Từ khi quý thầy thành lập chúng nam Triệt Ngô thì đã có mặt anh. Anh Nguyễn Phú cũng lớn hơn tôi cũng gần con giáp. Anh luôn xưng là anh và gọi tôi là em như anh Long Vận. Anh ngã bệnh cách đây hơn 2 năm nên không thể tiếp tục sinh hoạt cùng các bạn sen trong đạo tràng.

Đầu mùa đông 2014 khi nghe tin anh giải phẫu xong trở về nhà. Anh Huệ Trân và tôi điện thoại hẹn đến thăm anh. Khi chúng tôi đến anh Nguyễn Phú đã đứng chờ trước cổng tự thưở nào. Anh nói nghe hai vị đến thăm, tôi mừng quá nên ra cổng chờ hơn nửa giờ rồi. Trời mưa lất phất, gió lạnh thấu xương, gương mặt anh tái xanh, người gầy còm thấy thật là cảm động. Sau khi uống trà, hàn huyên ở phòng khách, anh hướng dẫn chúng tôi vào phòng riêng của anh Anh chỉ trên đầu giường một tôn tượng đức Phật. Anh nói: vợ anh thấy tượng Phật người ta bỏ ở vệ đường đem về đưa cho anh.

Dù anh bệnh mất sức rất nhiều nhưng vẫn giữ trường chay. Thời gian sau đó bệnh tình thuyên giảm nên mỗi tuần anh đều vào chùa Quang Minh mua thức ăn chay. Anh thường ngồi gần tôn tượng Bồ Tát Quan Âm để chờ tôi thọ trai xong để gặp nhau trao đổi một vài mẩu chuyện rồi mới về nhà. Có lần tôi đọc bài thơ Như Tâm của

nhà thơ Như Nhiên cho anh nghe:

*Tâm như sông và sông như tâm,
Lúc sóng xô xao, lúc lặng thâm,
Vui buồn, sướng khổ rồi xuôi chảy,
Một người nhìn sông trôi quanh năm.*

*Mây như tâm và tâm như mây,
Chợt đến, chợt đi giữa tháng ngày.
Mây bay du thú hay thường tại,
Xanh ngắt trời xanh không đổi thay,*

*Hoa như tâm tâm như hoa,
Hương sắc bao phen để nhạt nhòa,
Một đóa sen lòng tươi thắm mãi.
Uớm hỏi nhân hoàn ai biết qua?*

*Tâm như gió và gió như tâm,
Trầm bổng vì vu khúc nguyệt cầm.
Nổi niềm thả gió ngàn phiêu bạt,
U uẩn vì tâm, bao thế âm.*

*Mưa như tâm và tâm như mưa,
Rơi trên trần mộng đã bao mùa,
Mưa chẳng ươm sâu, sao ướt lệ,
Đâu lá sen còn giọt nước xưa,*

*Tâm như đất và đất như tâm,
Gửi rác, tung hoa vẫn lặng câm,
Nằm nghe đất thở từng tâm niệm,
Nghịch, thuận hề . . . vô quá ngại tâm!*

*Thiên nhiên tâm, này tâm thiên nhiên,
Lẽ Đạo hàm dung khắp mọi miền.
Chiều lên núi thả thơ theo gió,
Trai chút tâm tình với vạn niên . . .*

Anh Nguyên Phú nói từ lúc bệnh đến nay anh coi như là anh đang nhập thất vô thời hạn. Anh dành hết thời gian mình có để được thâm cứu kinh điển. Anh đã chán ngán Ta Bà, nỗ lực niệm Phật cầu vãng sanh về thế giới của Phật A Di Đà. Anh chuyên chú về pháp môn niệm Phật. Có lần anh nói rõ cho tôi nghe về pháp môn này. Anh nói:

“Em biết không niệm Phật là pháp môn tu

khá phổ biến hiện nay. Không phải thấy nhiều người tu rồi anh tu theo, mà anh tìm hiểu căn cứ lắm. Pháp môn này được những người con Phật thực tập rất tinh chuyên từ thời Thế Tôn còn tại thế. Những cách tu niệm Phật như trì danh niệm Phật, quán tượng niệm Phật, quán tưởng niệm Phật v v đã có từ thời Phật Thích Ca và do chính Ngài chỉ dạy. Ngày nay, ngoài những người tu niệm Phật Thích Ca thì phần đông các Phật tử tu theo Tịnh Độ tông niệm Phật A Di Đà. Dù niệm Phật A Di Đà, hay những danh hiệu Phật khác nhưng cách thức trì danh, quán tượng, quán tưởng v v vẫn không thay đổi.

Nam truyền hay Bắc truyền đều có tính nguyên thủy trong đó. Chư tổ sau này vẫn gìn giữ, kế thừa và phát huy với nền tảng vững chắc, rõ ràng của Phật Bốn Sự. Niệm là tâm nhớ nghĩ, miệng niệm. Quán tượng là tâm quán thấy tướng tốt của Như Lai. Quán tưởng là tâm tưởng niệm các công đức của Như Lai. Từ chuyên tâm niệm Phật để chỉ, đến quán như quán về ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười trí lực, mười danh hiệu, bốn tâm vô lượng, bốn đức vô úy v.v... của Như Lai. Chúng ta thấy rõ chỉ và quán luôn đầy đủ trong pháp môn này. Nên tu tập niệm Phật sung mãn thì sẽ thành tựu và trừ được các thứ loạn tướng mà các bậc thánh đã từng thành tựu.

Pháp môn Niệm Phật đã được Phật Thích Ca thiết lập trên nền tảng chỉ và quán để đưa đến định huệ. Anh nói cho em hiểu là thành tựu giải thoát niết bàn hay vãng sanh không khác nhau chẳng qua chỉ là ngôn từ mà thôi. Theo anh người niệm Phật ngày nay cũng nên tỉnh giác với nhiều vị hướng dẫn nói là pháp dễ tu, dễ chứng. Nếu suy nghĩ như vậy dễ rơi vào tự huyễn hoặc mình, quá dựa vào tha lực mà không cố gắng tự lực. Niệm Phật mà không nhất tâm, công phu không miên mật thì khó đạt được định và khó mà thành tựu giải thoát, vãng sanh. Đây chính là điều người tu niệm Phật

như anh em mình cần lưu tâm . . .

Tịnh độ chân nghĩa là gồm sức tự lực và tha lực, tạo thành sức mạnh tâm linh, để đạt được vãng sanh hay là chứng đắc niết bàn. Niệm Phật được xem là pháp môn căn bản trong các pháp môn được Đức Phật dạy trong kinh tạng nguyên thủy và ngay cả trong kinh tạng đại thừa. Thực tế tu tập hiện nay cho thấy có khá nhiều người quan tâm đến pháp tu niệm Phật và cảnh giới Tịnh độ. Nhưng nhờ tha lực, hồng ân tam bảo là nền tảng của niềm tin tu tập và cứu cánh giác ngộ.

Ngày nay anh em mình tu tập trong hoàn cảnh khá thuận lợi. Tại các chùa chiền, tự viện trong các thành phố của Úc điều kiện vật chất rất cao, lại rất yên tĩnh. Phật tử chúng ta sống trong hoàn cảnh không quá lo âu về cuộc sống, hưởng phúc lợi cao. Chúng ta sống trong những khu nhà ở Úc khang trang, vắng vẻ rất dễ nhiếp tâm niệm Phật thì tìm ở đâu nữa và chờ đợi đến bao giờ?

Đối với người cư sĩ như anh em mình, Phật dạy nên phát tâm tu học năm giới, tu bát quan trai. Nên quán về Phật, Pháp, Tăng và Giới để phát triển đạo đức. Tiến xa hơn chúng ta, học theo đức hạnh của Phật. Chúng ta nên thanh tịnh nội tâm để vượt qua các thứ phiền não, không chạy theo sự lôi cuốn của tham ái, vật chất để phát sanh nhiều năng lượng giải thoát.

Nếu chúng ta thường niệm Phật, thiện pháp sẽ phát sanh, ác pháp tiêu trừ, sống an nhiên tự tại. Niềm tin rất quan trọng, nhất là tin Phật, Pháp và Tăng. Niềm tin càng vững thì muôn công đức lành sẽ phát sanh. Người niệm Phật tinh cần đến nhất tâm sẽ được Phật hộ niệm, từ đó phát huy được trí huệ và đi đến giải thoát. Khi có tuệ giác người tu thấy cuộc đời khổ, vô thường, vô ngã thì phiền não tham ái tự nhiên được đoạn trừ. Niệm Phật thì tâm chúng ta hiện

lộ đặc tính của Phật. Nếu từ cá nhân, gia đình và xã hội đều có nhiều người niệm Phật thì thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc. Cho nên niệm Phật là con đường xây dựng hạnh phúc cuộc đời và nền tảng của sự thoát ly luân hồi sanh tử.

Anh biết có người bảo rằng tu niệm Phật suốt ngày cầu sanh Tây phương, trông ngóng giờ lâm chung, sẽ sanh thái độ bi quan với cuộc sống hiện thực. Đó là vì họ chưa hiểu chân nghĩa của giáo lý Tịnh độ. Anh hỏi em đời là khổ hay vui? Nếu nói đời là khổ thì do đâu mà có khổ? Phải chăng do ái nhiễm dục lạc mới khổ. Người tu bất cứ pháp môn nào cũng có thái độ sống xả ly tham ái và chấp thủ. Tâm ấy gọi là tâm giải thoát rồi. Niệm Phật là lộ trình tịnh hóa tâm thức, phát khởi tâm Phật, phát khởi tâm chân như, phát khởi tâm đại bi thương tất cả chúng sanh. Cho nên tu niệm Phật không phải là bi quan, mà lạc quan và tích cực giữ tâm lìa tham ái, chấp thủ thế gian. Đem tâm từ bi giúp đời bớt khổ, làm mọi việc lành để vun bồi phúc đức và trí tuệ, đem sự nghiệp tu hành hồi hướng Tây phương Tịnh độ. Vãng sanh Tây phương không phải là chạy trốn cuộc đời mà để sớm hoàn thành nhân cách giải thoát như Phật và Bồ tát để trở lại Ta Bà cứu độ chúng sanh.

Người tu Tịnh độ cần có chánh kiến, tin nhân quả, tin lời Phật dạy, tin nguyên lý y báo và chánh báo. Tâm niệm Phật và hành thiện trong đời sống này là tâm trang nghiêm Tịnh độ. Hành trang về Cực lạc là sự dấn thân vào cuộc đời để hành đạo. Cuộc đời khổ đau này là ruộng phước điền và công đức to lớn cho người biết tu niệm Phật”.

*Có lần anh Nguyên Phú và tôi ngồi bên cạnh tôn tượng Bồ tát Quan Thế Âm trước chánh điện cũ chùa Quang Minh trao đổi về chuyện bệnh đau. Anh nói:
“Chắc em phải công nhận rằng con người*

sống trên đời quý nhất là sức khỏe, bởi có sức khỏe là có tất cả. Anh có thể nói trừ một vài trường hợp hy hữu đầy đủ phước báo thì người ta chẳng biết ốm đau và thuốc thang là gì, còn lại hầu hết mọi người đều mang trong mình nhiều bệnh tật. Bệnh hoạn, ốm đau, già yếu là thuộc tính của đời sống con người, là quy luật của sự sống, là thân phận của chúng sinh. Đã bệnh tật nhiên phải khổ, nỗi khổ càng được nhân lên khi về già như anh. Già yếu và bệnh tật đã và đang gặm nhấm sự sống con người. Nỗi khổ này là một sự thật mà tự thân mỗi người đều chứng nghiệm được và chẳng ai tránh khỏi. Vậy thì người con Phật phải làm gì để vượt qua thân phận sinh lão bệnh tử? Theo tuệ giác của Thế Tôn, trước hết phải nhận ra già, bệnh của thân là một sự thật, là bản chất của tám thân tứ đại này. Hình hài, thân thể chỉ là chiếc xe trung chuyển, điểm dừng tạm thời của bốn yếu tố đất, nước, gió và lửa vốn là giòng luân lưu bất tận. Bốn đại điều hòa tạm gọi là khỏe, không điều hòa gọi là bệnh, nhưng mấy khi bốn đại thực sự điều hòa hoà hài đâu. Nhận ra sự thật về già, bệnh của thân có tính tất yếu và chấp nhận nó là điều rất quan trọng để không còn khổ nữa..”

Cách đây không lâu con gái tôi mua quyển “Healing Anger” của ngài Dalai Lama thứ 16 viết đề làm quà sinh nhật cho tôi (*The Power of Patience from a Buddhist Perspective*). Sau khi đọc qua quyển sách này, tôi nhận thấy trong lịch sử nhân loại có những trang sử đẫm máu trong thế kỷ 20 vừa qua với hai cuộc đại chiến thế giới. Lịch sử Việt Nam qua cuộc chiến huynh đệ tương tàn nội da xáo thịt. Vì ý thức hệ mà mất đi tình tự dân tộc và sự đoàn kết người Việt không còn cho đến ngày nay. Nạn khủng bố cuồng tín người giết người không gớm tay ở Mỹ, các nước Trung Đông, và Âu châu v.v... Có lẽ nhân loại không để ý tới lời dạy vàng ngọc của đức Phật là những cuộc chiến tàn khốc, tang

thương, những nghi kỵ thù hằn đều bắt nguồn từ tâm sân hận. Trong lần nói chuyện với anh Nguyễn Phú dưới mái hiên chùa Quang Minh, tôi chia sẻ với anh:

“Anh à nếu mọi người biết thực hành hạnh nhẫn nhục, tương kính nhau, cho nhau những yêu thương và đối xử nhau bằng tình người chân thật từ trong gia đình đến ngoài xã hội để xoá bỏ mọi nghi kỵ, hiềm thù thì cõi Ta Bà này trở thành Tịnh Độ, thế giới an vui rồi”.

Anh gật gù tán thành, nhưng anh chắc lưỡi than:

“Biết đến bao giờ hả em?”

Mùa Vu Lan năm rồi tôi gặp anh Nguyễn Phú đi dự lễ ở chùa Quang Minh. Anh Nguyễn Phú kể tôi một câu chuyện rất thương tâm. Anh có người quen nhỏ hơn anh 7 tuổi. Cô này còn một mẹ già ở Việt Nam và bảo lãnh qua được bên Úc này. Bà cụ 85 tuổi. Từ đó bà mẹ héo mòn, ho hen cả ngày, có đêm vì ho bà còn ói mửa. Cô ta đưa mẹ nhập bệnh viện Sunshine. Bác sĩ khám, giữ bà lại một tuần, nhưng họ không tìm ra nguyên nhân.

Vừa về tới nhà, mẹ cô lấy ngay con dao nhà bếp đi ra vườn sau nhà. Cô cảm mẹ không cho sợ mẹ té ngoài vườn. Nhưng bà thoãn thoát làm cỏ, xới đất say mê quên cả bệnh! Té ra bà thềm làm lụng tay chân, bà nhớ mảnh vườn, nhớ bụi tre, nhớ đàn vịt, bày gà, nhớ cái nhà kỷ niệm của mình, nhớ quê hương yêu dấu. Anh Nguyễn Phú nói với cô ấy đừng có giữ bà lại bên này, nếu giữ lại là bà chết sớm. Sau đó cô ta làm giấy cho mẹ hồi hương về Việt Nam đúng vào lễ Vu Lan rằm tháng 7 năm rồi. Anh Nguyễn Phú khẳng định: " Một khi cây cỏ thụ đã già thì đừng bứng gốc mà đi trồng nơi khác. Bứng dời chỗ nó có cẩn thận cỡ nào rồi cây cỏ thụ cũng không sống nổi đâu".

Sáng sớm ngày 11 tháng 7 năm 2016 trên đường đến sở tôi nhận điện thoại anh Huệ Trân, rồi liên hữu Thiện Hỷ báo anh Nguyễn Phú mới vừa vãng sanh lúc lúc 8 giờ tối đêm 10 tháng 7 năm 2016 (Nhằm mừng 7 tháng 6 năm Bính Thân). Ngày 13 tháng 7 năm 2016, tang lễ tổ chức tại nhà quàng Footscray trong chiều đông giá lạnh.

Sau lễ phúng điếu tôi ra về, màn đêm buông phủ, gió lạnh vụt vù thổi, nỗi buồn sâu đậm trong lòng tôi. Về đến nhà, tôi ngồi trước bàn thờ niệm Phật để hồi hướng chút công đức đến anh Tư, chị Tâm Trúc và anh Nguyễn Phú thương kính.

Tôi ngồi đây ghi lại những dòng này mà tiếng hát của các bạn sen với bài hát “Mở Cửa Tây Phương” do Thầy Phó Ban Thích Phước Thái sáng tác trong lễ phúng điếu của đạo tràng Quang Minh như còn văng vẳng bên tai:

Mở cửa Tây Phương cho các nhân loại đi về, đi đi về.

Bên Tây Phương vui tươi, hằng nghe loài chim nói pháp.

Mau, mau mau lên, mau mau lên, thoát vòng tử sinh, thoát vòng tử sinh.

Chín phẩm hoa sen, lớn nhỏ tươi nở không đồng, không không đồng.

Bởi do tu siêng năng cùng hay là tu lười biếng.

Nếu ta tu lười thôi! Nếu ta tu lười thôi phẩm nào cũng khó mong, phẩm nào cũng khó mong

Cảnh trí Tây phương, hoa nở tươi đẹp bốn mùa, bốn bốn mùa

Chung quanh ao sen, toàn cây vàng cao màu báu

Kim cương không thôi! kim cương không thôi! thẳng hàng cây xanh, thẳng hàng cây xanh

Muốn đến Tây Phương, gắng chí niệm Phật mỗi ngày, mỗi ngày.

Liên hoa sanh ra, nào đâu còn lo già chết.

Chỉ vui không thôi, chỉ vui không thôi,

không còn khổ đau, không còn khổ đau.

Đến cảnh Tây Phương, thiên chúng trời nhạc rước vào, rước rước vào

Ôi! Tây Phương vui thay! Cầu mong về nơi cõi đây.

Ở chi bên này, ở chi bên này, nợ trần vãn vương, nợ trần vãn vương!

Hôm nay đêm trăng tròn tháng 6 âm lịch. Trăng mờ nhạt, ngoài trời sương trắng xóa. Mùa đông ở Úc là mùa an cư của chư tôn đức tăng ni. Bây giờ sắp cuối đông và Vu Lan, mùa xá tội vong nhân cũng sắp đến. Tôi viết lại tâm tình này những ai đọc qua vui lòng bỏ qua những lời lẽ vụng về. Tôi ước mong quý độc giả nương theo ý của những mẫu đối thoại trên của những người sơ cơ mới học hỏi Phật pháp trong “*Câu chuyện mùa đông*” này mà hướng tâm và hạ thủ công phu tu hành. Được vậy thì thật là tốt lành lắm thay!

Moreland, ngày 20 tháng 7 năm 2016.

Minh Quang



C húng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Vu Lan này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tịnh tài cho việc phát hành số báo này.

Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách Quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho số báo Mừng Vu Lan Báo Hiếu

Thầy Phước Quảng	50	Tâm An	10
Thầy Phước Nghĩa	50	Huệ Trí	10
Thầy Phước Viên	50	Chơn Chất	10
Sư cô Phước Nghiêm	20	Ngọc Liên	10
Sư cô Phước Trưởng	20	Tâm Mãn	10
Sư cô Phước Toàn	US. 200	Ngọc Đăng	10
Sư cô Phước Liễu	100	Chơn Huyền Phong	10
Sư cô Phước Ngọc	100	Tùng Ngọc	20
Sư cô Phước Chí	50	Thanh Diệu	20
Sư cô Phước Bình	50	Trí Dũng	20
Sư cô Phước Tâm	20	Diệu Ngọc	20
Sư cô Phước Chiêu	50	Ngọc Hồng	20
Sư cô Phước Lạc	50	Minh Quang (2)	20
Sư cô Phước Lễ	50	Ngọc Trang	10
Sư cô Phước Hương	50	Quảng Thanh	10
Sư cô Phước Thọ	50	Huệ Linh	20
Thức xoa Tuệ Tịnh	50	Tâm Hợp	100
Thức xoa Thuần Nghiêm	50	Minh Quang & Diệu Huệ	50
Sa di ni Pháp Âm	20	Gđ. Nguyễn Thị Ly - pd. Diệu Huệ	100
Sa di ni Diệu Kính	20	Trần Thị Ngó - pd. Diệu Hương	50
Quincy Trí Việt	30	Vi Thị Nương - Tâm Thật	50
Minh Khai	20	H/h cầu siêu hl. Chung Thị Thái Hoàng	
Tâm Hoa	10	pd. Huệ Thoại	100
Quang Thuận	5	H/h cầu siêu hl. Cao Thị Muội pd. Tâm Giác	100
Viên Lạc	20	Tâm Như – Chúc Phong	20
Diệu Bạch Liên	20		
Tâm Nhân	100		
Thiện Lương	20		

Danh sách Quý Phật tử đóng góp xây dựng Đại Tông Lâm Phật Giáo

Gđ h/l Đặng Văn Hiếu (600), Gđ h/l Đặng Thành Danh (600), Sc Phước Tâm (100), Trần Thị Lan pd. Diệu An (50), Ân danh ở TTL (25),

Gđ h/l Phạm Thị Mận (300), Gđ h/l Trần Văn Dưỡng (615), Gđ h/l Nguyễn đức Trí (640).

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo báo Vu Lan số 64

- | | |
|-------------------------------|-------------------------------------|
| - Nhà thuốc tây Mai | - Fairfield Funerals of Distinction |
| - Tiệm vàng Mỹ Tín | - An Lạc Vegan |
| - Tran's Aquarium | - Công ty kế toán Bùi Thanh Lân |
| - Tiệm vàng Hưng Thành | |
| - Tiệm vàng Kim Thâu | |
| - All-Villa Print | |
| - Huyện Motor Repair | |
| - Gạo thơm Hoàng Gia | |
| - Nha sĩ Phương Thảo | |
| - Thực Phẩm Á Châu Tường Phát | |

